



Trần huỳnh Châu

NHỮNG
NĂM
"CẢI TẠO"
Ở
BẮC VIỆT

TIỂU THUYẾT
NGUYỆT DAN

số đặc biệt 5

**NHỮNG NĂM
CẢI TẠO
Ở BẮC VIỆT**

Trần Huỳnh Châu

những năm
cải tạo
ở Bắc Việt

Trần Huỳnh Châu

Bìa: *Tiểu thuyết Nguyệt San*
Nguồn: Thư viện Tiểu Lùn

những năm
cải tạo
ở Bắc Việt

TRẦN HUỲNH CHÂU

TIỂU THUYẾT NGUYỆT SAN
1981

MỤC LỤC

00. Tiểu sử tác giả	10
0. Tựa	15
<i>Mai Thảo, Vũ Khiêm</i>	
1. Từ Nam ra Bắc	32
2. Những người Phục Quốc bị đày ra Bắc	65
3. Đói	83
4. Rét, Nóng và Bệnh Tật	117
5. Khổ Sai	136

6. Khai Báo, Kiểm Điểm	153
7. Vụ Đấu Tranh tại Trại số 5 Thanh Hóa	171
8. Thư Từ, Tiếp Tế, Thăm Nuôi	213
9. Xã hội Miền Bắc qua cái nhìn hạn chế của một người tù	235
10. Trên đường về Nam	303
11. Một vài cảm nghĩ	327

TIỂU SỬ TÁC GIẢ

Ông Trần Huỳnh Châu sinh năm 1937 tại Nha Trang. Thời chiến tranh trước năm 1954 ông theo gia đình tản cư về nguyên quán tức vùng rừng núi Quảng Nam. Tới năm 1952 ông trốn về vùng do chính quyền Quốc Gia kiểm soát, trở lại Nha Trang rồi vào Ba Ngòi làm giáo viên ở một trường tiểu học tư thục. Một năm sau, ông trở về Nha Trang, tiếp tục theo học trường Võ Tánh cho đến khi đỗ văn bằng Tú Tài phần nhất. Vào Sài Gòn theo học trường Chu Văn An rồi thi vào Học Viện Quốc Gia

Hành Chánh năm 1958.

Vốn thuộc gia đình cách mạng nên Trần Huỳnh Châu luôn luôn có những tư tưởng và hành động tích cực trong tâm niệm là phải làm một cái gì cho tổ quốc. Cho nên ngay khi còn ngồi trên ghế nhà trường, ông đã được nhiều người chú ý. Một năm sau khi tốt nghiệp, Trần Huỳnh Châu đã giữ một nhiệm vụ rất quan trọng, đó là Chánh sự vụ Sở Thông Tin Đô Thành. Ba năm sau, ông được cử làm Phó Tỉnh Trưởng Quảng Ngãi. Năm 1968, ông nhập ngũ theo lệnh động viên vào khóa 3/68 Trường Bộ Binh Thủ Đức. Khi nhận cấp bậc chuẩn úy trừ bị, ông lại được biệt phái về Bộ Nội Vụ để đi làm Phó Tỉnh Trưởng Kiến Hòa. Tên tuổi ông trong giới hành chánh mỗi ngày một nổi bật và được coi là một trong những cán bộ trẻ có tài. Năm 1973, ông được mời

giữ chức Tổng Thư Ký Bộ Nội Vụ.

Khi miền Nam lọt vào tay Cộng sản, Trần Huỳnh Châu bị bắt đi “cải tạo” ở trại Long Thành từ tháng 6/1975 đến tháng 10/1975. Ông bị đưa ra Bắc tháng 11/1975, lao động khổ sai ở Quảng Ninh. Tới tháng 8/1978 Cộng sản chuyển ông vào trại cải tạo Lý Bá Sơ ở Thanh Hóa.

Tháng 4/1980 ông mang được một người con trai lên chín tuổi, bỏ vợ và hai người con ở lại, dùng thuyền vượt biển tới Thái Lan. Với uy tín của ông, đồng bào trong trại tị nạn Sonkhla đã đề cử ông giữ chức vụ trưởng trại. Cũng chính trong thời gian này, ông đã dành thì giờ để viết tập hồi ký này. Nhưng tập Hồi ký này lại được hoàn tất ở trại tị nạn Ga Lang (Nam Dương) và ngay sau đó đã được chuyển sang Hoa Kỳ, giao cho Ban Chấp hành Hội Cựu Sinh Viên Quốc Ga

Hành Chánh để tùy hoàn cảnh mà phổ biến.

Tập Hồi Ký của ông Trần Huỳnh Châu do Hội Cựu Sinh Viên Quốc Gia Hành Chánh và Tạp chí *Tiểu Thuyết Nguyệt San* hợp tác ấn hành bằng Việt ngữ. Hiện (1981) Hội này đang gấp rút dịch sang Anh ngữ để giao cho một tổ chức quốc tế, mục tiêu là tranh đấu cho nhân quyền, xuất bản và phổ biến khắp thế giới.

TỰA của Mai Thảo

Từ cuối thu '75 đến đầu xuân '76, sau khi đã sắp đặt xong guồng máy bạo lực chuyên chính trên toàn lãnh thổ Miền Nam, bầy đao phủ đỏ ở Hà-nội lập tức bắt tay vào thực hiện một loại biện pháp hành hạ và trả thù dân chúng Miền Nam, trong đó lớn lao và thâm độc mọi rợ nhất là cuộc di chuyển hàng trăm ngàn trí thức, chính khách, nghệ sĩ, sĩ quan, công chức quốc gia từ những trại tập trung miền Nam ra những trại tù khổ sai miền Bắc.

Tàn nhẫn không thua gì vụ đày ải hàng triệu thường dân Nga vô tội tới địa ngục Siberie thời Staline; thú vật không kém gì vụ lừa đẩy sáu triệu người Do Thái Âu Châu tới những lò nấu xác của phát xít Đức thời Đế Nhị Thế Chiên, cuộc chuyển tù vĩ đại từ Nam ra Bắc khởi sự từ mùa đông '75 đen tối ở Việt Nam cũng vô tiền khoáng hậu trong lịch sử tội ác của loài người.

Không được gặp mặt thân nhân trước phút đội gai đi vào con đường khổ hình thăm thẳm của phát vãng biệt xứ vô thời hạn, hai người một còng, từng đoàn, từng đợt tù nhân của chế độ mới, trong mùa nắng đầy đọa, bị đẩy xếp lên những đoàn công-voa, những xe tải bít bùng, những toa tàu đóng kín, đi suốt đêm ngày, đi suốt miền Trung, tới những địa ngục trần gian miền Bắc, đói khát,

ngã bệnh một số tù nhân bỏ mình ở dọc đường. Một số tới nơi ít ngày rồi chết. Với phần còn lại, là những tháng năm khổ hình dằng dặc bắt đầu.

Thiết lập phần lớn ở những vùng rừng núi hoang dậm lam chướng nhất trong đó có những trại tù đã rùng rợn nổi tiếng của thực dân và đế quốc để lại, mỗi trại “tập trung cải tạo” của Cộng sản ở miền Bắc là một đáy thăm âm ty tách rời hẳn với thế giới loài người. Ở những cỏi âm này không có tự do, không có ánh sáng. Không có hy vọng, không có ngày mai. Ở những công trường của khổ sai lao động này, “nhân đạo” là một danh từ tối thậm vô nghĩa, nhân phẩm bị nghiền nát, nhân tính là kẻ thù. Và tồn tại và sống sót và trở về được là một phép lạ, một kỳ diệu.

Loài người sẽ chẳng bao giờ có nổi một ý niệm về những nơi chốn giam cầm khủng khiếp ở “thiên đường Xã Hội chủ nghĩa Liên Xô”, nếu không có Khu Ung Thủ, Quần Đảo Ngục Tù của Soljenet-syne. Cũng vậy, mặc dầu chỉ thu gọn vào hơn 190 trang sách và đó là điều đáng tiếc nhất của thiên hồi ký này, chúng ta sẽ chẳng bao giờ thấy được sự thật hãi hùng của những trại tập trung của Cộng sản ở miền Bắc, nếu không có những thiên hồi ký như Những Năm Cải Tạo ở Bắc Việt này của Trần Huỳnh Châu.

Thời đại chúng ta, nếu thiên đường vẫn chỉ là ảo tưởng và thần thánh đã chết, ngược lại địa ngục lại có thật, lại có thật những thể chế chuyên chính xây cất trên những địa ngục của người mà chuyên chính vô sản ở Việt Nam hiện nay và hệ

thống lao tù của nó là hiện thân kinh hoàng nhất.

Đi theo Trần Huỳnh Châu từng bước một, trên con đường khổ hình của ông, đi theo Trần Huỳnh Châu, từng bước một, từ những trại giam ở Thủ Đức, Long Thành miền Nam tới những trại tù Quảng Ninh, Lý Bá Sơ ở miền Bắc, do đó không chỉ là một chia xẻ đau lòng và phẫn uất với cảnh ngộ tù nhân Trần Huỳnh Châu và hàng trăm ngàn đồng bào ta còn bị đọa đày ở những nơi chốn tác giả thiên hồi ký này vừa may mắn ra thoát, mà còn để thấy được trọn vẹn trong một lần, cái địa ngục Mác-xít vĩ đại chưa triệt hủy được đi trên trái đất này, trong đó có cái địa ngục chủ nghĩa, địa ngục chuyên chính mà năm mươi triệu đồng bào Nam Bắc chúng ta đã bị đọa

đầy từ sáu năm nay./.

Mai Thảo

TỰA của Vũ Khiêm

Khi Đỗ Tiến Đức điện thoại yêu cầu tôi thay mặt cho Hội Cựu Sinh Viên Quốc Gia Hành Chánh viết lời đề tựa cho tập Hồi Ký Những Năm “Cải Tạo” Ở Bắc Việt của Trần Huỳnh Châu, tôi không hiểu vì sao anh em lại dành cho tôi vinh dự này. Nhưng Đỗ Tiến Đức bảo là vì tôi thân với Trần Huỳnh Châu hơn nên phó thác cho tôi việc này. Dĩ nhiên là tôi vui lòng nhận lãnh, chẳng phải vì Trần Huỳnh Châu không có những người bạn thân khác ở Hoa Kỳ – mà thật ra Anh có nhiều lắm – mà vì

tôi muốn nhân danh một người bạn đã quen Trần Huỳnh Châu từ 25 năm nay và nhân danh một người tỵ nạn đến đây từ năm 1975 để giới thiệu tập Hồi Ký này cho tất cả bạn đọc, vì tôi nghĩ nó chí tình hơn và vô tư hơn là giới thiệu của một trong những bạn đi sau và đã từng bị cộng sản giam giữ kéo bạn đọc có thể nghĩ rằng vì cùng chung cảnh ngộ nên ca ngợi lẫn nhau.

Khi nhận được tập bản thảo viết tay của tập Hồi Ký, tôi thật bồi hồi xúc động vì biết rằng nội dung của nó chắc chắn đã được viết ra bằng tim, bằng óc và với nhiều nước mắt. Tôi cố đọc ngẫu nhiên cho xong tập Hồi Ký để có một cảm nghĩ tổng quát hầu viết lời giới thiệu. Thú thật, tôi đã nhiều lần không cầm được nước mắt dù là mới chỉ đọc lướt qua, bởi vì mỗi trang, mỗi cảnh ngộ đều là

những hình ảnh sống về những sự đau đớn, quần quai, khắc khoải của những người thân yêu của tôi và chắc chắn cũng là những người thân yêu của nhiều bạn đọc.

Tôi phải nhìn nhận rằng Trần Huỳnh Châu là một con người can đảm, bởi vì những người bị tù Cộng sản được thả ra hoặc trốn thoát được ra mà sau này đến được Hoa kỳ, ít có ai còn đủ can đảm ngồi viết lại tất cả chuỗi ngày đau khổ của mình. Một số tuy có viết nhưng chỉ đủ đăng một vài kỳ báo và một số khác chỉ có thể ngồi kể lại những giai thoại đau thương chứ không viết ra được.

Điều can đảm hơn nữa là Trần Huỳnh Châu vẫn còn kẹt vợ con ở nhà vì anh ra đi chỉ mang được một đứa con.

Nhưng anh không hề sợ hãi. Lập trường của Trần Huỳnh Châu rất vững là đối với cộng sản thì không có vấn đề tình cảm. Khi chúng đã muốn hại vợ con mình thì dù có van lạy hay tìm cách nịnh bợ thì chúng vẫn hại vợ con mình như thường. Còn nếu chúng đã không dám thì dù có chửi cha chúng lên chúng cũng không dám. Đối với cộng sản, chỉ có tranh đấu chứ không có lùi bước. Tranh đấu bằng mọi cách, tranh đấu cho đến khi nào toàn bộ chế độ của chúng phải sụp đổ mới thôi chứ không có chuyện do dự, lùng khùng.

Tôi không ngạc nhiên khi thấy Trần Huỳnh Châu có lập trường vững chắc như vậy vì Anh vốn xuất thân từ một gia đình cách mạng miền Trung. Thân phụ Anh là cựu nghị sĩ Trần Cảnh dưới thời Đế Nhị Cộng Hòa.

Đọc tập Hồi Ký Ngục Tù của Trần Huỳnh Châu, tôi có cảm tưởng như đọc cuốn Hồi Ký Ngục Tù của Gary Powers, người phi công Mỹ lái máy bay U-2 đã bị bắn rơi trên không phận Nga Xô 22 năm trước đây, rồi bị KGB cầm tù 5 năm rồi mới được trao đổi với Đại Tá Abel, trùm gián điệp của Nga.

Hai tập Ngục Ký tựa tựa giống nhau về tâm tư của người bị giam giữ trong những chuỗi ngày khắc khoải đợi chờ, nhưng có một điều khác giữa hai Hồi Ký đó là Gary Powers đã đợi chờ trong hy vọng vì biết chắc thế nào cũng có ngày được trả tự do, còn Trần Huỳnh Châu và các bạn đồng tù đã đợi chờ trong tuyệt vọng vì biết chắc rằng cộng sản không bao giờ có ý định trả tự do cho ai cả trừ phi chúng bị bó buộc phải tha một ít người để lấp liếm tội ác đang bị thế giới

cáo buộc hoặc trong trường hợp chúng thật cần thiết đến mình.

Tôi hồi tưởng lại ngày mới sang đây, trong một lần trao đổi thư tín với một người bạn Mỹ đang làm việc tại Quốc Hội Hoa Kỳ, người đó viết cho tôi đại ý rằng “trước đây nhiều người nói nếu miền Nam Việt Nam sụp đổ thì thế nào cũng có tắm máu. Nhưng tin tức cho biết rằng đã không có tắm máu ở Việt Nam sau khi cộng sản nắm quyền. Vì thế rất khó mà thuyết phục các nhà lập pháp làm điều họ muốn, vì đối với họ, sự giúp đỡ những người ty nạn thuần túy là vì lý do nhân đạo...” (ngụ ý là nếu người ty nạn không chạy sang Mỹ thì cũng đâu có chết vì đâu có ai giết họ!)

Ôi! tôi biết làm sao để nói cho người bạn đó hiểu rằng sống dưới chế độ cộng sản, được tắm máu còn sướng hơn là chết

dần chết mòn trong những trại tù heo hút nơi rừng thiêng nước độc trong lúc vợ con vẫn mòn mỏi đợi chờ, và trong nhiều trường hợp vẫn tiếp tục thư từ và gửi qua tiếp tế khi chồng, cha mình đã ra người thiên cổ từ lâu!

Tôi biết làm sao để làm cho nhiều người Mỹ khác tin được rằng chế độ Cộng sản chẳng qua chỉ là một nhà tù vĩ đại trong đó cán bộ Cộng sản là cai tù và tất cả mọi người dân già trẻ lớn bé, đều là những tên tù khổ sai trong suốt cả cuộc đời. Chỉ có những ai đã từng sống dưới chế độ cộng sản mới tin được những điều có vẻ phi lý đó. Riêng cá nhân tôi mới chỉ sơ sơ nếm mùi cộng sản có một năm ở Hà Nội từ năm 1954 qua năm 1955 đã phải tìm cách trốn vào Nam nên cũng biết qua thế nào là sự bạo tàn của cộng sản.

Tập Ngục Ký của Trần Huỳnh Châu không phải là một áng văn chương, vì đây không phải là một cuốn truyện hay tiểu thuyết sáng tác qua kinh nghiệm của đời mình.

Đây là một Bản Cáo Trạng, một Chứng Liệu Sống về những tội ác tày trời của tập đoàn Cộng sản Việt Nam mà chắc chắn sau này lịch sử Việt Nam sẽ nghiêm khắc lên án.

Tập Ngục Ký của Trần Huỳnh Châu sẽ góp phần không nhỏ trong việc cảnh tỉnh những ai trong thế giới tự do còn tin rằng cộng sản dù sao cũng vẫn là người. Không! Trăm ngàn lần không! Tập đoàn cộng sản Việt Nam đã hoàn toàn mất hẳn nhân tính. Họ chỉ là những người khát máu không hơn không kém.

Nhưng thôi, lên án Cộng sản thì có viết cả đời cũng không tố giác hết tội ác của chúng. Hãy để những người đọc Hồi Ký Ngục Tù tự tìm hiểu lấy xem con người Cộng sản dã man hay còn nhân đạo. Vì vậy, thay mặt Hội Cựu Sinh Viên Quốc Gia Hành Chánh, tôi long trọng giới thiệu tập Hồi Ký Những Năm “Cải Tạo” Ở Bắc Việt của Trần Huỳnh Châu, một cựu nghệ sĩ (lúc thiếu thời Anh đã từng dạy đàn để sinh sống), một cựu Hành Chánh gia nguyên Tổng Thư Ký Bộ Nội Vụ Việt Nam Cộng Hòa, một cựu Chiến sĩ Cách Mạng Việt Quốc và là một cựu Tù Nhân Khổ Sai của chế độ Cộng sản bạo tàn, đã trốn thoát được đến bến Tự Do.

Ngày 1 tháng 6 năm 1981

Vũ Khiêm
(Cựu Sinh viên QGHC,
Ban Đốc Sự, Khóa 7)

Tháng 5 năm 1975, sau ngày sụp đổ, có mấy tên bộ đội vào chơi nhà một người bà con của tôi ở Sài Gòn. Trong câu chuyện huênh hoang của chúng, nhân đề cập đến vấn đề nhà tù, chúng có nói rằng “Miền Bắc không có nhà tù”. Hồi đó mấy người bà con của tôi, vốn ở trong Nam, ở thành phố, chưa hề có kinh nghiệm gì về cộng sản, tin lắm, và phụ họa với chúng “Miền Bắc không có nhà tù...”

Tôi được nếm mùi “cải tạo” ở Miền Bắc từ cuối năm 1976 đến đầu năm 1980 (không kể gần một năm rưỡi ở trại giam Long Thành và Thủ Đức, miền Nam), và nhận ra rằng quả thật Miền Bắc không có nhà tù, theo nghĩa thông thường của Thế Giới Tự Do, là nơi giữ kẻ có tội, làm người ta mất tự do trong một thời gian có hạn định rõ ràng. Còn các trại “cải tạo”

Miền Bắc đều là những trại khổ sai rất đều cáng, mọi người đều phải làm khổ sai trong khi ăn rất đói. Phải, Miền Bắc không có nhà tù theo tiêu chuẩn thông thường; chỉ có những trại khổ sai. Mà đã vào trại khổ sai đó thì không biết bao giờ ra được, không có thời hạn nào cả. Cái gọi là “tập trung cải tạo 3 năm”, dân Miền Bắc gọi là “tù mù”, nghĩa là ở tù mù mịt, không biết bao giờ về.

Tôi đã ở 2 trại cải tạo ở Miền Bắc: trại Quảng Ninh (gần Hòn Gay) và trại số 5 Thanh Hóa. Trại Quảng Ninh (xã Thống Nhất, huyện Hoàn Bồ) tương đối khá hơn. Trại số 5 Thanh Hóa, mà tên Thiếu tá Trại trưởng có nói chính là trại Lý Bá Sơ ngày trước, nay thuộc huyện Thiệu Yên (Thiệu Hóa + Yên Định), trên phần đất Yên Định cũ, tồi tệ hơn trại Quảng Ninh. Nhưng nói chung tất cả các trại

cải tạo cộng sản đều giống nhau ở nhiều điểm, mà hai điểm nổi bật, đối với tôi, là tình trạng đói, đói về vật chất, đói về tinh thần. Về vật chất, là tình trạng đói ăn. Về tinh thần chúng bùng bít tin tức bên ngoài và tìm đủ mọi cách để ngăn cấm không cho người ta học văn hóa. Tự điển chúng cũng tìm cách tịch thu. Học mấy câu chữ nho để viết mấy câu thơ cổ, cũng bị chúng gọi lên kiểm điểm.

Tôi may mắn thoát được cảnh ngục tù, tìm được tự do. Nhưng còn biết bao nhiêu bạn bè thân thiết, bao nhiêu người bạn đã từng cùng nhau đổ mồ hôi trên núi đá trong mùa hè nóng bức, từng cùng nhau run lấy bầy vì rét, vì đói trong mùa đông lạnh giá, từng cùng nhau thì thầm một vài tin tức lạc quan, từng cùng nhau bỏ ăn để chống đói chế độ trại giam quá khắc nghiệt... Những người bạn bè ấy

hiện nay vẫn còn trong các trại khổ sai, có người đã nằm xuống vì không chịu đựng nổi, những người còn sống thì ngày ngày làm khổ sai và ăn đói, và chịu đựng một sự kềm kẹp dã man về tinh thần và vật chất, và không biết đến bao giờ mới thoát được ngục tù.

Tôi viết những dòng này cho những người bạn ấy, với niềm ước mong những người đã định cư được trên phần đất tự do đừng bao giờ quên những người ấy. Họ còn hy vọng là chúng ta, những thân nhân, những bạn bè của họ hiện ở trên phần đất tự do, sẽ làm một cái gì cho họ. Họ còn hy vọng là nhân loại sẽ còn tiếp tục đặt vấn đề nhân quyền, vì không phải chỉ nói suông mà sẽ làm một cái gì cụ thể để cứu họ. Họ bị bùng bít, không biết tin tức gì bên ngoài, nhưng họ vẫn tìm một chút ánh sáng để hy vọng, qua những

tin tức rất hạn chế mà họ biết được. Họ bám víu lấy hy vọng để chịu đựng đói khổ, nhục nhằn, cố sống để có một ngày mai.

Ngày mai ấy có đến với họ không? Đó là vấn đề chúng ta sẽ trả lời trong tương lai. Bài này tôi hãy nói về quá khứ. Cơn ác mộng của tôi đã thuộc về quá khứ. Nhưng hàng trăm ngàn người hãy còn sống trong cơn ác mộng ấy. Và không biết cơn ác mộng còn kéo dài bao nhiêu năm nữa. Nhưng với tôi, nó đã là quá khứ mà tôi xin ôn lại nơi đây một cách rất trung thực. Trung thực, nhưng không thể đầy đủ, vì nhiều anh em còn ở trong tù, có nhiều chi tiết tôi chưa tiện nói ra.

Từ Nam ra Bắc

Cho đến đầu tháng 10-1976, tôi đã ở trại Long Thành được 16 tháng. Giữa trưa ngày 3-10, tôi đang bữa củi ở nhà bếp, bỗng có tiếng kèn tập trung. Chúng tôi vội vã tập trung lại trong từng nhà, rồi nghe đọc tên. Chuyển ấy chỉ có 30 người, phần lớn là sĩ quan cấp Tá và một số viên chức hành chánh hàng Phó Tỉnh Trưởng trở lên. Thành phần Cảnh sát, Tình báo, và đảng phái đã được đi trước đó 1 tháng. Chúng cho 30 người chúng tôi đến trại Thủ Đức bằng một chiếc xe ca, xiềng hai người vào một cặp. Đường từ Long Thành về Thủ Đức giữa trưa vắng lặng, mặc dầu là đi trên xa lộ Biên Hòa Saigon. Vừa đến trại Thủ

Đức, chúng tôi nghe ngay tiếng hò hét của một tên cán bộ mà sau này chúng tôi mới biết có tên là Sáu Gô. Tên thật anh ta là gì không ai biết. Anh ta tự xưng là anh Sáu. Và anh em gọi là Sáu Gô. Anh em gọi như vậy, vì anh ta chuyên tịch thu các lon guigoz của anh em.

Chúng tôi xuống xe thì gặp ngay màn xét đồ đạc của Sáu Gô. Tất cả quần áo, đồ đạc, lon thùng, thức ăn... đều phải bày hết cả ra trên sân. Người nào có độ 3, 4 lon guigoz trở lên (đây là lon đã hết sữa, dùng đựng các thứ nhà gửi lên như đường, tôm khô, bột vv...) thì thế nào cũng bị mất mấy lon. Sáu Gô trút các thứ đựng bên trong ra rồi tịch thu các lon guigoz, bảo là “cho đồ đạc các anh được gọn gàng vì phòng giam không đủ chỗ”. Một lon guigoz (lon trống, không có sữa) hồi ấy nghe nói bán được chừng 4 hay 5\$

tiền mới, tức là 2000\$ hay 2500\$ tiền cũ. Cho nên Sáu Gô ham lắm. Nhưng màn khám xét này chỉ là sơ khởi. Trước khi ra Bắc, còn khám xét nhiều và còn tịch thu nhiều...

Chúng tôi vào trại Thủ Đức và ở đó 1 tháng. Chúng tôi gặp lại nhiều bạn bè quen từ Long Thành lên Thủ Đức trước đó. Có nhiều đợt chở ra Bắc trước rồi. Tôi gặp lại người anh ruột của tôi là Trần Ngọc Quế trước là giáo sư trường Phan Chu Trinh Đà Nẵng, đi cải tạo vì có chân đảng phái. Một người anh ruột nữa là Trần Huỳnh Hội, trước là Trung Tá, thì đã đến Thủ Đức từ cuối năm 1975 và được chở ra Bắc từ tháng 8 năm 76. Về sau, anh Quế ra Bắc sau tôi, ở trại Hoàng Liên Sơn rồi qua đời trong trại tù ở Vĩnh Phú. Anh Hội tôi thì ở trại Hà Nam Ninh.

Gặp mấy người bạn cũ, trên nguyên

tắc thì không được hỏi nhau giữa những người ở khác phòng, nhưng chúng tôi vẫn nháy nhó, hỏi nhau vài câu ngắn.

- Đi đường có đeo Seiko không?
- Có! (Đeo Seiko tức là bị xiềng tay).
- Ở đây, thế nào?
- Ăn khá hơn Long Thành và không lao động.

Thủ Đức là trại chuyển tiếp, về tập trung tại đó để chờ ra Bắc. Chúng giữ rất kín chuyện ra Bắc nhưng một vài người được bà con đến thăm có nói riêng cho biết. Tôi gặp những người quen nhưng thuộc nhóm khác không ở Long Thành như nhóm Rạch Giá (chở từ Rạch Giá lên Thủ Đức) có anh Nguyễn Vạng Thọ (trước làm Tổng Thư Ký Bộ Tư Pháp), nhóm Chí Hoà có ông Nguyễn Mậu

(Dân Biểu Quảng Tín), Đại Tá Trịnh Tiêu (Trưởng phòng 2 Quân Khu II), v.v...

Trước khi ra Bắc độ một tuần lễ, chúng khám xét đồ đạc, chuyển phòng lung tung để tịch thu một mớ đồ đạc và làm xáo trộn tất cả các nhóm quen biết, có lẽ để đề phòng những sự liên kết có thể dẫn đến hành động gì trong khi di chuyển. Rồi trước khi ra Bắc độ 3 ngày, chúng cho phép chúng tôi ai có tiền thì được nhờ chúng mua giùm thức ăn ngoài chợ Thủ Đức với giá chợ đen. Tất nhiên những cán bộ đi mua giùm thế nào cũng có khăm khá trong chuyện mua bán này. Nhưng chuyện đều cáng hơn là chúng khuyến khích chúng tôi mua nước mắm, nước tương để dành ăn, rồi 3 ngày sau, khi soạn đồ đạc ra Bắc thì chúng buộc phải bỏ tất cả những thứ ấy lại, viện cớ

là đi đường dễ vỡ. Tất nhiên chúng sẽ đem bán tất cả những thứ chúng tôi bỏ lại. Ngoài ra, trước hôm ra Bắc, chúng khám xét đồ đạc chúng tôi hai lần, và tịch thu mọi thứ rất bừa bãi để kiểm soát. Những đồ đạc này, trong một năm rưỡi, sống ở trại Long Thành, gia đình chúng tôi đã gửi đến trong những đợt chúng cho tiếp tế nhân các ngày lễ như 1-5, 2-9 và dịp Tết. Bây giờ chúng kiểm soát tịch thu. Chúng tôi ước lượng là trong dịp này, chúng kiểm được khoảng 10 triệu đồng tiền cũ trên số khoảng 800 người cho ra Bắc chuyển đó.

Khuya 30-10-1976, chúng chở chúng tôi bằng xe đến Tân Cảng rồi xuống tàu Hồng Hà. Khi lên xe, chúng tôi bị xiềng tay từng cặp một như thường lệ. Đến bến, lên tàu rồi mới được mở xiềng.

BỐN NGÀY HÔI THỐI

Chúng lừa chúng tôi xuống hầm tàu, đúng ra là nơi chứa hàng hoá. Tàu Hồng Hà đã cũ quá, nhiều nơi bị rỉ sét. Tàu có 3 hầm, tôi bị nhốt ở hầm giữa là hầm đông nhất. Ngoài số 800 người chúng tôi đi từ Thủ Đức, có thêm vài trăm người đi thẳng từ Long Thành đến. Những người này ở hầm sau đuôi tàu và khi đến Hải Phòng được chở đi Bắc Thái.

Chúng tôi xuống hầm tàu nằm kê vai nhau không còn một chỗ hở. Chúng để trong hầm tàu hai thùng gỗ nhỏ, là chỗ tiểu tiện cho 600 người trong hầm giữa (còn hầm phía mũi chứa độ 200 người) Vì không có chỗ, nhiều người phải nằm sát chỗ tiểu tiện. Bốn ngày đêm, 600 người tiểu tiện, thùng cứ đầy tràn ra, chảy khắp hầm tàu, thối um lên. Tháng mười biến động, nhiều người say sảng ới mưa. Mùi

phân, mùi nước tiểu và mùi ối mửa trộn lẫn với nhau xông lên trong hầm tàu. Có hai lần chúng tôi kêu ca quá, chúng đứng trên boong tàu dùng dây xuống bảo cột thùng phân vào cho chúng kéo lên. Vì thùng quá đầy, khi kéo lên, phân rơi vung vãi, trúng ai nấy chịu, vì không còn chỗ tránh, và cũng vì say sóng quá mệt, cứ nằm mà chịu trận.

Bốn ngày đêm mà tưởng như 4 năm trong địa ngục. Tôi nằm trong hầm tàu hôi thối, thậm chí an ủi là mình hãy còn sướng hơn Tôn Tấn ngày xưa... Ngày xưa Tôn Tấn bị Bàng Quyên chặt chân, rồi bị nhốt vào chuồng heo, Tôn Tấn phải giả điên ăn phân heo, sau mới có cơ hội trốn thoát. Tôi ở trong hầm tàu Hồng Hà, kể ra thì hôi thối hơn trong chuồng heo, lại thêm say sóng nữa, nhưng sướng hơn Tôn Tấn là chân không bị chặt. Thôi thế

này cũng hãy còn phúc. Lại sắp có dịp xem tận mắt cái xứ Bắc Việt xã hội chủ nghĩa rồi. Ngày trước ở Miền Nam, nghĩ đến chuyện sống trong xã hội Miền Bắc cũng đã sợ rồi. Nay lại ra Miền Bắc mà ở tù, chứ chẳng phải ở ngoài xã hội.

TỪ HẢI PHÒNG ĐẾN TRẠI CẢI TẠO QUẢNG NINH

Đêm chót, khoảng nửa đêm thì tàu vào sông, chúng tôi biết vì thấy tàu êm hẳn, tuy vẫn còn chạy. Rồi tàu đến bến, đậu lại, và chờ đến sáng.

Trời vừa sáng thì chúng tôi được lệnh xuống tàu.

Bác sĩ Văn văn Cửa (trước từng làm Đô trưởng Sài gòn) hỏi chúng tôi có ai không đi nổi, phải kiêng, thì cho biết

để sắp xếp. Phần lớn chúng tôi mệt lả vì say sóng 4 ngày đêm không ăn gì được. Nhưng nghĩ đến chuyện bước ra khỏi cái hầm tàu hơi thối này thì ai cũng muốn vội vàng, nên ai cũng cố gắng, rồi cũng đi được cả.

Bước xuống bến Sáu Kho, thở không khí ban mai của một ngày đầu mùa đông Miền Bắc (hôm ấy, trời không lạnh), chúng tôi thấy người dễ chịu hẳn. Đây là một khu bến đường như vừa mới xây thêm, tiện nghi chẳng có gì. Chỉ có cầu tàu trơ ra đấy. Chúng tôi được lệnh ngồi sắp hàng theo từng đội để cán bộ đếm. Đếm đi, đếm lại, rất kỹ. Rồi đến màn “đeo Seiko” (xích tay). Rồi bắt đầu lên xe.

Xe là xe đồ Miền Bắc. Chắc là xe của Công An chẳng có bao nhiêu nên phải thuê xe đồ chở chúng tôi. Xe nào cũng cũ kỹ, ọp ẹp. Chúng ém chúng tôi lên xe,

chật qua, nhiều người thở không nổi. Xe lại bị che kín bằng vải để chúng tôi không trông được bên ngoài nên càng bí hơi. Nhưng dù sao thì cũng không hơi thối như dưới hầm tàu. Nội cái màn đếm người và lên xe cũng mất đến 4 giờ đồng hồ. Lên xe xong, ngồi chật không có chỗ dựa, mà trước khi xe chạy còn phải nghe một tên cán bộ cộng sản, hẳn có thể nói hàng giờ về một vấn đề chỉ cần nói vài câu trong vài phút; và có thể nói hàng giờ về một câu chuyện mà ai cũng biết cả rồi. Về sau, càng ngày tôi càng thấm thía thấy chế độ Cộng sản Miền Bắc chẳng coi thời gian ra gì cả. Mặc dầu lúc nào cũng nói sản xuất, nói tiến bộ, nhưng thật ra họ đã mất rất nhiều thì giờ để nói những điều vô ích, và chẳng còn bao nhiêu thì giờ để làm việc. Đó cũng là một trong những nguyên nhân làm trì trệ kinh tế.

Chúng tôi ngồi trên xe, quá mệt mỏi, bụng đói miệng khát, chỉ mong cho xe chạy đi để đỡ mệt một chút mà cứ phải nghe giảng nội qui đi đường. Nhưng rồi cũng đến lúc xe chạy.

Xe có chạy ngang một khu phố của Hải Phòng. Mấy tấm vải che trên cửa là vải mỏng, nên chúng tôi cố nhìn ra quan sát, mặc dầu nhìn ra như thế trái nội quy đi đường đấy. Chúng tôi thấy một mớ người đi xe đạp và đi bộ. Có nhiều nhà sụp đổ, có lẽ là sụp đổ trong thời kỳ ném bom, vẫn còn để lồi thoi, chưa dọn dẹp xây dựng lại. Đường phố tồi tàn, người đi quần áo lồi thoi. Nhưng chúng tôi chỉ đi thoáng qua một khu phố của Hải Phòng, nên chưa dám kết luận điều gì. Rồi xe đến một bến phà. Qua phà, chạy một lát, lại đến một bến phà nữa. Trên xe tôi, có mấy anh người Bắc trước 1954 đã ở Hải

Phòng, quen thuộc vùng này, cho biết bến phà thứ hai này chính là sông Bạch Đằng và đây là đường đi đến Quảng Yên (nay là Quảng Ninh)

Tôi nghe nói sông Bạch Đằng thì chột nhồm dậy. Tay tôi bị xích chung với tay Đỗ Kế Cầu (trước làm Phó Tổng Thư ký Phủ Thủ tướng) và tôi nhồm dậy, làm giật tay anh Cầu. Tôi nói với anh Cầu: “Này, sông Bạch Đằng!” Trí óc bỗng miên man về những trang sử ngày xưa. Ngô Quyền phá quân Nam Hán, Trần Hưng Đạo dẹp quân Nguyên ở nơi đây. Tôi thăm ca mấy câu trong bài Trên Sông Bạch Đằng của thời trước 1945:

“... Cờ bay chiêng trống khua quân
dân lên

Làm cho lui tan hết quân Nguyên

Đến bây giờ mỗi khi đi trên sông Bạch Đằng...”

Nhưng chiếc xe đã xuống phà. Phà rất tồi, xe cũng tồi. Khi xuống phà, xe nháy cái rầm, suýt nữa thì tụt xuống sông. Anh em ngồi trên xe hoảng vía vì nếu tụt xuống sông trong tình trạng xe chật và xích xiềng thế này thì chắc chắn chỉ ngồi yên chịu chết thôi. Sinh mạng của chúng tôi nào có ai coi ra gì.

Nhưng phà đã chạy. Trên dòng sông, gió mát thổi lộng vào xe làm tôi thấy dễ chịu, thấy lòng lại khoan khoái. Và lại lầm nhảm hát “Trên sông Bạch Đằng, quân Nam âm reo...” Và nghĩ đến thân phận của tôi, thân phận một thằng tù, tay bị xiềng, ngồi trên chiếc xe bít bùng, vẫn cố nhoài người ra để nhìn cho được dòng sông Bạch Đằng, vẫn tưởng như đầu đây còn vang tiếng loa xua của vị anh hùng

Trần Hưng Đạo, vẫn thấy mình là một người Việt Nam, một người yêu nước, cũng như cha tôi, một đảng viên VN Quốc Dân Đảng, rất yêu nước, và nhất định không chấp nhận chủ nghĩa Cộng sản, và cho dù Cộng sản có nói gì, có bảo là chúng tôi bán nước hay có bảo là phải “kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa xã hội”, tôi thấy tôi vẫn một lòng yêu nước và yêu tự do, và Hồ Chí Minh là kẻ có tội nặng nhất trong lịch sử nước nhà, và dòng sông Bạch Đằng vẫn làm cho tôi xúc động, và chiếc xiềng trong tay vẫn không làm cho tôi xấu hổ, và tôi vẫn miên man nghĩ đến lịch sử oai hùng của dân tộc và nghĩ đến một tương lai tươi sáng trong tự do.

Đường đi trải đá, gỗ ghề. Nhà cửa hai bên đường thấp thoáng sau làn vải che, trông cũ kỹ. Đến một ngã ba đường,

thấy có mũi tên chỉ đường ghi Hồng Gai. Nhưng chúng tôi không đi Hòn Gay. Chúng tôi đi đến trại giam Quảng Ninh, xã Thống Nhất, huyện Hoành Bồ.

TRẠI QUẢNG NINH TRONG NHỮNG THÁNG ĐẦU

Tay chúng tôi chỉ được đeo thứ “đồng hồ Seiko Bắc Việt” tức là loại xiềng chung làm bằng dây xích sắt, rồi dùng ống khóa thường mà khóa lại, chứ không được đeo thứ đồng hồ gì khác, vì tất cả các thứ đồng hồ, nhẫn v.v., đều phải nộp lưu ký chứ không được giữ, nên chúng tôi không biết là đã di chuyển trên xe trong bao lâu và đến trại Quang Ninh lúc mấy giờ. Trên xe, chúng có phát cho mọi người một mẩu bánh mì và một quả cam nhỏ.

Khúc bánh mì tròn, không có thịt cá gì hết, nhưng sau mấy ngày nhịn đói, ăn thấy ngon vô kể. Khi đến trại Quảng Ninh, mặt trời đã xế bóng.

Buổi tiếp xúc đầu tiên với một trại cải tạo Miền Bắc đã được sắp xếp, trình diện để chúng tôi có cảm tưởng tốt. Xe vào sân trại, có ngay cán bộ phụ trách từng đội gọi tên, nhận lãnh, hướng dẫn về phòng giam. Về đến phòng giam là nhà bếp gánh nước uống đến. Phòng giam được sắp xếp sẵn chiếu, mền, màn, trông có vẻ tươi tắn. Bữa cơm đầu tiên được kể là “thịnh soạn” so với những bữa cơm tù khác. Cơm ăn dư thừa, với 2 món ăn: một món canh, một món kho. Cả hai món đều là thịt trâu. Thịt trâu cũng dư thừa, nói cho đúng ra là vì thịt trâu quá dai, nhai không nổi. Nhưng sau này thì thịt trâu dù dai đến đâu cũng không thể

được, khi chúng tôi đã ở trong tình trạng quá đói. Còn đây là tuần trắng mặt. Còn đang ở giai đoạn trình diện, chúng tôi ăn được hai bữa thịt, thì bắt đầu vào bữa cơm bình thường, tức là cơm độn, ăn với chút canh thôi. Canh rau cải nấu với muối. Nhưng giai đoạn này vẫn còn khá. Mỗi tuần có 2 bữa thịt. Mỗi tháng có một bữa ăn chè ngọt. Thỉnh thoảng lại có phát bánh biscuits ăn thêm. Tình trạng này kéo dài được vài tháng. Mùa đông năm đó (năm 76) được kể là mùa đông rét nhất trong mấy chục năm. Nhưng dù rét, chúng tôi vẫn thấy đây là “tuần trắng mặt” với trại cải tạo Miền Bắc. Chúng tôi chưa phải đi làm lao động. Cán cơ xử cũng khá. Mấy anh tù hình sự phụ trách nhà bếp khi đưa cơm nước đến phòng tìm cách nói riêng vài câu: “Mấy chú thể này là sướng lắm đấy. Không dễ gì không lao động mà lại được ăn uống khá thế

này đâu. Tội cháu thì khổ lắm.”

Lễ Noël năm đó chúng tôi được ăn một bữa ngon, có thịt trâu. Họ cho ăn vào ngày 25-12 chứ không phải tối 24, chúng tôi chẳng hiểu có phải chúng cho ăn Noël hay không. Chúng tôi lấy làm lạ lắm vì chế độ Cộng sản làm gì có cho ăn Noël. Những năm sau này, năm 1978, 1979, đêm Noël, chúng tìm đủ mọi cách ngăn cản không cho chúng tôi tưởng niệm ngày Chúa Giáng Sinh, có người chỉ hát thánh ca trong đêm 24-12 mà bị cùm chân trong phòng kỷ luật. Vậy không lẽ gì chúng lại cho ăn Noël trong năm 1976. Nhưng điều chắc chắn là tối 25-12-76 chúng tôi có được ăn một bữa ăn ngon, khác ngày thường.

Một bữa khác cũng làm chúng tôi ngạc nhiên là bữa ăn ngày 20-1-1977. Bữa ăn này có vừa thịt trâu vừa thịt heo,

đó là điều rất đặc biệt. Trong năm, chỉ có những dịp lễ 1-5, 2-9 và Tết Nguyên Đán là có thể có vừa thịt trâu vừa thịt heo. Tôi nói “có thể” thôi, chứ không phải là chắc chắn đâu. Vậy mà ngày 20-1-1977, chúng cho ăn một bữa “thịnh soạn”. Khác với hồi ở trại Long Thành mỗi lần có một chút thịt trong bữa ăn nhân dịp lễ gì đó, là chúng tuyên bố trước, nói dài dòng về ý nghĩa bữa ăn, nhắc đến “ơn Bác ơn Đảng” tùm lum mà chỉ được ăn có tí xíu. Và 20-1-1977, chúng giữ hoàn toàn im lặng, chỉ tự nhiên thấy có bữa ăn đặc biệt thì chúng tôi cứ ăn mà thôi.

Nhưng ở trong tù, chúng tôi rất nhạy cảm. Một hiện tượng nhỏ gì cũng để ý, phân tích. Và thường thì sự phân tích rất chủ quan. Chẳng hạn, có người lưu ý rằng ngày 20-1-1977 là ngày ông Carter lên nhậm chức Tổng Thống Hoa Kỳ

(chính có sự lưu ý này mà tôi nhớ bữa ăn 20-1-1977). Chúng tôi có cười nhau về nhận xét này. Chẳng lẽ Cộng sản Bắc Việt lại cho, chúng tôi ăn ngon nhân ngày ông Carter nhậm chức. Nhưng mặc kệ, hãy cứ biết được một bữa ngon đã. Ở tù Cộng sản, để gì kiếm được một bữa ăn có vừa thịt trâu vừa thịt heo. Những năm sau này, chúng tôi mong đỏ mắt, nằm ngủ mơ tưởng miếng thịt trâu thịt heo như thế bao nhiêu lần mà không có đấy. Có lẽ những người ăn uống no đủ nghe nói chuyện nằm mơ tưởng miếng thịt trâu thì lấy làm lạ lắm. Có thể cho là tôi phóng đại câu chuyện, hoặc cho là chúng tôi hèn kém, có đói thì đói chứ lạm gì đến nỗi nằm mơ miếng thịt. Nhưng khi đã đói, đói tháng này qua tháng khác, năm này qua năm khác, mới có thể hiểu được “tâm sự” này.

Nhưng món ăn vật chất không làm chúng tôi phấn khởi bằng món ăn tinh thần mà sau đó chúng tôi có được. Đó là bài báo trong tờ Nhân Dân chửi bài diễn văn của Tổng Thống Carter, và sau đó, bài báo chống đỡ vấn đề nhân quyền. Hồi đó, vấn đề nhân quyền chưa được rầm rộ như sau này, nhưng với chúng tôi, đó là lần đầu tiên chúng tôi được biết chắc rằng thế giới có nhắc đến chúng tôi, những kẻ ở trong ngục tù Cộng sản. Phải có ở trong hoàn cảnh tăm tối, tin tức bị hạn chế, bùng bít, cuộc sống ngục tù không biết kéo dài đến bao giờ, không biết bên ngoài có chuyện gì xảy ra, không biết có ai còn nhớ đến mình, mà bỗng đọc được trên báo của chính Cộng sản vì phải chống đỡ dư luận thế giới, hé lộ cho thấy một chút tin tức bên ngoài, khiến chúng tôi như kẻ nằm trong đêm tối chợt nhìn thấy một chút ánh sáng le lói

đầu xa. Chắc là Tổng Thống Carter, khi đọc bài diễn văn nhậm chức năm 1977, có vài câu nói về nhân quyền, nói đến những người đang bị áp bức “ở bất cứ nơi đâu”, không ngờ rằng những câu đó lại có tác dụng thắp lên trong lòng những kẻ ở trong ngục tù núi rừng Bắc Việt một tia hy vọng. Mà chúng tôi có được đọc bài diễn văn ấy đâu. Chúng tôi chỉ được đọc vài dòng trích dẫn mà báo Nhân Dân trích ra khi công kích nội dung bài diễn văn ấy mà thôi. Có lẽ khi đọc đến đoạn này nhiều người sẽ cho là chúng tôi ngây thơ. Ai lại nằm trong tù mà tin tưởng vào diễn văn của những ông chính khách! Tất nhiên lúc đó chúng tôi chẳng phải ngây thơ mà cho rằng chúng tôi sẽ được trả tự do khi thế giới đặt vấn đề nhân quyền. Nhưng sống trong tình trạng mù mịt, tối tăm trong ngục tù Cộng sản, chúng tôi cần có những chỗ bám víu về tinh thần,

như người sắp chết đuối thấy một mảnh gỗ nhỏ không đủ làm phao cũng cứ bám lấy. Thực ra, trong mấy năm qua, chúng tôi có những hy vọng thật, chứ không phải giả tạo. Chúng tôi đã nhìn thấy sự ruồng nát và thế bí của Cộng sản Việt Nam, và chúng tôi tin rằng chúng sẽ sụp đổ. Đây là một vấn đề mà chúng tôi sẽ đề cập đến trong những đoạn khác. Dù sao, vấn đề nhân quyền nêu lên đầu năm 1977 là tia sáng đầu tiên trong những ngày ở tù xứ Bắc.

Trại Quảng Ninh, với bộ mặt trình diện ban đầu không đến nỗi đáng ghét, vốn là một trại nhà binh cũ của Pháp hồi trước 1954. Trại này không cách xa Vạc Cháy lắm, có lẽ chỉ chừng năm ba chục cây số gì đó. Có một số anh từng học khóa Vạc Cháy, từng là quân nhân ngoài Bắc trước 1954 biết vùng này. Trại nằm

trong một thung lũng nhỏ, chung quanh toàn là núi rừng. Mùa đông năm 76, có lúc trời lạnh đến 40 bách phân mà chúng tôi không có áo ấm, có tất cả bao nhiêu áo quần đem theo đều mặc hết cả vào, kể cả áo mưa; khăn quàng quần đầy dầu đầy mỡ mà vẫn rét.

Tết năm đó, chúng tôi ăn Tết cũng khá. Mỗi người được phát 2 cái bánh chưng nhỏ, một ít bánh ngọt và kẹo. Thịt trâu thịt heo trong mấy ngày Tết cũng khá.

Trước Tết chúng tôi được phép viết thư về nhà xin quà tiếp tế gửi ra, nhưng được lệnh tuyệt đối không được viết câu gì tỏ ra mình đang ở miền Bắc, nếu trong thư có câu gì lộ ra như thế thì thư sẽ không được chuyển đi. Mừng 2 Tết, chúng tôi nhận được quà gia đình.

Nhưng đến sau Tết Nguyên Đán, tình hình bắt đầu xuống dần. Mức ăn hạ xuống từ từ. Bắt đầu sắp xếp làm lao động, khởi sự là đập đá. Lúc đó, trên báo Nhân Dân, chúng tôi thấy Cộng sản Việt Nam cứ lải nhải đòi Mỹ thi hành điều 21 hiệp định Paris, đòi 3 tỷ 2 đô la. Một bữa kia có tên cán bộ ngồi nói chuyện với chúng tôi, có nói nếu không có 3 tỷ 2 thì các anh đi “tuốt” hết. Chúng tôi không hiểu việc chúng tôi được cho ăn uống khá khi mới ra Quảng Ninh có liên hệ gì đến việc 3 tỷ 2 đô la không, nhưng quả thật là sau đó, tình trạng chúng tôi ngày càng tồi tệ. Dù thế nào, chúng tôi cũng chẳng muốn Cộng sản Bắc Việt có 3 tỷ 2. Chẳng ai muốn cho kẻ cướp đã xé hiệp định Paris chiếm Sài Gòn, huênh hoang tuyên bố “chiến thắng hoàn toàn, triệt để, toàn diện và vĩnh viễn” rồi lại được đối phương đưa tiền để tiếp tục đi

ăn cướp chỗ khác!

2

Những người Phục Quốc bị đày ra Bắc

Tháng 4 năm 1977 trại chúng tôi đón tiếp một số khách mới, từ Miền Nam ra. Tối hôm ấy, khoảng 8 giờ, chúng tôi thấy khoảng mười chiếc xe đồ chạy vào sân trại. Trước đó, một số tù hình sự đã được di chuyển đến nơi khác để có phòng trống.

Sân trại được thắp đèn sáng lên. Chúng tôi leo lên sập, nhìn qua cửa sổ để quan sát. Nhìn thấy từng cặp đeo “đồng hồ Seiko” từ trên xe bước xuống, chúng tôi biết đây là những người đồng cảnh ngộ với chúng tôi rồi. Ở trong tù, lúc nào chúng tôi cũng muốn gặp người mới đến để hỏi xem có tin tức gì bên ngoài không. Tin tức bên ngoài cũng cần thiết cho chúng tôi sống như là cơm nước. Nhưng

tối hôm ấy, chúng tôi không được tin tức gì vì anh em mới đến được dọn vào các buồng khác. Trưa hôm sau, chúng tôi hỏi nhỏ mấy người làm bếp lúc đưa cơm thì được biết đó là những người trong Nam mới ra. Sự ngăn cách các buồng giam làm chúng tôi chưa hỏi gì thêm được. Nhưng đến đêm hôm sau, chúng tôi nghe tiếng hát đồng ca bài “Việt Nam Việt Nam” từ bên phòng giam của những người mới ra, vọng lại. Phía chúng tôi tuy cũng có hát nhạc Miền Nam cũ, nhưng thường chỉ hát nhỏ với nhau thôi, không dám hát lớn. Nay nghe những người mới ra hùng dũng hát lớn như thế, chúng tôi khoái lắm. Nhưng vẫn chưa nói chuyện với nhau được.

Phải đợi đến một đêm Văn nghệ sau đó vài tuần, mới có cơ hội nói chuyện nhiều. Khi ra sân trại (sân này vẫn nằm

trong vòng rào), chúng đã ngăn cách từng buồng phải ngồi riêng rẽ, cấm liên lạc nói chuyện với nhau. Nhất là sổ mới ra, lại ngồi hẳn ra một khu riêng biệt. Nhưng rồi chúng tôi cũng liên lạc với nhau được bằng cách nháy nhau đi tiểu. Vào đi tiểu nói chuyện lâu quá sợ chúng để ý thì kéo nhau về chỗ ngồi, cứ làm như là hai người ở cùng buồng. Nói chuyện đủ rồi thì một người lại đứng lên đi tiểu, khi trở ra về chỗ đứng của mình, là xong. Nhưng cũng không phải dễ. Đêm tối lơ mờ, bọn cán bộ không nhận mặt được nhưng còn bọn “antenne” (bọn làm tay sai dòm ngó anh em báo cáo với cán bộ). Chúng nó dòm ngó đủ lắm.

Những tin tức chúng tôi nhận được đêm hôm đó thật vui. Bây giờ nghĩ lại, chúng tôi thấy là mình cũng chỉ lạc quan tếu. Theo những tin tức đêm hôm đó

anh em Phục Quốc trong Nam ra nói thì chúng tôi tưởng như có thể chiếm lại Miền Nam trong vòng vài tháng nữa thôi. Anh em say sưa nói về những hoạt động của Phục Quốc ở Miền Tây, ở Nha Trang, ở Sài Gòn v.v..... Tôi đã gặp những em học sinh còn trẻ hăng hái nói về phong trào chống Cộng trong học sinh, sinh viên Sài Gòn. Tôi nghe các em nói, thấy khí thế hăng hái của các em mà xấu hổ cho đám chúng tôi. Phía chúng tôi đại đa số là công chức, quân đội, cảnh sát, tình báo, là những thành phần đã từng có chức quyền khi trước, vậy mà khi đi ở tù chẳng tỏ ra có chí khí gì, phần lớn vẫn giữ tinh thần công chức thụ động và ngoan ngoãn, một số thì rất tồi bại. Tôi cũng biết là trong trại tù Cộng sản không dễ gì chống đối, nếu chống đối thì cái chết coi như cầm chắc trong tay; tuy nhiên chúng ta vẫn có thể giữ vững tư cách con

người, tu luyện ý chí bất khuất mà chúng không thể làm gì được. Hoặc ít ra thì đa số chúng tôi cũng phải có những nhận định sâu sắc về Cộng sản, nuôi ý chí đấu tranh để sẵn sàng hoạt động khi có cơ hội: Nhưng phải nhận rằng đa số chúng tôi không được như vậy đâu.

Tôi có gặp 2 em học sinh thấy còn ít tuổi quá, tôi hỏi vì sao hai em lại bị bắt và đưa ra đến ngoài này. Hai em hãnh diện trả lời:

– Chúng cháu xử tử Hồ Chí Minh.

Tôi hỏi xử tử như thế nào. Hai em kể lại:

– Hôm đó chúng cháu đang học tại trường, gặp giờ nghỉ vì không có giáo sư, thấy bức ảnh HCM treo trong lớp đáng ghét quá; chúng cháu gỡ ra để trên bàn rồi

lập phiên tòa để xử tội. Cháu làm Chánh án, thằng này làm Biện lý, một thằng nữa làm Luật sư. Biện lý buộc tội HCM, Luật sư biện hộ. Cuối cùng, cháu tuyên án Hồ Chí Minh phạm tội phản quốc, phải xử tử. Thế là chúng cháu xé nát ảnh Hồ Chí Minh để thi hành án tử hình. Ông Hiệu trưởng nghe chuyện, chạy đi báo Công an đến bắt chúng cháu. Sau một thời gian ở trại Lê Văn Duyệt Gia Định, hai đứa chúng cháu (Chánh án và Biện lý) bị đưa ra Bắc, còn thằng đóng vai Luật sư thì được tiếp tục ở tù trong Nam.

Thành phần Phục Quốc đưa ra trại Quảng Ninh chuyển đó gồm, phần lớn là học sinh, sinh viên. Về tôn giáo, tôi biết có 5 Linh mục Công giáo, và một số Thượng toạ, Đại đức Phật giáo. Giới trẻ trong số này, dù đang ở trong trại tù Bắc Việt, vẫn giữ được khí thế. Trong phòng

giam, anh em vẫn tổ chức các nhóm sinh hoạt mỗi đêm, đàm luận tình hình, giữ vững tư tưởng chống Cộng, ca hát những bản nhạc Miền Nam cũ. Anh em hát ca những bản nhạc chống Cộng như bản Cờ Bay (ca ngợi Quân lực VNCH chiếm lại Cổ thành Quảng Trị), bản Trên Đầu Súng, v.v... Cán bộ trại giam ít khi muốn vào các phòng giam của anh em Phục Quốc vì anh em hay nói xiềng xỏ hoặc hỏi những câu mà cán bộ không trả lời được. Ví dụ trên phòng giam nào cũng có đề “Trật tự, Vệ sinh, Văn minh, Lịch sử”. Khi cán bộ vào, anh em chỉ khẩu hiệu này và hỏi cán bộ:

– Chúng tôi không được cấp phát xà phòng, bàn chải răng, kem đánh răng, vậy phải làm sao để “Văn minh, Vệ sinh” đây?

Cán bộ trại giam chỉ còn biết lần đi, vì biết rằng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa Miền Bắc cái gì cũng thiếu, trên nguyên tắc thì trại giam có cấp phát những thứ ấy, nhưng trong thực tế thì một ống kem đánh răng nhỏ cả năm mới được phát một lần, làm sao dùng đủ. Anh em Phục Quốc mới được đưa ra Bắc, mấy tháng liền không được cấp phát gì cả, mà chúng không giải quyết được. Anh em cứ làm như ngay tình, thắc mắc:

– Hồi chúng tôi ở trong Nam, được học tập, được biết qua sách báo, rằng chế độ xã hội chủ nghĩa là ưu việt, là hơn hẳn, và Miền Bắc đã thực hiện chế độ xã hội chủ nghĩa trên 20 năm nay rồi, chắc chắn là kinh tế rất tốt đẹp, cái gì cũng có, đây chắc là cán bộ ăn chặn của chúng tôi đấy.

Người khác giả vờ dả lại:

– Không đâu, cán bộ là con người xã hội chủ nghĩa, ta là con người ưu việt, đâu có ăn chặn bao giờ.

– Thế thì tại sao xã hội chủ nghĩa là nhân đạo, kinh tế, xã hội chủ nghĩa là tốt đẹp, cán bộ xã hội chủ nghĩa là trong sạch, mà chúng ta lại phải cải tạo một cách đói khổ, dơ bẩn, thiếu thốn thế này?

– Thôi bạn ơi, đừng nghe những gì Cộng sản nói mà hãy nhìn kỹ những gì Cộng sản làm.

Cứ thế, kẻ tung người hứng, cán bộ cộng sản đành phải lần đi vì không sao đối đáp nổi. Nhưng tất nhiên, không phải chúng để yên như thế. Về sau, chúng tách những anh em này ra, đem vào trại Cẩm Thủy (Thanh Hóa), và đàn áp dã man.

LỄ PHẬT ĐẢN NĂM 1977

Hồi mới đến trại Quảng Ninh, tôi ở phòng số 3, sau qua, phòng số 6, rồi phòng số 4, cuối cùng là số 2 trước khi chuyển trại vào Thanh Hóa. Ngày Phật Đản năm 1977, tôi ở phòng số 4. Phòng này chứa khoảng 70 người, do anh Nguyễn Phi Thăng (trước là Thiếu tá Cảnh sát), làm Buồng trưởng. Kế cận phòng này là một phòng nhỏ dùng làm Trạm xá, để cho các người bệnh trong trại đến nằm, dưới sự trông nom của bác sĩ Văn văn Cửa (cựu Đại tá Đô trưởng Sài Gòn). Tuy là có bác sĩ của ta trông nom nhưng chẳng có thuốc men gì, bác sĩ Cửa thường chỉ chữa bệnh bằng châm cứu. Phòng này chỉ đủ chỗ cho chừng 5 người bệnh.

Gần ngày Phật Đản có một vị Đại đức sang trạm xá nằm chữa bệnh. Tôi

rất tiếc là, qua mấy năm, tôi đã quên tên vị Đại đức này, chỉ nhớ là người Miền Trung. Vị Đại đức này còn giữ được một bộ áo cà sa, mũ, và một bức ảnh Đức Phật cỡ nhỏ. Trạm xá với phòng số 4 coi như một phòng vì được phát cơm canh chung. Chỉ đến tối mới khóa cửa riêng, không liên lạc được với nhau. Phòng số 4 chúng tôi lúc đó có Bùi Tường Huân và Hoàng Xuân Hào (cựu Nghị sĩ) vốn là Phật giáo, cùng với tôi bàn nhau tổ chức lễ Phật Đản đơn giản trong phòng giam, nhân dịp có vị Đại đức đang nằm ở Trạm xá. Chúng tôi nói nhỏ với một số người, nhưng phần lớn đều tỏ vẻ ngại ngùng vì sợ bị báo cáo. Nội quy trại giam ghi rõ là cấm sinh hoạt tôn giáo, cấm giảng đạo, cấm tuyên truyền tôn giáo. Đến ngày lễ Phật Đản, ngoài 3 chúng tôi, có được thêm 2 người dự. Tất cả là 5 người, với vị Đại đức là 6. Chúng tôi tổ chức vào buổi

trưa, tại phòng ngoài của Trại xá. Tiếng mõ, tiếng kinh buổi trưa hôm ấy đã ghi vào lòng chúng tôi một kỷ niệm êm đềm. Tôi không hẳn là người Phật giáo – tôi tin có Thượng Đế, thờ cúng ông bà, yêu cảnh chùa và yêu cảnh nhà thờ. Tiếng mõ tiếng kinh trong trại giam Cộng sản quả thật là chuyện hi hữu. Anh Buồng trưởng Nguyễn Phi Thăng nằm trong phòng số 4 chắc có nghe tiếng kinh tiếng mõ, nhưng giả vờ ngủ để khỏi phải báo cáo sự việc cho cán bộ.

Bác sĩ Cửa nằm ngay phòng trong của Trại xá, chắc cũng giả vờ ngủ. Niệm kinh xong, vị Đại đức giảng một bài giảng ngắn cho chúng tôi đại ý cho rằng với quan niệm Sắc – Không của Phật giáo thì dù ở tù hay ở ngoài cũng chẳng có cái gì ràng buộc ta được. Chúng tôi chúc nhau nhân ngày Phật Đản rồi sau đó Đại

đức tâm sự với chúng tôi rằng, nếu tình hình thay đổi, Cộng sản sụp đổ, Đại đức ước mong có cơ hội lập một ngôi chùa trên vùng núi đồi này để ở lại đây trụ trì cho đến mãn đời. Buổi lễ Phật Đản chỉ đơn sơ có thế. Nhưng đó là buổi lễ Phật Đản ghi khắc sâu đậm nhất trong lòng tôi. Bài kinh, bài kệ đều rất ngắn, không có cơm chay, không có chè, chẳng có trái cây, chỉ có hình Đức Phật, một tấm hình thật nhỏ, ba cảnh hoa thật nhỏ mà chúng tôi hái được đâu đó phía sau buồng giam cầm, trong một chiếc lọ thật nhỏ nguyên là lọ thuốc Tribelit. Có thể thôi, nhưng trong lòng chúng tôi đều thấy lâng lâng, nhẹ nhàng thanh thoát, và trong cuộc đời sắc sắc không không này, lý thuyết Mác Xít và gông cùm Cộng sản như có đấy mà như không có, đã không ràng buộc nổi chúng tôi, không vắn vương nổi chúng tôi, mà ngược lại, còn làm

chúng tôi thấy thương hại cho những người Cộng sản mê muội không sao có thể hiểu được những kẻ đang ở trong trại giam của chúng lại hình dung thấy một kiếng chùa trên núi đồi xã Thống Nhất huyện Hoàn Bồ sẽ thay thế trại giam.

NGÀY QUÂN LỰC 19- 6-1977

Sáng 19-6-1977, chúng tôi thức dậy, thì nghe từ phía phòng giam Phục Quốc tiếng hô “Nghiêm! Chào cờ!”, rồi nghe hát Quốc ca của chúng ta “Này công dân ơi...”. Tôi cùng anh Nguyễn Ngọc Xuân (trước là Thiếu tá Quận trưởng Hoài An , Bình Định), nhìn nhau bồi hồi cảm động.

Hôm sau chúng tôi được biết là anh em Phục Quốc đã tổ chức chào cờ, tưởng

niệm chiến sĩ Quân lực VNCH, rồi có một bài nói về ý nghĩa ngày Quân Lực. Theo anh em Phục Quốc nói lại thì ngày Quân Lực được xem như ngày Quốc Khánh, vì lẽ có nhiều nhóm Phục Quốc, nhất là nhóm Công giáo, không đồng ý ngày Quốc Khánh là 1-11.

Hôm đó nghe bên Phục Quốc hát Quốc ca kỷ niệm ngày Quân Lực, anh em chúng tôi thuộc các phòng số 6, số 5 ném bánh kẹo và thuốc lá sang phòng số 7 là một trong những phòng giam anh em Phục Quốc. Bánh kẹo, và thuốc lá trong trại giam Cộng sản là những thứ còn quý hơn vàng. Ném sang tặng nhau như thế là cử chỉ bày tỏ sự quý mến đến mức tột bậc rồi đấy. Phòng số 4 chúng tôi ở xa, không thể ném bánh kẹo sang được, chỉ biết nghe Quốc ca và nhìn nhau bồi hồi cảm động, và khâm phục lòng dũng cảm

của anh em Phục Quốc.

Sau vụ này, Cục Trại Giam (thuộc Bộ Nội Vụ, Hà-nội xuống giải quyết. Chúng chọn lựa một số ít trong hàng ngũ Phục Quốc để lại Quảng Ninh. Còn phần lớn anh em Phục Quốc cùng với một số ít chọn trong thành phần phía chúng tôi, được di chuyển vào Thanh Hóa, trại Cẩm Thủy, thư từ gọi đề số 90A (về sau chúng tôi cũng vào Thanh Hóa nhưng ở trại số 5, thư từ gọi đề 50A).

Năm vị Linh mục Công giáo ở lại Quảng Ninh, nhưng ở biệt giam trong phòng kỷ luật. Phòng số 4 chúng tôi hai người ra đi là anh Bùi Tường Huân và anh Trịnh Tiểu. Anh Nguyễn Vạng Thọ cũng ra đi trong đợt này.

Lúc đó là mùa hè năm 1977.

Sau này, chúng tôi nghe những người đã ở trại Cẩm Thủy kể lại là anh em Phục Quốc vào đến trại này vẫn tiếp tục đấu tranh nhưng bị đàn áp dã man, chúng phân tán, giam kỷ luật, cùm chân, bỏ đói. Về sau, anh em đành phải chịu làm khổ sai và kếp kín tâm tư để sống còn chờ qua cơn đàn áp.

3

Đói

Cái làm chúng tôi khổ cực nhất trong thời gian ở tù là ĐÓI. Đói triền miên. Đói ngày đói đêm. Đói sáng đói chiều. Đói ngày này qua ngày khác, tháng này qua tháng khác, năm này qua năm khác. Ăn xong bữa ăn, chúng tôi ngẫm nghĩ không biết đã ăn chưa. Nếu chưa ăn sao mình lại rửa chén. Nếu ăn rồi sao bụng vẫn đói thế này.

QUY CHẾ

Theo quy chế, mỗi đầu người chúng

tôi được hưởng khẩu phần là 15 ký gạo. Tiền mỗi tháng là 15\$ cho lương thực và thực phẩm (tức là gạo cấp phát sẽ tính thành tiền để trừ vào số 15\$ này). Ngoài ra, mỗi tháng mỗi người còn có 3\$ để mua những thứ lặt vặt như khăn mặt, bàn chải răng, xà-phòng, kem đánh răng, thuốc lá v.v...

Cộng sản phân biệt hai chữ Lương Thực và Thực Phẩm : Lương thực là thức ăn chính để ăn cho no (chất bột) như gạo, bắp, khoai, sắn, mạch. Còn thực phẩm là thức ăn trong bữa cơm như thịt, cá, rau...Rau cũng được phân biệt rau thường (như rau muống, rau dền...) và rau cao cấp (như cải bắp, su hào...). Khi ăn độn, các loại lương thực như bắp, sắn, khoai, mạch, bột mì...đều được quy ra gạo theo những tiêu chuẩn định sắn. Lâu quá, nay tôi không còn nhớ rõ các

tiêu chuẩn này. Trước kia, tôi có ghi chép cả, nhất là trong cuộc đấu tranh cuối năm 1978, nhưng sau đó, các tài liệu đã bị tịch thu, và khi về thì tất cả các tài liệu ghi chép và sách in đều bị tịch thu cả, nên nay không còn nhớ chi tiết. Đại khái, bột mì và mạch chỉ được tính ngang với gạo. Sắn thì theo tiêu chuẩn 1 gạo 3 sắn. Ví dụ, mỗi ngày ăn 500g gạo, nếu hôm nào ăn sắn (khoai mì) thì ăn 1,500g sắn. Nhưng vào chi tiết thì còn nhiều rắc rối. Trong cuộc đấu tranh về vấn đề lương thực tại phân trại B, trại số 5 Thanh Hoá, chúng tôi phải đặt nhiều vấn đề (sẽ nói rõ trong mục nói về cuộc đấu tranh này). Chẳng hạn 1,500g sắn nhưng là sắn như thế nào. Ban đầu chúng cân cả những khúc sắn đã thành rế , toàn là xơ cứng không thể nào ăn được, và cân xong mới lột vỏ . Ai cũng biết vỏ sắn dày như thế nào và lột xong thì hao như thế nào. Mức

độ nở của gạo khi nấu thành cơm là 2,2 đến 2,5. Nấu hấp kiểu cơm thổ có thể lên tới 2,7 (tính trọng lượng, ví dụ nấu 200g gạo thì được 440g đến 500g cơm). Khoai sắn nấu không nở, và chất bổ kém, nên phải tính 1 gạo 3 sắn là vì thế. Hồi mới vào tù, chúng tôi chẳng bao giờ biết đến những con số này. Dân miền Nam ra miền Bắc, nghe nói chế độ 13 kí, 15 kí, 18 kí, chẳng biết là thế nào. Ở trong Nam có ai để ý là mỗi tháng đã ăn bao nhiêu ký đâu. Trong gia đình, đến bữa ăn cứ xúc gạo nấu, ăn no thì thôi, chứ có ai để ý gạo nở bao nhiêu, mỗi tháng bao nhiêu kí. Nhưng ra đến ngoài Bắc, trong thời gian đói khổ, ai cũng phải tính toán trong đầu từng hột cơm, từng hột gạo. Toán làm bếp cân đi cân lại để gạo theo nhà nước ấn định là như thế nào. Nhưng đó chỉ là quy chế. Phải nắm quy chế mới có thể đặt vấn đề với cán bộ. Quy chế

đã chẳng khá gì, thực tế lại còn thâm hơn nhiều.

LƯƠNG THỰC

Trong khi các nước đều đã tiến đến chỗ ăn thịt, cá, rau và chỉ ăn rất ít chất bột như cơm, bánh mì, thì cộng sản Việt Nam vẫn không giải quyết nổi vấn đề gạo, dù phải dùng cả sắn, khoai, bắp để quy ra gạo.

Trên nguyên tắc, chúng ấn định cho chúng tôi khẩu phần là 15 ký mỗi tháng. Với những người ăn uống đầy đủ hàng ngày có thịt, cá, có bơ sữa, thì 15 ký mỗi tháng thường là đủ rồi. Nhưng với chúng tôi thì khác. Có lúc chúng tôi chỉ ăn sắn với muối. Thông thường thì ăn sắn hoặc mạch với một chén canh nhỏ,

canh rau nấu với muối. Bột ngọt cũng không có mà bỏ vào canh – cán bộ cộng sản cho biết bột ngọt, mà chúng gọi là mì chính, là tiêu chuẩn “bồi dưỡng” rồi đấy -, không dám nói đến tôm, cá, thịt. Ăn như vậy, mà đi làm lao động nặng, thì 15 ký mỗi người chẳng thấm vào đâu. Mà nào có phải 15 kí! và nào có phải là gạo!

Thỉnh thoảng có một bữa cơm. Trong cuộc đấu tranh năm 1978, chúng tôi đem xuống bếp cân thử lại cơm thì tính ra mỗi người, một bữa ăn chính chỉ được từ 350g đến 400g cơm. Mỗi ngày hai bữa ăn chính là 800g. Phần ăn sáng, nếu là ăn cơm, chỉ được nửa chén cơm nhỏ mỗi người, tính ra chỉ độ 50g đến 100g cơm. Trung bình mỗi ngày, nếu là ăn cơm, chúng tôi chỉ được chừng 800g hay khá lắm là 900g cơm, tức là tương ứng với chừng 350g đến 400g gạo. Như

vậy tính ra chúng tôi chỉ được ăn khoảng từ 10 đến 12 ký gạo mỗi tháng chứ chẳng bao giờ đủ 15 ký cả.

Nhưng đây, vẫn còn là những tính toán có tính cách lý thuyết. Thực tế thì có mấy khi chúng tôi được ăn cơm đâu. Thời gian ở trại Quảng Ninh, chúng tôi được phát mỗi ngày hai bữa (không có ăn sáng), thường là bánh mì. Trại Quảng Ninh gần Hòn Gay là khu kỹ nghệ, được ưu tiên tiếp tế. Và năm ’77, ’78 các nước tự do có giúp đỡ nhiều bột mì, nên chúng tôi thường được ăn bột mì. Chúng tôi không biết mỗi chiếc bánh được làm bằng bao nhiêu grammes bột mì, nhưng chúng tôi thấy là bữa chúng tôi phải ăn có ba cái bánh mới no được, trong khi chỉ được phát một cái.

Lúc đầu, trại Quảng Ninh có lò nướng bánh mì nên chúng tôi được ăn

bánh mì nướng. Đến cuối năm 1977, lò nướng bánh mì bị hư, nên chỉ làm bánh bao hấp mà thôi (dĩ nhiên là bánh bao không có nhân). Mùa hè năm '77 ở Quảng Ninh chúng tôi đã thấy là đói lắm rồi, và ai cũng sút ký ghê gớm. Trước khi đi ở tù, tôi cân được 66 ký lô, đến mùa hè năm '77 ở Quảng Ninh, tôi chỉ còn 45 kí. Vậy mà khi đến vào Thanh Hóa, chúng tôi thấy trại Quảng Ninh hãy còn khá lắm. Trại số 5 Thanh Hóa mới là tồi tệ. Mùa đông năm 78 tại Thanh Hoá, tôi chỉ còn 40 kí. Ngay hồi ở Quảng Ninh, nhờ đợt tiếp tế nhân dịp 2-9-77, chúng cho gia đình chúng tôi gửi quà ra khá nhiều, phần đông nhận được từ 30 đến 50 ký thức ăn khô nên mới gượng lại được qua năm 78. Nếu không có đợt tiếp tế đó thì một số lớn chúng tôi đã quy ngay từ cuối năm '77 tại Quảng Ninh.

Tháng 8 năm 78, sợ Trung Cộng tấn công mà Quảng Ninh là tỉnh biên giới, chúng cho chúng tôi vào Thanh Hoá. Mùa đông năm '78 là thời kỳ đói nhất của chúng tôi. Phân trại B trại số 5 Thanh Hóa là nơi đều cáng nhất trong vấn đề lương thực. Mấy tháng đầu, còn một ít bột mì, chúng phát cho chúng tôi cục bột luộc. Không có men dậy bột, toán làm bếp chỉ nhồi bột rồi bỏ vào chảo nước sôi mà luộc. Mỗi bữa chúng tôi nhận được cục bột luộc bằng nửa bàn tay, bề dày khoảng hai phân. Đây là khẩu phần bữa ăn chính, ăn để đi làm lao động đấy! Bột mì luộc ăn rất đói nhưng chất bổ còn khá. Hai thứ đáng sợ là sắn (khoai mì) và mạch.

Mạch là một loại hạt trông giống như bo bo, nhưng thực ra không phải

bo bo. Có lẽ ở ngoại quốc người ta dùng cho ngựa ăn. Ở phân tại B trại số 5, mạch không sấy ra, cứ để nguyên vỏ thế mà nấu. Mấy năm trong tù ăn uống thiếu thốn lại không hề được chữa răng, phần lớn đau răng cả, đến bữa cơm ngồi vừa nhai mạch vừa khóc. Mạch nấu cả vỏ cứng quá, không nhai thì không nuốt được, nhai thì đau răng đau nướu không chịu nổi. Dù có nhai kỹ, ăn vào bao nhiêu cũng đi tiêu cả ra bấy nhiêu, vì toàn là chất bã. Có lẽ dạ dày ngựa thì nó tiêu hóa nổi còn dạ dày người, ăn vào bao nhiêu nó tụt đi cả bấy nhiêu. Đi tiêu rất khoái, rất là thông suốt. Nhưng tiêu xong, trong bụng không còn một chút hơi, người không còn khí lực. Ăn mạch, chúng tôi vẫn nói với nhau “thức ăn dành cho súc vật, chúng đem cho mình ăn mà cho ăn đói chứ có phải đủ no đâu.”

Sắn thì ăn vừa đói vừa nặng bụng. Vẫn chẳng bao giờ đủ no. Bữa ăn chính, đem chia ra mỗi người được vài khúc sắn. Có lúc chúng bắt nấu cả vỏ. Vỏ sắn có chất độc, ông bà tổ tiên chúng ta đã biết từ xưa, nên mỗi lần luộc sắn, ông bà chúng ta đều lột sạch vỏ sắn, có khi còn đem ngâm nước mấy tiếng đồng hồ rồi mới đem luộc. Còn bây giờ, với đám Cộng sản mà miệng vẫn nói “cuộc cách mạng kỹ thuật là then chốt” thì chúng để nguyên vỏ sắn mà luộc, luộc xong nước đổ lòm, nhiều người đói quá ăn luôn cả vỏ, bị ngộ độc, ói mửa tiêu chảy tùm lum. Chúng tôi kêu ca thì chúng cho lột vỏ mới luộc, nhưng là lột vỏ sau khi cân, nên khẩu phần của chúng tôi lại càng thâm.

Mùa thu hoạch sắn, để sắn lâu thì bị hư, nên chúng bắt chúng tôi ăn sắn dài

dài. Mùa đông '78 ở phân trại B trại số 5 Thanh Hóa, thường chúng tôi phải ăn toàn sắn, một tuần chỉ chen vào chùng hai bữa mạch, có khi mười ngày, nửa tháng mới có một bát cơm hoặc bắp.

Lối ăn độn trong trại giam, không phải là nấu cơm trộn với bắp hay trộn với sắn đâu. Sắn cứ luộc nguyên củ rồi đem cả giỏ lên cho từng đội chúng tôi chia nhau. Bữa nào ăn sắn là toàn sắn, ăn mạch là toàn mạch, ăn bắp là toàn bắp. Lâu lắm mới có một bữa cơm, xúc muống cơm cho vào miệng, chưa kịp nhai thì như cơm bị dạ dày ở dưới vồn đói quá, hút tụt xuống cổ họng ngay. Muốn kéo dài bữa cơm, để kéo dài sự sung sướng, mà không kéo dài nổi. Chưa gì đã thấy hết cơm rồi. Và anh em lại bảo nhau: “Sao dường như cơm nó đi đâu mất rồi, nó không ghé lại dạ dày lâu lâu một chút

cho mình có cảm tưởng no. Dường như vừa vào miệng nó đã tụt xuống dạ dày, vừa đến dạ dày, nó lại tan biến đi đâu mất.”

Chỉ có sắn là có vẻ ghé lại trong ruột khá lâu.

Ăn sắn cả tuần, dạ dày tuy vẫn đói mà ruột thì lại cứ nặng nặng, trĩu trĩu. Đi tiêu xong, thấy ruột vẫn cứ nặng nặng. Nhưng vẫn đói và vẫn mong phát sắn nhiều một chút – đàn ông nào cũng phải ăn sắn thì vẫn mong cho có sắn đủ no -, nhưng vẫn không bao giờ được phát nhiều, không bao giờ được ăn no, trừ ra ba bữa Tết. Ôi, sao một năm lại chỉ có một lần Tết. Mà Tết Cộng sản nó chỉ cho ăn đến mừng hai thôi. Mừng ba lại phải lao động, và ăn bình thường, nghĩa là ăn đói rồi!

HỤI CƠM, HỤI SẴN

Đói quá, chúng tôi cứ loay hoay tính toán cách ăn. Ông bà ta có nói ”khéo ăn thì no, khéo co thì ốm”. Vậy phải tìm cách ăn thế nào cho “khéo”.

Ở Quảng Ninh, chúng phát hai bữa ăn, có người chia làm bốn bữa. Hai cái bánh mì, mỗi lần chỉ ăn nửa cái thôi. Nửa cái lúc sáng thức dậy, nửa cái buổi trưa, nửa cái buổi chiều, nửa cái trước khi đi ngủ. Trước khi đi ngủ, ăn nửa cái bánh mì là để cho bụng đỡ cồn cào, dễ ngủ. Nhưng rồi thấy không ổn, vì lúc ăn đã chẳng ra gì mà rồi lúc nào cũng đói. Bèn thay đổi cách ăn. Mỗi bữa ăn, ăn ba phần tư cái bánh mì. Góp lại hai cái một phần tư mỗi bữa. Thì có được nửa cái bánh mì ăn sáng. Ăn kiểu này thì tối đi ngủ rất

khó vì chưa ngủ được bụng đã đói cồn cào, nằm trằn trọc tưởng tượng củ sắn củ khoai mà thở dài.

Lại có người chủ trương nó phát lúc nào ăn lúc ấy. Đại diện cho môn phái này là anh Trạng Khanh Hưng, trước là Trung tá. Anh Hưng chủ trương rằng lúc nào cũng đói thì bất cứ lúc nào nó phát cái gì là cho hết vào bụng ngay, càng sớm càng tốt, không cần tính toán gì cả. Vì thế khi nó phát canh trước thì anh cầm chén canh húp luôn, hết sạch. Rồi đến khi phát bánh mì, hay cơm, hay mạch, anh chỉ ăn trợn như thế. Anh bảo một chén canh tí-tẻo như thế thì ra cái gì mà đợi ăn với bánh mì. Cứ húp luôn cho nó tiện việc. Đói thế này thì cơm lạt ăn mấy tô cũng hết, cần gì thức ăn. Ăn kiểu này khỏi phải cất để dành nhưng buổi sáng rất đói. Nhất là sáng mùa đông xứ Bắc,

trời rét căm căm, thức dậy không ăn sáng đi chân đất làm lao động cho tới trưa. Đó là ở trại Quảng Ninh.

Trại Thanh Hóa thì có phát ăn sáng nhưng lại trừ vào phần ăn trưa và ăn tối.

Rốt cuộc ăn kiểu nào cũng đói. Hôm nay đói, ngày mai cũng đói. Tháng giêng đói, tháng hai cũng đói. Năm '77 đói, '78 cũng đói. Chao ôi, đói liên miên như thế mới có thể biết được cái đói nó khổ sở như thế nào, nó dẫn vật con người như thế nào.

Chúng tôi lại “phát huy sáng kiến” về cách ăn. Chúng tôi bày ra trò hụi cơm, hụi sắn. Thời gian sau đợt đấu tranh tại trại số 5 Thanh Hóa, sang đầu năm '79, có lúc chúng cho ăn liên tiếp được hai tuần lễ cơm trắng, buổi sáng ăn sắn. Tuy khẩu phần không gia tăng, nhưng được

ăn cơm liên tiếp hai tuần là chuyện hi hữu lắm. Khẩu phần không gia tăng nên chúng tôi vẫn đói. Để đánh lừa dạ dày, chúng tôi chơi hụi cơm, hụi sắn.

Nhóm ăn của chúng tôi có năm người. Mỗi bữa, mỗi người xúc một muống cơm trong phần cơm của mình để sang phần cơm của người “hốt hụi”. Mỗi bữa có bốn người bớt chút cơm nhưng có một người thêm được bốn muống cơm. Chao ôi bốn muống, nhìn ca cơm đầy hơn mỗi ngày, trong lòng sung sướng làm sao! Nhưng bữa khác lại phải trả nợ.

Còn hụi sắn thì thường chơi trong vòng ba người thôi. Một hụi gồm những người lảng giềng, nằm kế tôi là nhóm ba người gồm Nguyễn Xuân Liêm (trước từng làm Tổng Giám đốc Công vụ), Trần Ngọc Diên (trước là Sứ thần Ngoại giao

ở Washington D.C.), và Khổng Vĩnh Thành (trước là Chủ tịch Hội đồng Thị xã Đà Lạt). Mỗi người luân phiên nhin hai bữa sáng thì có một bữa sáng “huy hoàng” ăn cả ba phần. Bữa sáng có ba phần sẵn tuy không no, nhưng thế cũng sung sướng lắm rồi. Nhưng hai bữa sáng kia thì nằm co nhin đói, uống nước lã.

Chao ơi, ông bà ta nói “khéo ăn thì no” mà sao sống với Cộng sản, tính toán trăm phương nghìn cách để thực hiện chữ “khéo ăn” vẫn cứ đói. Ông bà ta hồi trước có ngờ đâu Cộng sản nó lại ấn định khẩu phần ăn tới tệ đến thế. Ngày xưa, tuy kinh tế còn lạc hậu, ông bà ta dù có thiếu thốn cũng có thể “khéo ăn thì no”. Đến khi cái thứ Cộng sản nắm chính quyền, miệng nói giải phóng, nói sản xuất, nói tiến bộ, nói của cải dư thừa, mà sao, phải ăn thức ăn của súc

vật mà vẫn thiếu, và thiếu quá, thiếu đến nỗi chúng tôi có tính toán cách ăn như thế nào thì chung quy vẫn đói, đói triền miên, đói kinh hoàng, nếu không có gia đình gởi thêm thực phẩm thì chắc chắn hầu hết chúng tôi đã gục ngã trong cái trại khổ sai Miền Bắc rồi.

THỰC PHẨM

Tôi dùng chữ thực phẩm theo nghĩa cộng sản dùng, tức là những thức ăn để ăn với cơm (hay với sắn, mạch, bánh mì...)

Tùy theo mùa rau, có rau gì ăn rau nấy. Mùa hè ăn rau muống, mùa đông ăn rau cải. Khi thiếu hạt thì ăn muối. Canh sắn, canh khoai lang được coi như “huy hoàng” lắm, vì có tác dụng đỡ đói một

chút. Canh toàn rau với muối. Sáng rau muống nước muối, chiều nước muối rau muống.

Rau là của tù nhân trồng. Thu hoạch rau đem về nhà bếp, đem cân rồi tính thành tiền. Tiền ấy là gì? Đó là tiền 15\$ hằng tháng của mỗi tù nhân, dùng để trả tiền rau đó. Cho nên nhà nước Cộng sản, tiếng là quy định mỗi tháng chi tiêu cho một tù nhân 15\$, nhưng không phải chi tiêu gì. Tiền đó để mua rau, mua sắn. Mà rau, sắn, cả lúa gạo nữa, cũng đều do tù nhân trồng trọt làm ra. Ngoài ra tù nhân lại còn đập đá, sản xuất đá dăm, đá ong, đục gạch, làm lò rèn v.v... Tiền bán những thứ này được bao nhiêu, không tên tù nào được biết. Trước kia ngay cả số tiền 15\$ hằng tháng, chúng tôi cũng đâu có biết. Đấu tranh, hỏi mãi mới được “bật mí” ra. Thì hóa ra, tiền 15\$ chỉ

là động tác kế toán mà thôi, chứ không phải nhà nước chi tiêu cho tù nhân. Hơn nữa, nó lại có tác dụng có giới hạn số lượng thực phẩm. Có lúc mấy đội trồng rau trồng có kết quả nhiều, thì trái lại, gọi người ngoài, gọi các đơn vị quân đội đến, bán bớt đi. Cán bộ giải thích rằng tiêu chuẩn chỉ có 15\$ mỗi tháng không đủ tiền mua hết số rau về nhà bếp. Ấy thế, mình sản xuất ra là sản xuất cho nhà nước, còn tiêu chuẩn ăn do nhà nước ấn định là việc khác.

Ăn thì vẫn đói, sản xuất thì phải cho nhiều để ban Giám thị tổng kết, báo cáo lên Cục Trại Giam rằng trại đã làm lợi cho nhà nước bao nhiêu tiền. Một mặt thì nhà nước vẫn kể công rằng phải chi cho mỗi người một tháng 15\$! Ở Bác Ơn Đảng mới có mà ăn đấy! Đảng cho ăn mức nào thì ăn mức ấy, chỉ có thể sụt

xuống, chứ không thể tăng lên. Khi nào thiếu rau, ăn muối, thì bảo là “tại các anh lao động kém, không đủ rau”. Nhưng khi sản xuất nhiều thì nhà nước đem bán đi, vì “không thể ăn quá tiêu chuẩn được”. Mà tiêu chuẩn có phải nhiều nặng gì cho cam. Mỗi người chỉ có một chén canh rau với muối.

Thế mà đói quá, ăn chén canh rau với muối cũng thấy ngon lạ lùng. Ở nhà, nếu vợ nấu canh rau muống bỏ muối thôi, không có chút bột ngọt, không có chút thịt cá, và ăn với khoai mì, thì chắc người chồng nào cũng cự nự vợ. Trước ngày sụp đổ 30-4-75, chỗ góc đường Lê Lợi – Nguyễn Huệ, Sài Gòn, có người bán khoai mì hấp, rắc dừa, lá dứa thơm phức, mua 50\$ (tiền cũ) về ăn no không hết, mà có ai mua đâu. Nay đi ở tù xứ Bắc Việt, cộng sản nó cho ăn canh rau nấu muối,

ăn với khoai mì, mà sao ngồi ăn thấy ngon đến mê mẩn. Ăn cái gì cũng ngon, chỉ có thiếu lượng chứ không ai cần đến phẩm chất. Đọc sách báo của Cộng sản, chúng luôn luôn tự đề cao, rằng chế độ xã hội chủ nghĩa là ưu việt, là hơn hẳn. Quá đúng, chỉ có dưới chế độ xã hội chủ nghĩa Mác Xít – Lê Nin Nít, ăn khoai sắn mới thấy ngon đến thế. Khoai lang, khoai mì, canh rau nấu muối là những thứ mà trong chế độ tự do chẳng ai thèm ăn thì trong chế độ Cộng sản, người ta ăn thấy ngon đến mê mẩn. Hơn hẳn là thế đấy!

Hồi ở phòng số 4 trại Quảng Ninh, mùa hè năm '77, chúng tôi có trồng riêng cho đội trên miếng đất nhỏ phía sau phòng giam mấy cây ớt, mấy cây cà chua. Vì canh nhà bếp phát ít quá, thỉnh thoảng có người bứt vài nhánh ớt đem nấu canh, thấy ăn được. Còn mấy

cây cà chua, vì không ra trái, đội quyết định nhổ đi để lấy chỗ trồng ớt. Tôi cùng với Lê Thanh Châu (trước là Tổng Giám đốc Khai Hoang Lập Ấp), Tranh Chánh Nhựt (Chủ tịch đảng Dân chủ, quận bộ Bình Chánh) và Nguyễn Ngọc Xuân (Thiếu Tá) bàn nhau lấy lá và đốt cà chua nấu canh. Nấu xong, chúng tôi múc được mỗi người một lon guigoz và hân hoan nói với nhau rằng hôm nay được bữa canh ăn no. Nhưng đến khi ăn được phân nửa, chúng tôi đứa nào cũng thấy buồn nôn, đau đầu. Bèn thôi không dám ăn tiếp. Thế mà cũng khó chịu trong người cả ngày hôm ấy. Sau đọc trong một cuốn sách Đông-y, mới biết rằng lá ớt thì ăn được và có thể trị lải kim, còn lá cà chua thì có chất độc, ăn nhiều bị ngộ độc nguy hiểm.

Nói cho đúng, lâu lâu cũng có một

bữa thịt. Cả trại cả ngàn tù (kể cả tù hình sự), làm một con heo chừng bảy, tám mươi kí. Đó là heo sống. Làm thịt ra thì được chừng 40, 50 ký thịt, tính ra mỗi người được 50 grammes. Xương và lòng bỏ vào nấu canh, thịt thì đem kho. Chao ôi, buổi sáng ra đi làm lao động khổ sai mà thấy nhà bếp đi bắt con lợn về, là cả buổi lao động chỉ mơ tưởng miếng thịt lợn. Mỗi người được một miếng thịt kho nhỏ chut, ngồi ngậm mãi mới dám cắn một miếng nhỏ, chỉ sợ nó hết. Nhưng cũng như cơm, nó hết quá nhanh chóng. Mới cho vào miệng, nó đã tụt vào cổ họng rồi tan biến mất tiêu. Thế là hết bữa thịt, và lại bắt đầu mơ tưởng thịt.

Khoảng cách thời gian giữa hai bữa thịt là tùy mỗi giai đoạn. Hồi mới ra Quảng Ninh, tuần nào cũng có. Qua

năm '77, suốt mấy tháng hè, chỉ được ăn bữa thịt 1 tháng 5 (Lễ Lao Động), rồi ăn chay mãi cho đến bữa thịt 2 tháng 9 (Quốc khánh Cộng sản Bắc Việt), tính ra đến bốn tháng. Thời gian ở Thanh Hóa thì chừng một tháng một lần, có khi hai tháng một lần. Sau cuộc đấu tranh cuối năm '78, qua năm '79 một mặt chúng đàn áp, giam kỷ luật, cùm chân, bắt lao động nặng hơn, nhưng cũng có cho ăn thịt khá hơn, có khi mỗi tháng được hai lần.

Hơn ba năm trong trại giam ở Bắc Việt, tôi được ăn trứng bốn lần, mỗi lần mỗi người một quả trứng vịt luộc. Cầm quả trứng vịt luộc trong tay, cứ hít nó mãi mà không dám ăn, vì thấy quý quá. Trứng vịt ở Miền Bắc nhỏ hơn trứng gà Mỹ trong Nam. Ở cái xứ đói thì vịt cũng đâu có gì mà ăn, làm sao để trứng lớn

cho được.

Mỗi lần ăn trứng, ăn thịt, số tiền 15\$ dành cho lương thực và thực phẩm lại bị hụt đi vì cán bộ bảo là mua ở các hợp tác xã không có, phải mua ngoài theo giá tự do (tức là giá chợ đen). Tiền hụt thì lại phải bớt rau đi, dù có trồng rau được nhiều cũng phải ăn muối để khỏi quá tiêu chuẩn.

3\$ TIÊU VẬT và TIỀN LƯU KÝ

Mỗi tháng chúng tôi có được ngân khoản 3\$ mỗi người để mua những thứ lặt vặt cần dùng. Tuy nhiên không phải ai muốn mua gì thì mua. Tiền do trại quản lý, mỗi tháng trại thấy thứ gì mua được thì mua để cấp phát. Thường được cấp phát nhất là thuốc Lào. Người

không hút cũng được cấp, như thế gọi là “phân phối công bằng xã hội chủ nghĩa”. Tỉnh thoảng có cấp bột giặt. Lâu lâu có phát mỗi người 200g đường. Tiêu chuẩn đường là mỗi tháng 200g đấy, nhưng không bao giờ chúng tôi được nhận đủ. Hồi ở Quảng Ninh, mỗi tháng có cho ăn một lần chè ngọt, cũng có tháng không có. Và mỗi lần nấu chè, tính theo mức độ ngọt của chè, chúng tôi ước lượng mỗi người chỉ được độ 50 đến 100g đường. Tỉnh thoảng, chúng tôi có nấu chè bằng đường của gia đình gửi ra nên chúng tôi có kinh nghiệm trong việc tính toán số đường. Vào đến Thanh Hóa, không có ăn chè, nhưng vài ba tháng có phát đường một lần. Trước cuộc đấu tranh năm ’78 thì số đường phát ra thiếu rất nhiều, vài ba tháng mới phát mỗi người được 100 đến 150g. Qua năm ’79, sau cuộc đấu tranh, trung bình chừng ba tháng chúng

tôi được phát mỗi lần khoảng từ 200 đến 300g mỗi người. Tưởng nên nhắc lại rằng, trước kia, tại các Trung Tâm Cải Huấn của ta, buổi sáng, thường ăn cháo với đường, nên không ai bị thiếu chất ngọt.

Tiền riêng của chúng tôi do gia đình gửi ra thì chúng tôi không được giữ mà phải nộp lưu ký. Ban Tài chánh của trại có cấp cho mỗi người một phiếu lưu ký có ghi số tiền gửi. Đồng hồ, nhẫn, và các thứ quý vật cũng phải gửi lưu ký. Quần áo riêng của mình cũng phải đóng dấu, sơn chữ vào. Mục đích của các biện pháp này là để chúng tôi có trốn trại thì tiền bạc không có, quần áo rõ ràng là thẳng tù, không thể giả dạng thường dân mà di chuyển được.

Trên nguyên tắc, chúng tôi có thể

xin rút tiền lưu ký để mua những thứ cần dùng. Nhưng thực tế thì không mấy khi chúng tôi được rút tiền. Một năm chỉ được rút tiền một hai lần. Tất nhiên chúng tôi chỉ được nhận hàng thôi. Chúng tôi luôn luôn xin mua thức ăn: đường, mít, khoai lang, khoai mì, bánh kẹo... mua giùm chúng tôi, vì đi mua như thế (luôn luôn mua giá chợ đen) cũng có được tý chút. Nhưng quả thật Miền Bắc không có gì để mua, mặc dầu chúng tôi sẵn sàng chấp nhận bất cứ giá mua mắc mớ như thế nào. Và các trại giam dầu ở vùng núi rừng hẻo lánh, xe cộ di chuyển rất là thiếu thốn, nên càng chẳng có gì để mua. Hơn ba năm ở Miền Bắc tôi tiêu chưa đến 100\$, đó là đã trả tiền giùm cho nhiều anh em không có tiền trong những đợt cho mua hàng. Tiền riêng cho cá nhân tôi thì chỉ độ \$50. Tiền có đấy, mà đành chịu đói khi gia đình không gửi quà ra

được .

Mùa đông năm '78, tôi chỉ còn 40 kí, (so với trước khi vào tù là 66 kí) đúng là da bọc xương (tôi cao 1.70 m). Những người nhỏ nhắn, ăn ít thì còn đỡ sứt kí. Những người cao to như anh Nguyễn Đình Xương chẳng hạn (trước là Tổng Quản trị Phủ Tổng Thống), nay chỉ còn da bọc lấy xương, trông thật thê thảm. Nhưng phía chúng tôi vẫn còn khá hơn phía tù hình sự. Tù hình sự, mà gia đình họ cũng đói kém vì đời sống xã hội Miền Bắc là đói kém, chẳng thể nhận được quà của gia đình khá nhiều như chúng tôi, nên hầu hết đều gây đói thảm thương. Tôi đã thấy trong bệnh xá phân trại B trại số 5 Thanh Hóa những người tù hình sự trông như những bộ xương bò sang khu chúng tôi tìm kiếm vỏ khoai trong các đồng rác. Nhưng vỏ khoai cũng chẳng

mấy khi kiếm được. Chỉ có những ông già bên phía chúng tôi mà suốt đời chẳng bao giờ ăn khoai cả vỏ, và nhất định “giấy rách vẫn giữ lấy lề” mới có đủ can đảm bóc vỏ khoai cho vào đồng rác. Còn hầu hết chúng tôi đều ăn khoai cả vỏ. Bụng không có chút hơi, người không còn khí lực, một chút vỏ khoai cũng quý giá vô ngần. Cộng sản chê tư bản là dùng tiền bạc để mua chuộc sai khiến con người. Nhưng dù sao thì tư bản có dùng tiền bạc cũng là để dẫn dụ những người đã ăn no rồi mà còn thích rượu ngon gái đẹp nhà lầu xe hơi. Còn Cộng sản thì nắm ngay bao tử con người, để cho người ta đói đến mức cái vỏ khoai cũng quý, muốn có cái vỏ khoai để ăn cũng phải chịu cho Bác và Đảng sai khiến, và phải luôn miệng “ơn Bác ơn Đảng” để được ăn khoai sắn cả vỏ mà bụng vẫn luôn luôn đói, người vẫn luôn luôn gầy, đời sống vẫn luôn luôn là

nô lệ thôi.

4

Rét, nóng, và bệnh tật

Đói rét vẫn đi liền với nhau. Càng đói càng thấy rét, và càng rét càng thêm đói.

Chúng tôi được chở ra Bắc vào đầu mùa đông năm '76 là mùa đông rét nhất trong mấy mươi năm. Đêm rét nhất năm đó là 3o C. Thế mà trại giam không có cửa kính, nằm trên sập gỗ và chúng tôi thiếu áo ấm, thiếu mền, thiếu ăn. Có bao nhiêu áo quần đem mặc cả vào người, kể cả áo mưa. Có bao nhiêu khăn lông đem quấn cả vào đầu vào cổ. Có bao nhiêu tấm nylon đem che loạn cả lên. Người

nào trông cũng giống như đàn bà đẻ ở nhà quê ngày xưa. Buồng nào trông cũng như buồng đẻ. Nhưng không có lò than để sưởi. Lạnh nhất là những hôm gió bắc mưa phùn tháng chạp ta. Giá mỗi buổi sáng có một tô phở nóng nước béo ăn vào thì chắc ấm được ngay. Nhưng buổi sáng không có ăn gì. Buổi trưa ăn đôi. Buổi chiều ăn đôi. Cho nên bụng thì cồn cào lép kẹp, quần áo thì mong manh, mà rét năm '76 kéo dài gần hai tháng liền. Rét liên tục từ Noël tới Tết. Sau Tết trời mới bắt đầu dễ chịu lại. Năm đầu tiên rét nhiều và thiếu áo ấm nhưng được cái là chúng tôi mới ra chưa phải lao động. Những năm sau thì ít rét hơn, và chúng tôi đã được gia đình gửi áo ấm ra (trại cũng có phát cho mỗi người một cái áo trấn thủ, tức là loại áo vải may kẹp bông bên trong nhưng bông mỏng thôi, và chỉ che được từ ngực tới giữa bụng, không có

tay), nhưng lại phải làm lao động ngoài trời.

Mùa đông đầu tiên, có người rét quá, lấy tấm nylon quấn vào, lấy áo mưa nylon mặc vào mà ngủ, tưởng là ấm, nhưng vì hơi nước trong người bốc ra không bay hơi được, người ướt đầm, sáng ra thì bị cảm. Đầu hôm còn ngủ được, từ nửa đêm trở đi sao mà nước mát, đến thế!

Anh Lê Thành Châu, (Tổng Giám đốc Khai Hoang Lập Ấp), nổi tiếng là sợ địa, nhưng đến ngày tắm giặt thì cũng bất chấp địa, cũng nhào xuống nước ngay.

Lúc nào chúng tôi cũng chỉ mặc có cái quần đùi. Buổi trưa nằm trong trại giam, người nào cũng chỉ có cái quần đùi, nằm sát nhau như cá hộp, hầu hết đều da bọc xương, trời thì nóng bức. Có lần giữa trưa nóng quá ngủ không

được, tôi nhồm dậy nhìn quang cảnh đó và thâm nghĩ quá đúng là địa ngục rồi đây. Và tôi nghĩ giá có cái máy ảnh chụp được cảnh chúng tôi gầy gò, bụng lép, ngực đầy xương sườn, nằm thiêm thiếp sát bên nhau, mồ hôi nhễ nhại, trong trại giam đóng chặt giữa buổi trưa hè nóng bức như thế này mà gửi qua Pháp cho báo Paris-Match đăng lên, thì chắc chắn không còn ai có thể nghi ngờ gì về cái địa ngục Cộng sản được nữa. Thanh Hóa nóng hơn Quảng Ninh vì chúng tôi ở xa biển và chịu ảnh hưởng gió Lào.

Trời nóng như thế, tắm giặt dơ bẩn khổ sở như thế, và ăn đói thì bệnh tật xảy đến là chuyện dĩ nhiên. Hầu hết chúng tôi đều mang bệnh trong mình. Kẻ bệnh phổi, người teo chân, kẻ đau dạ dày, người bệnh trĩ, kẻ thần kinh suy nhược, người đau răng... chẳng mấy ai

thoát được. Mùa hè '79, tất cả chúng tôi bị sảy ngựa cùng mình. Buổi trưa, buổi tối, ai cũng gãi sồn sột. Ai không lở lói, thì bị sảy ngựa là lấy làm may mắn rồi.

Mùa đông năm '78 và đầu mùa hè năm '79, một số chúng tôi lâm vào tình trạng kiệt sức. Chỉ có 10% là tuy sức khỏe xuống nhưng không quá tồi tệ, còn có 90% là rất gầy yếu trong đó chừng 30% chỉ còn da bọc lấy xương.

Thuốc men của trại thì gần như không có gì. Hồi ở Quảng Ninh, đa số chúng tôi bị sán lãi, vì rau toàn bón bằng phân người. Cầu tiêu thì trong phòng giam. Mỗi ngày chúng tôi phải dọn cầu, gánh thùng phân ra, phân và nước tiểu nhỏ giọt vương vãi trên sàn. Cứ thế mà sán lãi lan tràn. Ngày nào dọn phân cũng thấy mấy con lãi đũa trong thùng phân. Thế mà báo cáo với trạm y tế thì cán bộ

y tế trả lời là không có thuốc lải, và “giun thì ai chả bị, các anh nên khắc phúc, chết chóc gì mà sợ giun”.

Thuốc men đã không có, thuốc của gia đình người ta gọi ra lại kiểm soát, hạn chế. Cán bộ y tế khi kiểm soát thuốc trong Nam gọi ra, cứ phàn nàn là sao thuốc men trong Nam nhiều loại nhiều thứ rắc rối qua, chẳng biết thứ gì dùng vào bệnh gì. Ngoài Bắc thì chỉ có mấy loại thôi, giản dị lắm. Đã không biết thuốc nhưng lại cứ kiểm soát. Có lần tôi bị giữ thuốc lại, xin mãi mới được phát. Khi phát ra, cán bộ y tế giảng đi giảng lại mãi rằng phải dùng thuốc cho đúng, rằng thuốc Dénoral là thuốc sốt rét... (thực ra thì Donéral là thuốc trị sổ mũi!)

Năm đầu ở Quảng Ninh thỉnh thoảng còn có phát Rinifon, Kavet.. Từ mùa hè năm '77 thì tịt luôn. Đau bụng, chỉ phát

lá ổi để nấu mà uống. Thỉnh thoảng cho mấy thứ lá, ai có cảm thì nấu nồi nước lá mà xông. Xông không khỏi, hoặc có bệnh trầm trọng khác thì cho sang Bác sĩ Cửa châm cứu. Châm cứu không hết thì anh Cửa đưa lên trạm xá của trại, có cán bộ y tế khám. Cán bộ y tế chỉ là một y tá và trạm xá cũng chẳng có thuốc men gì. Có lần bác sĩ Cửa công một bệnh nhân lên trạm xá, anh em chúng tôi cười và chỉ trỏ ”hãy trông bác sĩ công bệnh nhân đến cho y tá khám”. Thỉnh thoảng có chích cho mũi thuốc thì không có thuốc sát trùng, chỉ lấy cục bông nhúng vào lược lược ống tiêm, chà chà trên da rồi chích.

Cũng có trường hợp cho đi bệnh viện. Nhưng đến nhà tù Cộng sản mà cho đi bệnh viện thì ít hy vọng trở về....

Ông bà ta nói “khéo co thì ầm”.

Nhưng lạnh cỡ 3° C mà không có lò sưởi, không có cửa kính, không có mền, không có áo ấm, chỉ mặc mấy lớp quần áo mỏng và đắp một cái chăn mỏng thì co cách nào cho ấm nổi, thì không ai ngủ nổi.

Ông Lê văn Đồng, Thẩm phán bị bệnh phổi và đã cao tuổi, suốt đêm nằm ho. Anh Đỗ Kế Cầu bị bệnh suyễn suốt đêm nằm bơm thuốc (thuốc và bơm là của nhà mang đi) và nhiều phen không thở được. Co vào cũng rét, duỗi ra càng rét, nằm nghiêng cũng rét, nằm ngửa càng rét, tay để trong mền nhưng mền mỏng quá mà tay không mang găng nên bàn tay cồng lại, vành tai lạnh quá mất cả cảm giác. Mùa đông năm '76 quả thật là mùa đông rét kinh hoàng của chúng tôi.

Khỏe như bác sĩ Văn Văn Cửa mà rét còn không ngủ được. Không ngủ được

thì lại đói, đói quá. Nửa đêm, ông Cửa dậy bàn với ông Canh (Thiếu tá) kiểm cách gì cho đỡ đói, đỡ rét. Thuốc lào hết rồi. Thuốc điều không có. Thực phẩm dự trữ không còn gì. Loay hoay một hồi rồi ông Cửa tìm được gói muối nhỏ trong xắc. Bèn lấy ra cùng với ông Canh quẹt muối vào lưỡi cho mặn miệng rồi uống nước. Nhưng uống nước với muối vào thì bụng càng cồn cào thêm. Tôi nằm bên cạnh, rét quá không ngủ được nghe hai anh thì thầm bàn với nhau mà xót xa. Tôi tưởng tượng giá mình còn cục đường nhỏ thôi. Một cục đường vào bụng được bao nhiêu calories. Người ta hay nói đùa “hột muối cắn đôi, hột đường đớp hết”. Không biết lúc đó tôi còn cục đường thì có thức dậy lấy chia cho anh Cửa và anh Canh nổi không. Giá có cục đường chắc phải nghĩ ngợi găng lắm. Nhưng không có gì, thôi đành nằm yên chịu rét. Lúc ấy

chúng tôi đang ở phòng số 3 trại Quảng Ninh, và đang là tháng chạp năm Thìn. .

Mùa hè thì nóng. Trại Quảng Ninh tương đối khá vì gần vịnh Hạ Long, khí hậu không đến nỗi quá nóng, và nhà giam lợp ngói, nước tắm đầy đủ. Trại này vốn khi xưa là một trại nhà binh Pháp nên có hệ thống nước lấy nước suối trên núi xuống, các bồn nước lúc nào cũng đầy. Chỉ phiền là khi trời mưa thì nước suối đục, nước trong bồn cũng đỏ ngầu. Nhưng được thế cũng quý lắm rồi, cũng có chút tiện nghi của “thực-dân đế-quốc” để lại.

Khi vào trại số 5 Thanh Hóa, mà phân trại B và phân trại C là hoàn toàn của “Xã hội chủ nghĩa” xây cất, thì buồng giam quá nóng, và không đủ nước dùng.

Khi đến phân trại B, chúng tôi có đào thêm giếng và lúc đó còn trong mùa mưa, mạch nước lúc nào cũng đầy. Còn phân trại A là nơi có bộ chỉ huy của trại giam số 5 thì nguyên là một khu cơ sở gì không rõ, của Pháp xây cất từ trước năm 1945, nên cũng còn được.

Mùa hè nóng nực và khổ sở nhất cho chúng tôi là mùa hè hạn hán năm 1979. Lúc đó chúng tôi ở phân trại C. Nước không có chúng tôi chỉ tắm rửa bằng nước ruộng, nước ao. Theo quy định, một tuần lễ chỉ được tắm hai lần, sau buổi làm lao động khổ sai ngoài đồng. Nước ao, kể liên đó là ruộng, trâu dẫm ở đó, phân bón ruộng, phân tưới rau cũng chạy ra đó, nước đục ngầu và đầy những đĩa, thế mà đến ngày tắm giặt là chúng tôi mừng lắm. Chúng tôi cũng nhìn thấy nước đục, nước dơ bẩn đấy, nhưng vẫn

cứ tranh nhau nhảy xuống.

Từ Quảng Ninh vào Thanh Hóa, nhóm chúng tôi khoảng 500 người (hồi mới ra thì 800 người, nhưng đã được đưa trước vào trại 90A một số rồi), bị chết khoảng 30 người vì bệnh trong thời gian '78, '79.

Anh Lưu Trương Không (?) (trước là Giám đốc tại Bộ Chiêu Hồi) bị chết vì biến chứng của bệnh phù thũng. Anh Chung (Thiếu tá Cảnh Sát) đang ngồi sinh hoạt học tập, bỗng gục xuống chết vì bệnh tim và kiệt sức. Khi di chuyển từ Quảng Ninh về Thanh Hóa, anh Bé (Trung tá) bị bệnh chở ra bệnh viện Hòn Gay rồi không thấy vào Thanh Hóa, về sau nghe nói đã chết. Anh Minh (Đảng Dân Chủ), anh Ngô Chuẩn (Cảnh Sát) đi bệnh viện Thanh Hóa, không thấy trở về.

Còn nhiều nữa, nhưng tôi không nhớ tên.

Kinh hoàng nhất là Trạm xá phân trại B trại số 5 Thanh Hóa, nơi các bệnh nhân nằm mà chỉ chờ chết. Tháng 8 năm 1978, khi chúng tôi mới từ Quảng Ninh vào Thanh Hóa, chúng tôi đã đếm được 18 tù hình sự chết nội trong tháng đầu. Mà số tù hình sự chết ở phân trại này chỉ độ 300 thôi. 300 tù mà một tháng đã chết 18 người! Và nhìn vào trạm xá thì thấy các bệnh nhân trông đúng là các bộ xương. Anh em để ý kỹ thì thấy dường như chỉ có một cái hòm dùng đi dùng lại. Mỗi lần có người chết, bỏ vào hòm khiêng ra, nhưng chắc là chỉ chôn xác mà không có hòm. Hòm có lẽ được khiêng trở vào lúc ban đêm, để lần khác dùng nữa.

Anh Bùi Văn Bảy, (trước là Thiếu Tá,

chuyên viên điện toán tại Bộ Cựu Chiến Binh), bị kiệt sức và lao phổi ho ra máu, người chỉ còn da bọc xương và xanh mét. Thế mà vẫn để nằm ở trạm xá phân trại C, sống lây lất nhờ anh em trong tù giúp đỡ thuốc men và thức ăn. Trường hợp anh Bảy là một trường hợp rất đáng thương tâm. Anh đi ở tù, chị Bảy bệnh tim nặng chết vào năm 1977, một đứa con nhỏ chết vì té lầu, những đứa còn lại phân tán nhờ vả bà con sống cho qua ngày. Bà con cùng xóm với gia đình anh Bảy thấy hoàn cảnh qua thương tâm và thấy anh Bảy trước kia chỉ là chuyên viên điện toán lo về hồ sơ cô nhi quả phụ tại Bộ Cựu Chiến Binh, nên họp nhau làm đơn xin cho anh Bảy về, theo tinh thần “nhân dân làm chủ”. Nhưng đơn của nhân dân lối xóm gửi đi, công an chẳng thèm trả lời, trong khi đó anh Bảy không được gia đình tiếp tế vì các con còn nhỏ

và quá nghèo, nên đã kiệt sức chỉ còn nằm đợi chết trong tù.

Còn nhiều trường hợp lắm nhưng tôi không nhớ tên. Trong trại giam, buồng này buồng kia ngăn cách nhau, cấm không cho liên lạc với nhau nên thường chỉ thấy mặt quen mà không biết tên.

Những bệnh không có tính cách cấp tính như trĩ, đau răng, đau dạ dày... thì trại coi như không, bắt đi làm lao động như thường và không có thuốc men gì cả. Đau dạ dày vẫn phải ăn mạch cả vỏ, và ăn sẵn như thường, nếu không muốn nhịn đói hoàn toàn. Trên nguyên tắc, mỗi ngày ai bệnh có thể ghi tên xin ăn cháo. Nhưng thực tế, trong thời gian ăn mạch và sẵn thì việc ghi tên xin ăn cháo rất là hạn chế vì lẽ không có gạo nấu cháo. Mỗi ngày một đội chỉ được ghi cho một người ăn cháo thôi. Nếu có nhiều người bệnh,

cũng chỉ chọn lấy một người. Trong nhà tù cộng sản, một tô cháo ăn với muối cũng là ân huệ đặc biệt lắm đấy.

Nhức răng xin muối ngậm cũng khó khăn lắm. Cán bộ bảo là theo nội quy, cấm phạm nhân giữ muối. Chúng tôi hiểu là muối có tác dụng làm mau hư hại các song sắt của trại giam. Nhưng điều buồn cười là trại giam lợp tranh, vách đất, thì nếu muốn trốn, việc gì người ta phải tính chuyện phá song sắt. Đối với trại giam ở Miền Bắc, việc trốn ra khỏi trại không khó, cái khó là làm sao thoát được về đến nhà hay đến chỗ an toàn mà không bị bắt lại.

Bệnh đau răng rất là phổ thông trong trại giam. Nhiều người bị sưng hàm, sưng mặt. Chính tôi cũng bị sưng mặt lên rồi. Đầu năm 1980, tôi vừa về đến nhà, vợ tôi là Nha sĩ, phải mổ ngay vì thấy cả mấy

chân răng đều làm mủ, và mủ đã bắt đầu lan ra về phía trên mũi rồi.

Mùa đông thiếu áo, mùa hè nóng và dơ bẩn, quanh năm đói, bệnh tật thì “khắc phục”. Đảng và Nhà nước Cộng sản chỉ biết nhốt chúng tôi và bắt chúng tôi làm khổ sai, chết thì chôn..

Trước kia, trong chế độ Cải Huấn của ta, mỗi khi có tù chết trong trại giam là Biện lý đến điều tra, quy trách cho Quản đốc Trung Tâm về vấn đề chữa bệnh cho tù nhân, hạch hỏi tại sao không đem đi bệnh viện kịp thời. Trung Tâm phải báo ngay cho thân nhân người chết theo thời hạn luật định, để thân nhân đến còn nhìn thấy được thi hài và có quyền khiếu nại nếu thấy có điểm nghi ngờ.

Còn trong chế độ cải tạo của cộng sản, chết là đem chôn ngay, chẳng thông

báo cho thân nhân gì cả. Hồi ở trại Long Thành, tôi thấy ông chồng bà bác sĩ Vũ thị Thoa bị chết trong trại, bà Thoa ở Sài Gòn chỉ cách Long Thành có mấy chục cây số, mà không có thông báo gì cả, đem chôn luôn. Một anh khác, là nhân viên Phủ Đặc ủy Tình Báo, sau khi anh chết trong trại bốn tháng rồi, mẹ anh vẫn còn gửi thư và quà đến trại cho anh vì tưởng con mình còn sống! Còn nói gì đến trại “cải tạo” Miền Bắc xa cách Miền Nam, ai hơi đâu mà thông báo. Chết thì chôn ngay. Không cần hòm.

5

Khổ sai

Mỗi bước vào nhà tù Cộng sản, ai cũng được nghe thuyết ngay rằng “Lao Động là Vinh Quang”. Câu này thực ra chẳng mới mẻ gì. Vả lại chúng ta chẳng ai khinh lao động, dù là lao động chân tay hay trí óc. Có thể có một số người ở thành phố, giàu sang, ngại lao động chân tay. Nhưng đó chỉ là số ít và tất cả chúng ta đều biết rằng, nếu chúng ta ngại làm việc chân tay thì đó là vì chúng ta lười biếng, hoặc vì thấy lối làm việc đó không đem lại kết quả bằng những phương cách làm việc khác, chứ chúng ta không hề có ý khinh bỉ lao động chân

tay. Quan niệm kẻ giàu sang không thèm động đến chân tay, cái gì cũng phải có kẻ hầu người hạ, là quan niệm đã quá xưa mà chúng ta không cần phải nhắc đến để bàn cãi gì nữa.

Nhưng cộng sản thì cứ làm như là mọi người không ai chịu lao động, nên cứ hô hào “lao động là vinh quang” để bắt người ta làm khổ sai cho chúng. Người ta không muốn làm lao động trong chế độ Cộng sản không phải vì khinh lao động, nhưng vì người ta thấy rõ là chỉ làm khổ sai, làm dưới sự chỉ huy của những tên cán bộ dốt nát, và làm ra được cái gì thì Đảng và Nhà nước lấy đi chứ không phải mình hưởng. Mà Nhà nước lấy đi để xử dụng vào việc gì thì chỉ có Đảng và Nhà nước biết, chứ “nhân dân làm chủ” thì chỉ có quyền tiếp tục lao động khổ sai chứ không có quyền biết về sản phẩm

của mình.

Ở ngoài xã hội đã thế, trong trại giam tất nhiên phải tệ hơn nữa. Mỗi ngày chúng tôi phải làm lao động ít nhất tám giờ. Ngày thứ bảy cũng phải làm nguyên ngày. Ngày chủ nhật được nghỉ. Nhưng cứ vài tuần lại có một ngày chủ nhật làm “lao động xã hội chủ nghĩa”. Ngoài xã hội, “lao động xã hội chủ nghĩa” có nghĩa là làm việc ngày chủ nhật không được ăn lương. Trong trại giam, tất nhiên là không ăn lương rồi. Trong khi chế độ tự do buộc chính quyền và chủ nhân phải trả tiền phụ trội cho công nhân, viên chức khi làm việc trong ngày nghỉ hoặc giờ nghỉ, thì chế độ cộng sản bắt làm không lương trong ngày nghỉ và gọi đó là “lao động xã hội chủ nghĩa”.

Giờ làm việc được quy định tùy theo mùa. Mùa làm thông tầm (làm luôn trưa),

có khi về trại nghỉ trưa, nhưng thời gian nghỉ trưa rất ngắn. Mùa hè thì nghỉ trưa lâu nhưng phải đi làm thật sớm trong buổi sáng và về rất trễ trong buổi chiều. Dù sao, tổng cộng cũng phải đủ 8 giờ.

Tù nhân được tổ chức thành đội và tổ. Mỗi đội gồm chừng 40, 50 người. Ban Tự Quản do trại chỉ định, gồm có đội trưởng, tất cả mọi việc trong đội cho cán bộ quản giáo. Cán bộ quản giáo đội là người của ban Giám thị đưa đến để theo dõi đội hàng ngày. Mỗi buổi đi làm, ngoài cán bộ quản giáo, còn có hai cảnh vệ vác súng đi theo canh chừng. Muốn đi tiểu tiện, đại tiện, phải xin phép cảnh vệ. Đi xong, trở về chỗ làm việc, phải báo cáo.

Ai làm việc kém, bị coi là lơ là thì bị cắt bớt khẩu phần lương thực. Theo quy chế, khẩu phần tính chung là 15 ký gạo mỗi tháng. Ai làm việc kém, bị ăn

13,5 ký một tháng. Ai làm giỏi được ăn 18 kí. Nhưng Nhà nước không cho thêm lương thực, cho nên nếu có một người ăn 18 ký thì phải có hai người ăn 13 ký rưỡi để bù lại chỗ thiếu. Ngược lại, nếu có nhiều người ăn 13 ký rưỡi, thì không bắt buộc phải có người ăn 18 kí. Cho nên người nào tỏ ra mình lao động giỏi, lấy điểm với cán bộ để được ăn 18 kí, là ăn trên khẩu phần của người khác.

Như đã nói trong mục ĐÔI, khẩu phần 15 ký thực ra không bao giờ có đủ, mà chỉ độ 10 đến 12 ký thôi; cho nên khẩu phần 13 ký lại càng thê thảm. Ngoài việc ăn 13 kí, còn có thể bị nhốt vào phòng kỷ luật với lý do “lãng công”, “chống đối lao động”. Nhốt vào phòng kỷ luật, thì nhốt biệt giam, phòng tối, bị cùm một chân hoặc hai chân, và chỉ ăn khẩu phần 10 kí, nghĩa là mỗi bữa ăn một nắm cơm, nếu

là bữa ăn cơm, hoặc 1 -2 khúc sắn nhỏ, nếu là bữa ăn sắn. Vào phòng kỷ luật, chỉ vài tuần là người xanh lợt, đi không nổi, rất dễ bị liệt. Cho nên mặc dầu biết lao động thực ra chỉ là khổ sai, chúng tôi vẫn phải đi làm hằng ngày để khỏi vào phòng kỷ luật, giữ lấy mạng sống hầu có ngày gặp lại vợ con, có ngày làm cái gì cho Tổ Quốc.

Hồi ở trại Quảng Ninh, chúng chưa áp dụng việc cắt giảm khẩu phần đối với những người yếu lao động. Vào đến Thanh Hóa, ở phân trại B, chúng muốn áp dụng, nhưng gặp lúc chúng tôi đấu tranh, nhất định, không bình bầu ai 18 kí, ai 13 ký gì cả, và tuyên bố hản với cán bộ rằng dù có phân biệt khẩu phần thì về đến đội, chúng tôi sẽ chia đều ra mà ăn. Chúng tạm hoãn việc áp dụng qui chế này. Nhưng đến đầu năm 1979, tại

phân trại C, chúng tự chỉ định người ăn 13 kí, 18 ký và cho biết nếu không ăn đúng như thế chúng sẽ nhốt vào phòng kỷ luật. Thực tế, chúng đã nhốt một số vào phòng kỷ luật nên chúng đã áp dụng được khẩu phần phân biệt. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn trao phần ăn cho nhau để luân phiên chịu phần ăn 13 kí.

Năm 1979, tôi và Hoàng Xuân Hảo ăn chế độ 13 ký trong ba tháng liền. Cũng may là lúc đó chúng tôi đều đã được vợ ra thăm nuôi, nên chẳng ngại gì việc khẩu phần sút giảm. Chúng tôi ngồi ăn khẩu phần 13 kí, vui vẻ đua nhau “binh xập xám”. Thế mà cũng có người báo cáo, và tên cán bộ quản giáo lại xỉ vả chúng tôi.

Công việc thì tùy từng đội. Có đội trồng rau, có đội đập đá, có đội làm gạch, có đội làm lò rèn, có đội đi xây nhà, sửa đường, có đội đi đào đá ong. Ngoài ra

còn có đội làm bếp.

Hồi ở Quảng Ninh, tôi ở đội 4, phụ trách phá núi để trồng chè. Đây là công việc nặng. Núi phần lớn là đá sỏi, khi cuốc phải dùng cuốc chim. Chúng tôi phải khai hoang trước, sau mới cuốc cho núi thành từng bậc tam cấp, trên mỗi bậc phải dùng cuốc chim đào mương rồi gánh đất thịt từ dưới chân núi lên đổ vào các mương cho đầy, xong mới trồng chè trên các mương đó. Phải chi đất đều đã tận dụng cả rồi mới khai thác đến núi đá bằng cách đó thì còn có lý. Đằng này đất ở dưới còn chưa khai thác hết, và khai thác rất cầu thả, thế mà lên núi đá trồng chè theo kiểu phí sức như thế, thực chẳng hợp lý về kinh tế chút nào cả. Nhưng ”nước sông công tù”, chúng cứ bắt chúng tôi làm như thế. Năm đầu chúng tôi trồng xong, năm sau đi làm việc khác,

nhìn lại đôi chè thấy toàn cỏ dại vì chẳng có phân công cho đội nào chăm sóc cả.

Việc trồng rau, mới nghe tưởng nhẹ, nhưng cũng không nhẹ đâu. Không có hệ thống tưới, chúng tôi phải gánh nước để tưới. Mỗi ngày, gánh hàng trăm đôi nước, đường đi phải lên dốc xuống gò trong khi bụng đói thân gầy, chẳng phải là chuyện dễ. Lại còn cái nạn tưới phân Bắc (phân người). Phân không kịp ủ đã bắt lấy ra dùng. Dòi bọ và lải tùm lum trong đó. Lúc ở Quảng Ninh phải lấy phân cả những cầu tiêu khu nữ tù nhân thì có cả những “băng” vệ sinh trong ấy, gánh phân có khi đỏ lôm! Mà chúng tôi chẳng ai có gắng tay, giày bột gì cả. Cứ cởi trần ra, tay trần chân không, độc có cái quần đùi, nhảy xuống đồng phân, vọc vào thùng phân, pha nước mà tưới. Làm xong thì tắm xà-phòng cũng là xà-

phòng của nhà gửi ra chứ xà-phòng trại phát một năm chỉ dùng một tháng. Mùa nóng thì làm công việc này xong, tắm rửa không có gì trở ngại. Mùa rét mà làm công việc này, không tắm không được, mà tắm xong thì người xanh xám vì lạnh cóng.

Mỗi năm cứ theo mùa mà trồng rau. Mùa hè rau muống, mùa thu cải thìa, mùa đông cải bắp và su hào. Ngoài ra có trồng thêm bí ngô. Trại Quảng Ninh hay Thanh Hóa thì thấy quanh đi quẩn lại cũng chỉ trồng có thế thôi.

Ở Quảng Ninh, đầu năm 1978, thu hoạch được cải bắp và su hào rất khá, nhưng chúng tôi chẳng được ăn bao nhiêu. Cải bắp thì chúng tưới lá xanh bên ngoài (thứ lá thường vứt đi hoặc nấu cho heo ăn) cho chúng tôi ăn. Còn bắp cải thật sự thì cán bộ ăn hoặc chở đi bán. Su

hào thì thỉnh thoảng mới được ăn quả su hào nấu với muối, còn thường thì chỉ ăn canh lá su hào mà thôi.

Hồi ở trại số 5 Thanh Hóa, chúng tôi thấy những câu khẩu hiệu nhan nhản ở ngoài đồng, trong đó có câu:

Hạt lúa là hạt lúa vàng,

Phơi khô quạt sạch, sẵn sàng nhập kho.

Câu này diễn tả có phần đúng. Phơi khô, quạt sạch lúa rồi để nhập kho Nhà nước, chứ không phải để mình ăn. Nhà nước quản lý mà. Hồi đó anh em tụi tôi vẫn thường cười câu nói của cộng sản “Nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý, Đảng lãnh đạo”. Công việc của người làm chủ, thực ra chỉ là việc lãnh đạo và quản lý, thế mà hai việc này Đảng và Nhà nước nắm cả rồi, thì Nhân dân còn công việc gì

để làm chủ nữa? Nhân dân chỉ còn công việc lao động, sản phẩm của lao động thì được nhập kho Nhà nước, thế là xong.

Chúng tôi là thân phận thằng tù, đâu dám bì với nhân dân. Thế mà nhân dân còn vậy, hưởng gì chúng tôi. Chúng tôi có kêu ca cũng chẳng được, đành cứ làm lao động sản xuất, và được bao nhiêu gạch, bao nhiêu lúa (tại trại số 5 Thanh Hóa, có trồng lúa nhiều nhưng do các đội tù hình sự làm), bao nhiêu rau, bao nhiêu đá dăm, bao nhiêu đá ong v.v.. thì những sản phẩm này được chở đi đâu, được xử dụng như thế nào, chúng tôi không có quyền hỏi đến. Trước kia, trong chế độ Cải Huấn của ta, có các Trung Tâm dạy nghề, và sản phẩm làm ra, sau khi trừ vốn và bỏ một phần nhỏ vào quỹ điều hành, được kể là của phạm nhân có công sản xuất. Tiền bán được sẽ ghi vào

sổ cho phạm nhân đó để họ tiêu dùng. Còn chi phí ăn uống của phạm nhân thì hoàn toàn do ngân sách quốc gia đài thọ. Chính quyền Cộng sản miêng chửi người khác bóc lột, nhưng chúng bắt tù làm khổ sai và tiền bán sản phẩm được nhập quỹ Nhà nước. Tất cả tù đều phải làm khổ sai. Cho nên cộng sản có thể giam giữ rất nhiều tù mà không sợ tốn. Có lẽ Nhà nước còn có lợi khi giam giữ tù chứ chẳng phải chi tiêu gì.

Cộng sản chửi địa chủ, nhưng chúng tôi thấy không có người địa chủ nào có thể bắt tá điền làm việc cực nhọc như chúng tôi (cuốc núi đá, đào đá ong, hốt phân người...) mà lại cho ăn bằng thức ăn dành cho súc vật, và ăn quá đói.

Qua mấy trại giam, chúng tôi thấy thời gian ở phân trại C, trại số 5 Thanh Hóa là cực khổ nhất về phương diện lao

động. Sau cuộc đấu tranh cuối năm '78 và đầu năm '79, chúng đàn áp tàn bạo, và bắt chúng tôi làm khổ sai thật nặng. Mùa hè năm '79, đội chúng tôi phụ trách trồng sen trong một khu hồ rất rộng. Muốn trồng sen, trước hết phải dọn hồ. Hồ toan là gai góc, cỏ rậm, ở gần khu gia đình cán bộ, phân người tùm lum dưới hồ. Và đĩa, chao ôi là đĩa. Nhất là lúc hết xuân sang hè, sao mà đĩa ra lắm thế. Hồ này rộng phải đến có mấy chục mẫu. Đội chúng tôi chỉ có 30 người, cũng có lúc được các đội khác tăng cường, phái xuống hồ, húp lặn mà gỡ cho hết gai góc, dọn cho sạch cỏ và cây dại, rồi mới đi nhổ sen giống về trồng. Buổi nào làm lao động xong, người chúng tôi cũng đầy máu vì đĩa. Anh Nguyễn Thành Danh (trước là Thiếu tá, con trai ông Nguyễn Văn Vàng cựu Bộ trưởng tại Phủ Thủ Tướng), có lần bị hai con đĩa chui vào

dương vật, may mà chúng nó vào một lát rồi theo đường nước tiểu chui trở ra, vì không chịu được nhiệt độ nóng trong cơ thể con người. Nhưng chúng nó đã cắn hút máu bên trong rồi và anh Danh thuộc loại máu khó đông đặc nên không cầm máu được. Cứ thế máu chảy qua đến ngày hôm sau, quần đỏ lôm, chúng tôi đùa là “lâu lắm mới thấy một người có kinh nguyệt”. Sau, phải kiếm Vitamine K trong anh em cho anh ấy mới cầm được máu. Tiến sĩ Hoàng Xuân Hảo thì người thấp mà không biết bơi, gặp có chỗ hồ sâu lút đầu, mấy lần suýt chết đuối.

Chúng tôi vừa ngâm mình dưới hồ, vừa nhắc cho nhau lịch sử Việt Nam. Việt sử chép rằng khi quân Tàu sang đô hộ, chúng rất tàn bạo, bắt dân ta lên núi tìm sừng tê giác, xuống biển mò ngọc trai.. Xuống biển mò trai thì nước biển còn

sạch mà không có đĩa. Còn nay cộng sản bắt dân ta xuống hồ trồng sen cho cán bộ chúng ngồi chơi hồ sen với nhau, mà hồ nước thì dơ bẩn đầy những cứt đá, gai góc và đầy đĩa. Và người làm dưới hồ thì toàn là thành phần trí thức của dân tộc Việt Nam.

Hòa giải hòa hợp dân tộc của Cộng sản là thế đấy.

6

Khai báo, kiểm điểm

Trong nhà tù Cộng sản, chúng tôi có đề ra 4 tiêu chuẩn mà chúng tôi gọi là bốn tiêu chuẩn cải tạo:

1. Khai Báo
2. Lao động, nội quy
3. Thi hành nội quy
4. Tổ giác lẫn nhau

Điều mà cộng sản muốn chúng tôi làm trong trại giam là: (1) khai báo tất cả các hoạt động công khai hay bí mật của chính quyền Việt Nam Cộng Hòa trước

kia và nhất là các hoạt động của Mỹ. Về 3 tiêu chuẩn còn lại, thì (2) chúng muốn chúng tôi làm khổ sai cho chúng, thỉnh thoảng có sách báo Mác-xít thì đọc và nói như những con vẹt; (3) giữ trật tự trong trại; và (4) dòm ngó nhau trong anh em để báo cáo tất cả những lời nói hành động của anh em cho tên cán bộ quản giáo biết..

Chúng bắt chúng tôi khai báo rất nhiều lần. Riêng thời gian đầu ở Long Thành đã phải khai báo hàng chục lần rồi. Khi ra Bắc, chúng lại bắt chúng tôi làm lại các bản tự khai. Trước mỗi lần khai báo, chúng soát xét đồ đạc của chúng tôi để tịch thu tất cả những bản thảo của những kỳ khai báo trước còn giữ lại. Mục đích là để chúng tôi mỗi lần khai đều phải dùng trí nhớ mà viết ra, và nếu khai dối thì các bản khai sẽ không

phù hợp nhau được.

Trước khi khai báo, luôn luôn chúng hướng dẫn buộc chúng tôi phải nhận tội. Trong trại tù cộng sản, tù nhân bị bắt buộc phải nhận tội, và nhận tội nhiều lần. Không nhận tội thì chúng ghép vào tội ngoan cố, trừng trị nặng hơn bằng các phương cách khác. Nhận tội thì chúng sẽ nói rằng chính các anh đã nhận tội, và như thế chúng tiếp tục giam giữ.

Thực ra, về sau này, chúng có vẻ không thiết tha lắm trong việc buộc chúng tôi nhận tội, vì dù nhận hay không thì chúng cũng cứ giam giữ dài dài, chúng chẳng cần có căn bản gì để kéo dài sự giam giữ. Nói về pháp lý, thì việc giam giữ chúng tôi, ngay từ đầu đã không có căn bản rồi. Nhưng chúng còn chống chế bằng việc ban hành chính sách cải tạo 3 năm cho đám chúng tôi. Tuy nhiên, đến khi qua

hạn 3 năm, chúng cứ lì ra, khi thì đổ cho tại Trung quốc gây chiến (mà chúng tôi có trách nhiệm trong việc đó đâu, và có theo Trung Cộng bao giờ đâu), khi thì nói rằng chính quyền vô sản chuyên chính không cần gì căn bản pháp lý đối với kẻ thù giai cấp! Và nếu ai hỏi tới thì chúng cho vào nhà kỷ luật mà cùm chân lại, thế là xong.

Mục đích chính của những cuộc khai báo là chúng muốn moi tin tức. Nhóm chúng tôi từ Long Thành ra Quảng Ninh rồi vào Thanh Hóa gồm đủ thành phần: công chức cao cấp, sĩ quan quân đội, cảnh sát (phần lớn là cấp Tá), tình báo, đảng phái, dân biểu, nghị sĩ v.v... Trong các thành phần này, chúng chú trọng nhất là các nhân viên Phủ Đặc ủy Tình báo, và sĩ quan Cảnh sát quốc gia, nhất là ngành Cảnh sát đặc biệt. Mãi đến đầu

năm 1980, tôi vẫn thấy hai thành phần này còn bị gọi lên gọi xuống để hỏi mãi về những hoạt động tình báo trước kia. Việc thẩm vấn này do nhân viên của Bộ Nội-vụ đến phụ trách chứ không phải nhân viên trại giam. .

Đợt khai báo mà chúng tổ chức kỹ càng nhất, là đợt khai báo đầu năm 1978 ở trại Quảng Ninh. Chúng lợi dụng việc chúng tôi sắp hết hạn ba năm cải tạo để phỉnh gạt chúng tôi khai báo trong đợt đó.

Cán bộ Bộ Nội vụ về trại giam thuyết rằng đến đúng 3 năm là chúng tôi về cả, chỉ trừ một số rất ít mà thôi. Tuy nhiên hãy còn tùy thuộc đợt khai báo này. Ai khai báo lập công, cung cấp được những tin tức quý giá có lợi cho Cộng sản sẽ được về trước, ai dấu diếm sẽ bị “lưu ban” (lưu ban nghĩa là ở lại, không được về

). Chúng chia chúng tôi ra từng tổ khai báo, mỗi tổ chừng mười người, có một tên cán bộ theo dõi hàng ngày. Đợt khai báo này kéo dài đến ba tháng. Mỗi người chúng tôi phải viết một tập, có người viết đến hơn 500 trang, viết ngắn cũng phải 100 trang.

Trước khi viết, phải thảo luận trong từng tổ về cách viết, và các đề tài liên quan đến việc viết tự khai. Tôi còn nhớ trong một cuộc thảo luận tổ, anh Nguyễn Ngọc Xuân có đặt vấn đề quy chế của chúng tôi trong trại giam là quy chế gì, có phải là tù binh không, và hiệp định Paris có còn giá trị không. Anh cũng nêu lên rằng chính phủ (Cộng sản) vẫn còn đòi Mỹ thi hành điều 21 của hiệp định Paris, thế thì chắc hiệp định Paris vẫn còn giá trị chứ. Mấy tên cán bộ hướng dẫn thảo luận chú ý ngay anh Xuân, và

sau đợt khai báo, chúng cho anh Xuân vào nhà kỷ luật cùng với 5 vị Linh mục, rồi sau đó, di chuyển những người này đi trại khác. Trong số 5 vị Linh mục, có Linh mục Phạm Hữu Nam, Dòng Chúa Cứu Thế, có lần được chúng gọi lên phát biểu ý kiến trong buổi thảo luận chung, Linh mục đã tỏ ý coi thường chúng bằng câu nói “đối với tôi, tu sĩ Nhà Dòng, thì trại giam hay Dòng tu cũng thế thôi”.

Đến tháng 5 năm 1978, chúng kết thúc các đợt khai báo này, và tỏ ý thất vọng; nhiều tên cán bộ nói “các anh chỉ làm tốn giấy mực, tốn thì giờ, viết lung tung mà chẳng có gì cả”.

Không biết thực ra kết quả ra sao, nhưng điều rõ ràng là đến tháng 6-1978, đúng hạn 3 năm của chúng tôi, chẳng có

người nào được thả về. Sau đó, chúng vẫn tiếp tục các cuộc thẩm vấn đối với thành phần Tình báo và Cảnh sát.

Thực ra chúng tôi đã ở tù lâu năm, dù có biết chuyện gì thì cũng mất thời gian tính cả rồi. Những điều chúng muốn hỏi nhất đó là việc cài người vào trong hàng ngũ của chúng. Trong đợt khai báo, chúng khuyến khích chúng tôi tố giác những người trong hàng ngũ của chúng mà có hoạt động cho Việt Nam Cộng Hòa hoặc cho Mỹ, coi đó là ưu tiên 1. Chúng liệt kê từ Phó Chủ tịch Nhà nước trở xuống, cứ việc tố cáo. Khi nghe vậy chúng tôi nghĩ ngay đến Nguyễn Hữu Thọ, và chắc rằng cái ông “Mặt Trận Giải Phóng” này mặc dầu được chúng dựng lên, nhưng lúc nào chúng cũng nghi ngờ. Khi những tên Công an cấp thấp mà cũng dám đề cập đến việc tố giác Phó Chủ tịch Nhà

nước, thì chắc rằng quyền hành thực sự của ông này chẳng có gì.

Chúng bắt chúng tôi tố giác cả bà con ruột thịt của mình. Nhưng phần lớn chúng tôi đều viết dài dòng về những điều mà ai cũng biết, chẳng có hại cho ai. Đám hành chánh chúng tôi viết thật dài về công việc thường ngày của người công chức hành chánh, về kế toán lương bổng, kế toán vật liệu, quản trị nhân viên, v.v.. là những vấn đề mà giấy tờ hồ sơ hãy còn đầy tại các công sở sau ngày sụp đổ. Chúng chỉ chú trọng hạch hỏi về tình báo, còn đám công chức, sĩ quan quân đội thì thường chúng chỉ hỏi lấy lệ, nhưng cũng có hỏi, để tỏ ra chúng khỏi phải chỉ nhằm vào tin tức tình báo, mà nhằm vào việc “cải tạo con người”. Nhưng chúng tôi cũng chẳng quá ngu mà không nhận xét được.

Trong những đợt khai báo, chúng tôi có cảm tưởng rằng chúng không được vững về hàng ngũ của chúng. Có lẽ chúng nghi ngờ nhất là những thành phần Saigon chống đối chính quyền Việt Nam Cộng Hoà và nay hợp tác với chúng. Anh em thuộc Phủ Đặc ủy Tình Báo bị hỏi nhiều nhất là về những thành phần này. Trong con mắt của chúng, người nào cũng có thể là CIA. Vả lại, chúng cho rằng chế độ Việt Nam Cộng Hoà là một chế độ kìm kẹp, làm sao những người như bà Ngô Bá Thành, Huỳnh Tấn Mẫm.. lại có thể hoạt động chống đối công khai như thế nếu không có cái gì bên trong. Chúng vẫn lợi dụng những người này, vẫn cho họ vào đoàn thể của chúng, có thể ngay từ trước 1975, nhưng nghi ngờ thì chúng vẫn nghi ngờ. Một đặc điểm của chế độ độc tài là tính đa nghi.

Trong đợt khai báo, cũng có người khai báo rất hăng. Không tù nhân nào được biết nội dung khai báo của người khác, nhưng nhìn sự lo lắng chăm chỉ, nhìn cách thảo luận, cách hỏi han, cách xum xoe với cán bộ, ta có thể biết những kẻ cố gắng muốn nhờ đợt khai báo này mà được về. Kết quả là dù khai thế nào thì cũng chẳng có ai về cả.

Ngoài việc khai báo, mỗi 3 tháng, 6 tháng, 1 năm đều có làm kiểm điểm tam cá nguyệt, lục cá nguyệt, và kiểm điểm hằng năm. Mục đầu tiên kiểm điểm bao giờ cũng là về tư tưởng, kế đó là lao động, học tập, thi hành nội quy, đấu tranh tố giác lẫn nhau. Càng những năm về sau, chúng tôi càng coi thường những phiên họp kiểm điểm, và những bản kiểm điểm này. Mặc cho bọn cán bộ nói ba hoa, chúng tôi cứ lẳng lặng viết văn

tắt trong bản kiểm điểm. Về tư tưởng, lúc nào chúng cũng muốn chúng tôi viết về “tin tưởng, yên tâm cải tạo”. Giam giữ người ta, ban đầu nói là học tập 1 tháng, sau thành cải tạo 3 năm, sau thành ở tù không biết bao giờ về, mà cứ bắt người ta yên tâm, tin tưởng!

Quả thật bọn cộng sản chẳng phải là con người nữa. Cho nên chúng tôi cũng có cách viết của chúng tôi. Thấy tình hình bế tắc của cộng sản, chúng tôi viết “Rất yên tâm, tin tưởng vào tương lai dân tộc”.

Thấy rõ tình hình kinh tế suy sụp, lạc hậu của Miền Bắc, chúng tôi viết “Nay chúng tôi đã được hiểu rõ thế nào là xã hội chủ nghĩa. Phải, cái thứ “xã hội chủ nghĩa” mà người Sài Gòn bảo là xếp hàng cả ngày, xiết họng công nhân, xạo hết chỗ nói”.

Chúng tôi cứ viết vắn tắt với những ý nghĩ thầm kín trong lòng, mà bọn cán bộ thì thấy có đủ các chữ “yên tâm, tin tưởng”. “xã hội chủ nghĩa”... thế là được rồi.

Thỉnh thoảng chúng có cho chúng tôi đọc báo Nhân Dân, Quân Đội Nhân Dân, nghe Đài Phát Thanh Hà-nội. Hồi mới ra Quảng Ninh, cuối năm '76, đầu năm '77 thì chúng cho đọc báo rất đều, hầu như ngày nào cũng có. Đến khi nổ ra vụ biên giới Campuchia thì chúng ngừng báo vài tháng. Rồi lâu quá không dấu được, chúng cho cán bộ tiết lộ từ từ, sau mới cho đọc báo lại nhưng rất hạn chế, chúng chọn kỹ từng tờ báo, thường một tuần chỉ được đọc một hai tờ thôi. Kể đó đến tháng 5-1978, chúng lại ngừng báo nữa.

Chúng tôi đã có kinh nghiệm, cứ

mỗi lần chúng ngưng không cho đọc báo là có việc quan trọng bất lợi cho chúng đây. Quả vậy, anh em tù hình sự (người địa phương Miền Bắc) tuy bị ngăn cách nhưng cũng có tìm cách thông báo cho chúng tôi một cách vắn tắt, mỗi khi đi lao động bên ngoài, gặp nhau giữa đường:

“Trung quốc sắp đánh rồi”

“Chiến tranh đến nơi rồi”.

“Người Hoa quanh vùng này (hồi đó chúng tôi ở trại Quảng Ninh) bỏ về Tàu cả rồi....”

Chúng tôi từng nhóm nhỏ tin cẩn nhau, thì thầm bàn tán, cố nhận định tình hình, ước đoán các biến chuyển qua những tin tức vắn tắt hạn chế như thế.

Đến tháng 7-1978 (sau khi nổ ra vụ xích mích với Trung Cộng hai tháng)

chúng mới tập hợp chúng tôi lại mà phổ biến các sự việc, dĩ nhiên là trình bày theo quan điểm của chúng. Sau đó, trong khi nói chuyện riêng với một vài anh em chúng tôi, một cán bộ Bộ Nội-vụ có tiết lộ rằng, trước khi nổ ra vụ xích mích công khai này, Lê Duẩn đã sang Trung quốc ba lần (chúng chỉ công bố có một lần) để cố gắng dàn xếp nhưng thất bại. Bắt đầu từ đấy không bao giờ được nói “Trung quốc vĩ đại”, “Trung quốc Việt Nam môi hở răng lạnh, núi liền núi sông liền sông”, “nhân dân Việt Nam đời đời nhớ ơn Trung quốc”..., mà đã xuất hiện những vở kịch chửi bới Mạo Trạch Đông, và khi chửi thì chửi từ cuộc Vạn lý trường chinh chửi đi, chửi từ lý thuyết Mao đến thực tế Trung quốc, chửi cả sự viện trợ của Trung quốc “để cho Việt Nam chống Mỹ đến người Việt Nam cuối cùng”...

Chúng tôi cười với nhau. Không biết tòa soạn báo Nhân Dân khi chửi như thế có giờ ra xem lại những số báo cũ trong những năm trước đã ca tụng Mao, ca tụng Trung quốc như thế nào không. Ôi, “ba dòng thác cách mạng” của chúng! Ôi, thế giới ở “thời kỳ sau Việt Nam”! Sau ba dòng thác cách mạng lại có dòng thác một tỉ người chảy đầm hòng như thế này. Sao “thời kỳ sau Việt Nam”, tưởng đế quốc ”tan rã từng mảng lớn”, mà hóa ra khối xã hội chủ nghĩa lại có một tỉ người nhảy sang làm “Nato phương đông” thế này!

Ở trong tù Cộng sản, đói khát, khổ sai, và không biết bao giờ về, nhưng chúng tôi còn sống được là nhờ ở những tin tức, những lời bàn như thế đấy. Mà những tin tức, lời bàn đó đều rút ra từ báo Nhân Dân chứ không phải chúng tôi

phịa ra.

7

Vụ đấu tranh tại Trại Số 5 Thanh Hóa

Đầu tháng 8-1978, chúng cho chúng tôi vào Thanh Hóa. Trại Quảng Ninh cách Mông Cáy (biên giới với Trung quốc) không xa mấy, cách bờ biển vịnh Hạ Long cũng gần, nếu Trung Cộng tấn công thì chắc không giữ được, nên chúng đưa chúng tôi đi.

Khởi hành từ trại Quảng Ninh lúc 1 giờ sáng, chúng tôi đến Phân trại B trại số 5 Thanh Hóa vào khoảng 9 giờ tối.

Ngủ một đêm, sáng hôm sau gặp mấy người tù hình sự trong đội làm bếp đem cơm đến cho chúng tôi, chúng tôi tìm cách hỏi nhỏ về địa điểm trại. Họ cho biết là trại thuộc huyện Thiệu Yên. Thiệu Yên là huyện mới, ghép hai huyện cũ là Thiệu Hoa và Yên Định. Trại nằm trên phần đất Yên Định cũ. Chúng tôi hỏi thêm “trại Lý Bá Sơ ngày trước ở Thanh Hóa này ở đâu?” Thì được trả lời “Đúng nó đây rồi”.

Sau này, chính tên Thiếu tá Trại trưởng có lần nói chuyện với chúng tôi cũng xác nhận đây chính là trại Lý Bá Sơ ngày trước, nay phát triển thành nhiều trại ở Thanh Hoá. Kinh tế Miền Bắc thì không phát triển nổi, nhưng nhà tù thì phát triển lắm.

Thời gian ở Phân trại B hội đủ các yếu tố đưa đến một cuộc đấu tranh của chúng tôi:

- (1) Sau ba năm không có ai về;
- (2) Khẩu phần ăn chỉ bằng 2/3 so với trại Quảng Ninh, có bữa chỉ bằng phân nửa;
- (3) Trại không có phòng giam ngăn cách, chúng tôi có thể liên lạc với nhau dễ dàng;
- (4) Cán bộ đối xử rất kém;
- (5) Tình hình bên ngoài đang lúc rối loạn lo sợ Trung Quốc đánh sang, cán bộ cũng hoang mang mất tinh thần.

Tuy vậy, trong một trại giam cộng sản, việc đấu tranh vẫn là việc quá khó,

vì chúng sẵn sàng đàn áp tàn bạo mà không sợ dư luận vì bên ngoài chẳng ai biết.

Chúng tôi đến Phân trại B đầu tháng 8 thì đầu tháng 9 chúng tôi được nghe máy phóng thanh cho truyền thanh bài diễn văn của Phạm văn Đồng đọc trong lễ Quốc Khánh 2-9-78. Trong bài diễn văn, có đoạn nói đến chúng tôi. Để trả lời dư luận lúc đó đang sôi nổi vì thấy quá hạn 3 năm rồi mà không có ai về, Phạm văn Đồng nói rằng “tuyệt đại bộ phận ngụy quân ngụy quyền đều đã được sum họp với gia đình và phục hồi quyền công dân, chỉ còn một số rất ít có tội ác với nhân dân còn phải tiếp tục cải tạo mà thôi”. Chính bài diễn văn này có tác dụng thúc đẩy chúng tôi tranh đấu vì sự đối trá trắng trợn của nó.

Sau bài diễn văn, trong Phân trại B

chúng tôi, không biết ai đã nghĩ ra câu chuyện hài hước và được truyền miệng thì thâm trong từng nhóm nhỏ.

Câu chuyện hài hước như sau:

Trong một cuộc thi nói dóc quốc tế, có ba nước được vào chung kết. Trong vòng chung kết này, mỗi đại diện phải kể một câu chuyện.

Đại diện nước thứ nhất kể :

– Ở nước tôi có một cây cầu bắc qua con sông. Cây cầu dài lắm, dài quá đến nỗi có một thanh niên ở bên kia cầu được điện tín báo tin cha chết ở bên này cầu, thì vội vã lái xe cấp tốc qua cầu để lo tang ma, nhưng khi qua khỏi cầu thì chỉ kịp dự lễ mãn tang.

Đại diện nước thứ nhì kể :

– Ở nước tôi có một cây cổ thụ rất cao. Một hôm, vào mùa hè, có một người trèo lên ngọn cây rồi bị khát nước, lấy nước ra uống và làm rơi mấy giọt nước. Cây cao quá nên khi giọt nước rơi đến đất thì biến thành tuyết, vì lúc ấy đã là mùa đông.

Đại diện nước thứ ba :

– Tôi từ Hà Nội đến. Ở nước tôi, chính phủ rất mực khoan hồng nhân đạo. Tuyệt đại bộ phận các viên chức sĩ quan chế độ cũ đều đã được sum họp với gia đình, chỉ trừ một số rất ít còn phải tiếp tục cải tạo mà thôi...

Ông Chủ tịch Hội đồng Giám khảo nghe đến đây thì vội ngắt lời:

– Thôi đủ rồi. Ông là người đoạt

giải.”

Độ một tuần lễ sau ngày 2-9-78, tên cán bộ chính trị của Phân trại B, thiếu úy Đường, có tổ chức một buổi học tập để nghe lại bài diễn văn đó. Khi tên Đường đọc đến đoạn về những người học tập cải tạo nói trên, thì anh em chúng tôi ngồi dưới đất đều cười ồ lên và làm ồn khiến tên Đường không đọc được nữa và giận dữ tuyên bố giải tán ngay buổi học tập.

Sau đó ít lâu là trận lụt lớn mà chúng kêu la âm ỉ năm 1978. Các vùng đất chung quanh trại đều bị ngập lụt. Trại huy động toàn thể chúng tôi ra nhổ sắn vì sợ sắn bị ngâm nước lụt lâu ngày sẽ hư thối cả. Chúng tôi phải dầm mình dưới nước mà nhổ sắn và di chuyển sắn về trại. Từ ngày đến Phân trại B, chưa có ai được tiếp tế thăm nuôi gì cả mà ăn uống thì quá kém, nên ai cũng trông mong

nhân đợt nhổ sắn này mà trại cho ăn no được vài bữa, vì sắn nhổ về nhiều mà để lâu thì hư. Chúng tôi chịu đựng mưa gió, dầm mình dưới nước lụt với cái hy vọng nhỏ nhoi là được ăn vài bữa sắn no nê. Nhưng bữa ăn đầu tiên thật phũ phàng.

Mặc dầu dưới nhà bếp chất đầy sắn, chất cả ra tới ngoài sân, bữa sắn đầu tiên chúng tôi nhìn thấy mà náo nê. Trưa hôm ấy, thực đơn là sắn với muối. Sắn luộc nguyên vỏ, đem lên, chúng tôi chia nhau thấy mỗi phần ăn được chừng ba khúc, mỗi khúc dài chưa đến một tấc tay, ăn với một muống muối hột.

Ba đội ở dãy nhà đầu tiên chúng tôi quyết định bỏ ăn. Chúng tôi bàn nhau định thông báo cho các đội khác nhưng sợ bị để ý, vả lại chưa ước tính được phản ứng của các đội khác sẽ như thế nào, nên hãy cứ bắt đầu ở một dãy nhà đã (hồi đó

khu chúng tôi ở có 4 dãy nhà, mỗi dãy nhà ở hơn 100 người, tổng cộng chúng tôi khoảng 500, đó là khu A dành cho chính trị phạm). Chúng tôi để nguyên tất cả các phần sắn và muối ngoài sân và bỏ vào nhà. Chừng 15 phút sau thì có cán bộ đến. Cán bộ phụ trách lương thực cho biết rằng đây là khẩu phần đúng theo tiêu chuẩn nhà nước quy định, tức là 1 gạo thì quy ra 3 sắn, mà mỗi người ăn chế độ 15 kí/tháng, tức là 500g/ngày, trừ đi 5% hao hụt tại kho, trừ bữa ăn sáng, còn lại mỗi bữa ăn chính là 200g, tính ra sắn là $200g \times 3 = 600g$ như thế là đủ tiêu chuẩn rồi, nếu không thì sẽ đem cân đến cân lại.

Chúng tôi trả lời, theo thông báo chúng tôi được đọc hồi ở Quảng Ninh thì gạo quy ra sắn phải là 1 gạo 4 sắn chứ không phải là 3. Vả lại 200g gạo thì nấu ra

cơm ăn cả được, trong khi sắn không lột vỏ, chúng tôi phải bỏ vỏ đi thì chẳng còn bao nhiêu để ăn. Nhìn ngay trước mắt, khẩu phần mấy miếng sắn và một chút muối như thế, làm sao một người lớn có thể ăn mà sống và lao động nổi. Trên thế giới, có xứ nào mà bữa ăn chính lại tồi tệ đến thế này. Thảo luận một hồi, rồi tên cán bộ về Bộ Chỉ Huy báo cáo với tên thủ trưởng Phân trại B, lúc đó là Thượng úy Quế, mà trong trại thường gọi là Ban Quế (Ban có nghĩa là ban Giám Thị). Ban Quế giải quyết bằng cách cho đem tất cả số sắn về nhà bếp, ra lệnh thay thế đội trưởng nhà bếp ngay lập tức vì lý do không lột vỏ sắn, và nấu ngay mạch (mà chúng tôi hay gọi là bo-bo) để thay thế bữa trưa. Bốn giờ chiều hôm đó, chúng tôi ăn mạch, rồi đến sáu giờ chiều, chúng tôi ăn sắn bữa tối, sắn được lột vỏ trước khi luộc. Tuy vậy số lượng sắn không gia

tăng gì đáng kể.

Chúng tôi thấy cách giải quyết như thế tương đối được, tuy chúng tôi vẫn còn quá đói. Trong tinh thần muốn đối thoại thẳng thắn, chúng tôi đề nghị một số biện pháp để chấn chỉnh nhà bếp, làm sao bảo đảm được khẩu phần lương thực dù không đủ 15 kí/tháng thì ít ra cũng bằng như ở Quảng Ninh. Nhưng Cộng sản chẳng bao giờ thành thật. Cho nên mới có những màn đấu tranh kế tiếp.

Các đề nghị của chúng tôi là:

- cho đại diện của các đội xuống nhà bếp kiểm soát việc cân lường, nấu nướng và phân phối,
- cần chất bổ nhưng phần sắn quá cứng và xơ không ăn được, cho chúng tôi rút tiền lưu ký để mua sắn ăn thêm,

– công bố việc chi tiêu của nhà bếp trong việc tính tiền thực phẩm,

– cho phát đường hoặc ăn chè hàng tháng như ở Quảng Ninh,

– cho thi hành đúng nội quy về thư từ, gửi quà, thăm nuôi...

Các đề nghị của chúng tôi, thật ra chẳng có gì khó giải quyết. Trong chế độ Cải Huấn của ta ngày trước, mỗi ngày đều có đại diện của phạm nhân đi chợ, khẩu phần ăn thì bao giờ cũng dư dả, mỗi tuần được thăm nuôi hai lần gặp mặt gia đình. Vậy mà nay chúng tôi chỉ xin áp dụng đúng nội quy đã công bố, nghĩa là một tháng gửi thư một lần, ba tháng mới thăm nuôi tiếp tế một lần, chứ có phải đòi hỏi gì quá đáng đâu! Về việc ăn uống thì chúng tôi chỉ xin kiểm soát để thực hiện đúng tiêu chuẩn của nhà nước cấp

phát mà thôi, trong khi chúng tôi ai cũng đã da bọc xương cả rồi mà thấy khẩu phần ăn thì ở dưới mức 15 kí/tháng quá xa.

Chỉ yêu cầu có vậy thôi, mà ban Giám Thị đã tìm cách đối phó.

Họ chấp nhận một vài điểm, nhưng chỉ thực hiện một thời gian ngắn rồi thay đổi ngay, hoặc không thực hiện.

Họ cho đại diện các đội đi kiểm soát một vài ngày rồi bãi bỏ.

Họ chấp nhận một tỷ lệ sản (tôi không nhớ rõ con số) để bù vào chỗ sản bị xơ và quá cứng không ăn được, nhưng sau khi bỏ việc kiểm soát thì không ai biết họ đã cân lường như thế nào.

Việc công bố tài chánh của nhà bếp thì họ bác bỏ.

Việc phát đường có được thực hiện nhưng không đủ tiêu chuẩn 200g/ tháng.

Việc rút tiền lưu ký để mua sắm, họ chấp thuận trên nguyên tắc, nhưng chờ mãi không thấy thực hiện.

Việc thư từ và gửi quà thì họ có cho thực hiện nhưng khi quà đến nơi, họ soát xét qua một cách rất đều cán, rõ ràng có dụng ý muốn phá cho hư hỏng quà của chúng tôi, ví dụ họ rạch nát tất cả các bao đựng bột, đựng thức ăn; lấy cây khuấy vào tất cả các gói thức ăn; đồ hộp họ cũng bắt khai ra rồi dùng cây khuấy vào, kiểm có tịch thu món này món nọ.

Ngoài ra họ tìm đủ mọi dịp để hăm dọa. Ai đứng gần hàng rào là trạm gác nổ súng ngay, mặc dầu chúng tôi vẫn ở trong khuôn viên trại. Mỗi khi tập hợp, họ bắt những người đeo kính cận thị

phải bỏ kính xuống. Đây là một điều rất kỳ quặc của Miền Bắc. Tôi không hiểu tại sao họ lại ghét những người đeo kính cận thị đến thế. Nếu là kính đen thì họ bắt bỏ ra khi nói chuyện cũng còn có lý. Đằng này kính cận thì mà họ cứ bắt bỏ ra. Về sau chúng tôi đọc báo Nhân Dân thấy nói bên Campuchia, chế độ Pol Pot tàn sát bất cứ người nào đeo kính trắng vì cho là trí thức. Tôi nghĩ chắc cán bộ Cộng sản Miền Bắc ghét kính cận thị vì cho rằng đây là dấu hiệu của người trí thức.

Nhưng cách đối phó trả đũa của ban Giám Thị chỉ làm cho chúng tôi thêm công phần. Khẩu phần vẫn tiếp tục thê thảm. Chúng tôi nhận thấy nếu kéo dài mãi mức ăn như thế thì một số đông chúng tôi khó lòng qua khỏi mùa đông năm đó. Không tranh đấu cũng chết,

nhiều anh em nói với nhau như vậy.

Do đó, nhiều cuộc tuyệt thực nổ ra, hết đội này đến đội khác. Tỷ số người đi làm lao động xuống rất thấp. Ngày Quốc tế Nhân quyền 10-12-1978 số người đi làm lao động chỉ độ 50 người trong số 500 người toàn khu chúng tôi. Ngày thường chỉ chừng 200 đến 300 người đi lao động. Ra địa điểm lao động, chúng tôi cũng làm việc rất lơ là vì đói quá không làm nổi. Cán bộ đến bảo làm, chúng tôi trả lời là quá đói rồi. Chúng bắt bình bầu người ăn 18 kí, người ăn 13 kí, thì tất cả các đội chúng tôi đều từ chối, và tuyên bố sẽ chia đều phần ăn. Chúng đặt ban Thi Đua, trưởng ban là Nguyễn văn Mai (Thiếu tá Cảnh sát, trước làm ở Sở Ngoại Kiều) mục đích là mượn tay người trong đám chúng tôi để dòm ngó kìm kẹp nhau và thúc đẩy đi lao động khổ sai, thì một

nhóm anh em bố trí giả vờ gây chuyện để đánh cho Nguyễn văn Mai một trận. Sau vụ này, ban Thi Đua và các ban Tư Quản đội đều co rút.

Trong thành phần Tư Quản lúc đó, có một anh đội trưởng mà chúng cho là đã chỉ định làm. Đó là anh Cao văn Bảy trước là Tổng Thư ký Phong Trào Phục Hưng Miền Nam. Anh ấy là một người rất tốt trong anh em chúng tôi. Về sau chúng thay thế anh Bảy, gọi điều tra rồi giam phòng kỷ luật. Chúng cho rằng chính anh Bảy đã sách động đội anh tuyệt thực nhiều lần. Anh Bảy là người bị nhốt trong phòng kỷ luật lâu nhất. Cho đến đầu năm 1980, anh vẫn còn ở trong phòng kỷ luật và đã bị kỷ luật hơn một năm. Tôi không biết bây giờ anh đã được ra khỏi phòng kỷ luật chưa hay đã gục ngã rồi. Đó là một người can đảm.

Một người nữa cũng bị nhốt phòng kỷ luật cả năm trời, là anh Nguyễn Hữu Thới, trước là Dân biểu Bình Định. Anh Thới ở cùng đội với tôi, đội trồng rau. Đói quá, trong buổi làm lao động, anh xuống ruộng bắt được mấy con cá. Khi về bị tên cán bộ soát thấy, nó kết tội anh là bỏ lao động để đi bắt cá, bắt làm kiểm điểm và nhục mạ anh trước mặt cả đội. Anh viết kiểm điểm, nội dung có đoạn nêu lên sự đói khổ của Miền Bắc, nêu lên sự đói khổ cùng cực của đám tù chúng tôi để nói tại sao phải đi bắt cá. Thế là tên cán bộ chính trị gọi anh lên quy cho anh là phản động. Chúng đưa anh qua một đội khác, rồi bắt anh nhốt phòng kỷ luật cùng lúc với anh Cao Văn Bảy. Khoảng một năm sau, cuối năm 1979, anh được thả ra khỏi phòng kỷ luật để ở với anh em tại Phân trại A.

Khi mới ra khỏi phòng kỷ luật, anh đi không nổi, phải chống gậy, có lúc phải bò. Vợ anh ra thăm, nhìn thấy anh không sao cầm được nước mắt.

Ông Phạm Trọng Nhân, trước là nhà ngoại giao, có viết một bức thư cho ban Giám Thị chỉ trích cách soát xét quà, cách phát quà. Vì ông là nhà ngoại giao lời lẽ khéo léo nên chúng không nói gì, nhưng cũng chẳng trả lời.

Nhiều đội họp nhau viết thỉnh nguyện thư gửi lên Bộ Nội Vụ (nội quy trại giam có ghi rõ là tù nhân có quyền viết thư như thế). Nhưng vấn đề là làm sao gửi đi? Đưa cho trại thì chắc trại không chuyển.

Có lẽ trại cũng đã báo cáo các vụ lộn xộn lên Cục Trại Giam Bộ Nội Vụ rồi. Khoảng giữa tháng 12, nhiều cán bộ

của Bộ Nội Vụ đến trại. Sau này, chúng tôi biết cầm đầu đoàn công tác đó là tên Hoàng Thanh, Đại tá Cục phó Cục Trại Giam. Chưa cần biết là ai, thấy có cán bộ trung ương đến, chúng tôi xúm vào đặt vấn đề khẩu phần ăn, vấn đề thăm nuôi, tiếp tế và các vấn đề khác về quy chế giam giữ trong đó có vấn đề tại sao 3 năm không có ai về. Một tên cán bộ trung ương, trong khi trả lời, có nói với chúng tôi: “Nếu các anh giam giữ chúng tôi mà chúng tôi tuyệt thực, chống đối trong trại giam thế này thì các anh sẽ phản ứng thế nào?”

Luật sư Tiếp (tôi không nhớ họ của anh, anh Tiếp trước có làm cho Phủ Đặc ủy Tình Báo) trả lời ngay:

– Nếu chúng tôi bảo quý vị đi học tập 1 tháng rồi thành ở tù 3 năm, rồi thành ở tù không biết bao giờ về, và ăn sắn, và

đói triền miên như thế này, thì quý vị sẽ phản ứng ra sao?

LỄ GIÁNG SINH NĂM 1978

Mùa Giáng Sinh '78 về với Phân trại B trong khi tinh thần đấu tranh của anh em đang lên cao. Mùa Giáng Sinh là mùa hy vọng. Dù có đạo hay không, anh em chúng tôi đều rung động với mùa Giáng Sinh.

”Bình an dưới thế...”

Anh em chúng tôi đang ở trong trại giam cộng sản, cách biệt với thế giới bên ngoài, không biết bao giờ có thể được sum họp với gia đình, thả lại không khí tự do. Trong hoàn cảnh như vậy, và để đối chọi với chủ nghĩa duy vật như là phản ứng chung của những kẻ bị tù đày

đối với chính quyền duy vật đã giam giữ mình, chúng tôi tưởng tượng đến ánh sao Noël như một niềm hy vọng, đến máng cỏ Chúa Hài-Đồng như một cái gì thật là ấm áp, nhớ đến câu:

Vinh danh Thiên Chúa trên trời

Bình an dưới thế cho người thiện tâm

như một lời ru thanh thản giúp chúng tôi yên ổn vượt qua được thời gian ngặt nghèo trong tù Cộng sản. Phải, chúng tôi tin rằng sẽ không chết trong ngục tù Cộng sản. Chúng tôi tin rằng sẽ có một ngày mai chúng tôi được dự lễ Nửa Đêm, nghe lại tiếng chuông nhà thờ mà bao năm qua không hề được nghe thấy. Chúng tôi, những người đang khốn khổ, đang khát khao "bình an dưới thế..."

Từ nửa tháng trước ngày Giáng Sinh,

chúng tôi chép lại những bản Thánh ca theo trí nhớ của một vài anh, và thì thầm tập cho nhau hát. Hai bài Thánh ca mà ai cũng đã thuộc nhạc nên rất dễ hát cùng nhau, là bài Silent Night mà cả thế giới đều biết, và bài Đêm Đông của Hải Linh rất quen thuộc ở Việt Nam. Có những buổi sáng ra đi làm lao động ở ngoài đồng, trong sương mù dày đặc giá buốt, lũ tù khổ sai chúng tôi, quần áo rách nát, thân thể co ro tiều tụy, đi thành từng đội, bên cạnh là những tên cảnh vệ cộng sản cầm súng canh giữ, chúng tôi vừa đi vừa cất cao giọng, hát bài Silent Night và Đêm Đông. Ban đầu bọn cán bộ không biết là bài gì, nhưng sau chúng biết đó là Thánh ca. Chúng bảo chúng tôi giữ im lặng, nhưng chúng tôi vẫn hát.

Cộng sản lại đặt kế hoạch đối phó. Noël năm '78 nhằm ngày thứ hai. Đêm

Noël là tối chủ nhật. Ngày chủ nhật là ngày được phép nấu nướng. Lúc đó chưa ai được thăm nuôi, quà tiếp tế gửi theo đường bưu điện ra thì không được bao nhiêu tuy vậy chúng tôi ai cũng cố dành dụm, dự định góp nhau kẻ bột người đường, làm cái bánh Giáng Sinh. Nhưng đến ngày chủ nhật 24-12-78, trại bắt chúng tôi họp sinh hoạt kiểm điểm cuối năm. Chúng cho cán bộ đến từng đội, cố kéo dài buổi họp cho đến buổi chiều. Buổi chiều, chúng ra thông cáo cấm tụ họp ca hát. Mặc dầu vậy, chiều hôm ấy, anh Nguyễn Thanh Liêm (Thiếu tá Công Binh, đạo Tin Lành) cùng anh Trọng (dường như là Nguyễn Thành Trọng) ca hát những bản Thánh ca mà anh Trọng sáng tác, phổ theo lời trích trong Thánh Kinh mà anh Liêm còn nhớ. Buổi ca hát này quy tụ được một số người.

Đến tối, chúng bắt vào phòng giam sớm, khóa cửa, tắt đèn và không phát dầu cốt để cho chúng tôi bị tối không ngồi với nhau được. Nhưng chúng tôi đã dự bị một ít dầu thả đèn rồi. Chỉ có chiếc bánh Noël thì không làm được. Thôi đành nấu nước trà ngồi uống với nhau vậy.

Anh Lê Thiên Sơn (trước là nhân viên Phủ Đặc Ủy Tình Báo, có làm báo Quạt Cường) người cao tuổi trong đội chúng tôi và là người Công Giáo, mời một số anh em, có đạo hay không, lại ngồi quanh chỗ anh để uống nước trà hút thuốc lào tưởng niệm Chúa giáng sinh. Anh và anh Nguyễn văn Mai (Nguyễn văn Mai – Tình báo, khác với Nguyễn văn Mai – Cảnh sát mà tôi đã nói trong một đoạn trước) đã cắt giấy bìa làm hình ngôi sao để trước đèn. Bên ngoài phòng nào cũng

có cán bộ đứng rình. Chúng tôi biết thế, nhưng vẫn tụ họp nhau được chừng 20 người trong số toàn đội là 40 người. Đội trưởng là anh Nha, trước là nhân viên Tình báo, tuy là người Công giáo nhưng lại không dám tham dự, nằm trùm chặn.

Mở đầu, anh Lê Thiên Sơn nhắc lại sự tích Chúa giáng sinh và nói ý nghĩa, tinh thần Giáng Sinh. Sau đó, anh em chúng tôi đồng ca bản Đêm Đông. Kế đó mỗi người góp một bài hát hay bài thơ hoặc một câu chuyện về Giáng Sinh. Kết thúc chương trình là đồng ca bản Silent Night.

Chỉ có thế thôi, nhưng đó là đêm Giáng Sinh làm tôi cảm xúc nhất. Những lời nói, tiếng hát thì thấm nơi ngực tù Cộng sản trong đêm Giáng Sinh rét buốt của mùa đông xứ Bắc đã làm chúng tôi rung động tận đáy lòng.

Sáng hôm sau, một anh thức dậy thật sớm, đến đập anh Sơn dậy, xin vào Công giáo. Anh ấy trước là một Thiếu tá Cảnh sát. Anh nói rằng sau đêm Giáng Sinh, nằm thao thức vì xúc động, và sau khi ngẫm nghĩ nhiều về vấn đề tôn giáo – vấn đề mà anh đã suy nghĩ từ nhiều năm rồi – anh quyết định vào Công giáo ngay từ trong tù. Anh Sơn trả lời rằng anh không phải là Linh mục nên không có quyền chính thức chấp nhận anh như thế, nhưng ngay từ giờ phút ấy anh có thể tự coi mình là người Công giáo.

Hôm sau 25-2-78 là ngày thứ hai, ngày phải đi lao động, vì Cộng sản không có nghỉ Noël. Nhưng hầu hết chúng tôi đều khai bệnh ở nhà. Chúng tôi bảo nhau “dù thế nào chúng ta cũng phải nghỉ Noël”.

Các đội khác, đội nào cũng có nhóm

hội họp với nhau để tưởng niệm đêm Giáng Sinh. Riêng đội I là hội họp hăng nhất. Gần như toàn đội. Hát Thánh ca, công khai hát thật lớn. Cán bộ đứng ngoài mấy lần can thiệp bảo im, nhưng các anh vẫn hát. Đội I là đội gồm những người mà chúng cho là xúi dục các cuộc tuyệt thực đấu tranh nên dồn vào một phòng giam và cô lập với những đội khác.

Sau lễ Giáng Sinh, cuộc đấu tranh vẫn tiếp tục.

NGÀY CUỐI NĂM 1978

Trước ngày cuối năm, trại thông báo cho các đội là sẽ có một “đại hội kiểm điểm thành tích năm 1978” tổ chức vào ngày 1-1-79. Mỗi đội phải chuẩn bị một

bản “quyết tâm thư” để đọc trong đại hội.. Nội dung quyết tâm thư đã được hướng dẫn trước cho các đội trưởng, đại khái là ”hạ quyết tâm tích cực cải tạo, tích cực lao động, tích cực tổ giác lẫn nhau v.v...” Khi các đội trưởng về họp với các đội viên thì hầu hết các đội đều bác bỏ việc làm quyết tâm thư này. Chúng tôi nói với nhau: chẳng có ai lại điên khùng quyết tâm ở tù. Đảng và Nhà nước giam giữ mãi không thả thì đành phải chịu, chứ còn bảo quyết tâm gì nữa. Có đội mạnh dạn hơn, không làm quyết tâm thư nhưng làm một bản gồm các đề nghị của đội về vấn đề ăn uống, thư từ, thăm nuôi, và nêu cả vấn đề thời hạn giam giữ. Trong các bản kiểm điểm cá nhân, có anh viết thẳng là yêu cầu được tổng xuất đi ngoại quốc.

Trong số 12 đội đọc quyết tâm thư,

nhưng sau khi theo dõi việc làm của các đội, chúng quyết định chọn một đội đọc quyết tâm thư mà thôi. Buổi lễ cũng được đổi ngày. Đáng lẽ làm ngày 1-1-79 thì chúng làm vào ngày 31-12-78.

Trong buổi lễ, đến mục đọc quyết tâm thư, anh em chúng tôi la ó ồn ào khi một đội trưởng được chọn bước lên để đọc quyết tâm thư. Có nhiều tiếng nói lớn “Quy xuống, lạy đi mà quyết tâm ở tù”.

Buổi lễ được kết thúc sớm trong sự giận dữ của ban Giám Thị.

PHÂN TÁN, CHUYỂN TRẠI

Đoàn cán bộ của Cục Trại Giam do tên Đại tá Hoàng Thanh hướng dẫn đã đến để giải quyết vụ đấu tranh đã kéo

dài.

Ngày 7-1-79 (cùng ngày quân đội Cộng sản Việt Nam chiếm Nam Vang) chúng chuyển trại toàn thể chúng tôi. Chúng chọn 100 người sang Phân trại A và kiên giam trong ba phòng. Tôi thuộc số 100 người này. Kiên giam nghĩa là chỉ ở trong phòng, không được tiếp xúc với bên ngoài, không đi lao động. Còn lại hơn 400 người sang Phân trại C ở trong các căn nhà mới cất, có tường ngăn cách từng dãy không thể liên lạc với nhau. Chính ở Phân trại C này mới nổ ra vụ đấu tranh quyết liệt.

Anh Cao văn Bảy và anh Nguyễn Hữu Thời vẫn ở phòng kỷ luật.

Nhóm chúng tôi 100 người sang Phân trại A bị ngăn cách và chỉ nêu vài vấn đề về lương thực, và phát biểu một

vài ý kiến về thời hạn giam giữ với đoàn cán bộ trung ương, mà không có vụ đấu tranh nào lớn.

Trong thời gian ở Phân trại A, dù bị ngăn cách, chúng tôi cũng có liên lạc được với các chiến sĩ biệt kích đã nhẩy dù ra Bắc trong chiến tranh và bị bắt, đến nay vẫn còn bị giam. Trong dịp Tết, chúng tôi cũng có liên lạc được với anh em sĩ quan quân đội cấp Tá và cấp Ủy VNCH bị giam ở khu Z6 cùng Phân trại A. Trong số anh em sĩ quan này có Phan Nhật Nam, tác giả cuốn MÙA HÈ ĐỎ LỬA. Sau Tết, bên Z6 có vụ đấu tranh, và anh Phan Nhật Nam bị nhốt phòng kỷ luật một thời gian. Tôi không được rõ về cuộc đấu tranh này vì bị ngăn cách, và sau đó không lâu tôi lại bị chuyển sang Phân trại C.

NHỮNG CHIẾN SĨ BIỆT KÍCH

Trong dịp Tết năm đó, lợi dụng vài sự dễ dãi trong ngày Tết, vài anh em trẻ trong nhóm chúng tôi đã liên lạc nói chuyện được với các chiến sĩ Biệt Kích.

Nhóm Biệt Kích bị giam ở Phân trại A lúc đó có chừng vài trăm người, phần lớn đã ở tù trên 10 năm, có người ra Bắc từ thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm.

Mặc dù ở tù lâu như thế, anh em vẫn rất vững tinh thần. Trước kia, muốn được chọn làm Biệt Kích, phải có sức khỏe thật tốt. Nhờ vậy mà anh em đủ sức chịu đựng mười mấy năm lao tù, tuy cũng yếu đi nhiều.

Anh em đã truyền cho chúng tôi nhiều kinh nghiệm về cuộc sống lao tù, cách đối phó với cán bộ trại giam. Anh

em Biệt Kích vẫn tin tưởng vào tương lai.

Anh em có kể lại hội hiệp định Paris, anh em đã được cấp phát quần áo, giày dép để chuẩn bị trao đổi tù binh. Nhưng sau đó chúng đổi ý kiến, không trao đổi nữa. Anh em tuyệt thực đấu tranh. Chúng đàn áp dữ dội. Nhiều anh em bị cho vào phòng kỷ luật và cùm cho đến chết. Trên 20 người đã chết trong cuộc đấu tranh đó. Rồi chúng phân tán, chuyển trại.

Nhưng anh em Biệt Kích nói rằng lần thất vọng vì không được trao đổi tù binh theo hiệp định Paris không phải là lúc buồn nhất trong mười mấy năm tù đầy. Phải nói lúc thất vọng ê chề nhất là lúc nghe tin Miền Nam sụp đổ năm 1975. Thoạt đầu có nhiều người không tin. Nhưng sau rồi cũng phải chịu rằng đó là sự thật. Cộng sản cho liên hoan trong trại giam để mừng đã chiếm được

Miền Nam, cho ăn thịt lợn, thịt trâu. Anh em trong tù đói triền miên, thèm thịt vô cùng, thế mà bữa liên hoan đó, ai cũng buồn bã bỏ ăn. Không phải tuyệt thực đấu tranh gì cả, không hện nhau mà ai nấy cùng bỏ ăn, nhìn nhau chảy nước mắt.

Sau này anh em mới dần dần lấy lại nhận định, nhìn thấy những sự bế tắc của cộng sản Việt Nam, và phục hồi tinh thần lạc quan.

Anh em có nói đã từng gặp một nhóm sĩ quan cộng sản bị giam trong tù vì đảo chính hụt. “Một cuộc đảo chính tại Hà Nội tuy khó khăn nhưng không phải là chuyện không tưởng đâu”, một anh Biệt Kích đã nhắn qua phía chúng tôi như vậy.

Khi Trung cộng đánh sang Việt Nam

tháng 2-1979, trại lại cúp đài phát thanh, cúp báo. Chính những anh em Biệt Kích đã tìm cách thông tin ngay cho anh em chúng tôi vụ tấn công này trong khi trại còn giấu diếm...

VỤ ĐẤU TRANH THÁNG 1-79 TẠI PHÂN TRẠI C

Tôi ở Phân trại A ba tháng. Đến tháng 4 -79 Phân trại A chuyển 30 người sang Phân trại C, trong số đó có tôi. Khi đến Phân trại C, tôi được nghe kể lại vụ đấu tranh tại Phân trại này, vụ đấu tranh mà cán bộ Cục Trại Giam trung ương đã trực tiếp đàn áp và coi là một biến cố lớn trong hệ thống trại giam Miền Bắc.

Khi số 400 người được chuyển từ Phân trại B đến Phân trại C (mỗi Phân

trại cách nhau chừng 5 cây số đi bộ) ngày 7-1-79, sắp xếp chỗ ở rồi, sang ngày 8-1, ban Giám Thị Phân trại C tổ chức một buổi học tập nội quy Phân trại cốt để khép chặt kỷ luật. Trong buổi học tập, có anh Trần văn Chí (trước là Phó Tỉnh Trưởng Vĩnh Bình), anh Tiếp (Luật sư), và một anh nữa mà nay tôi không nhớ tên, đã phát biểu ý kiến mạnh mẽ chống lại những quy định chặt chẽ và những lời hăm dọa của ban Giám Thị...

Ngay chiều hôm ấy, 3 anh này bị bắt đưa đi nhốt vào phòng kỷ luật. Anh Chí bị sang ở phòng kỷ luật tại Phân trại A, còn hai anh kia bị đưa sang Phân trại B. (Hai tháng sau, anh Chí được thả ra khỏi phòng kỷ luật, rồi sau đó được chỉ định làm đội trưởng nhóm 30 người chúng tôi từ Phân trại A sang Phân trại C. Còn 2 anh kia thì cho đến đầu năm 1980 vẫn

bị kỷ luật, không rõ ở đâu).

Qua hôm sau 9-1-79, toàn khu A (1) Phân trại C hơn 400 người đồng tuyệt thực yêu cầu thả 3 anh nói trên về trại với anh em. Suốt ngày 9, từ sáng đến tối, toàn thể anh em đều tuyệt thực. Cán bộ đến làm áp lực, cố gắng gây chia rẽ trong hàng ngũ anh em nhưng vô hiệu. Anh em ngồi trong từng nhà ca hát những bản nhạc Miền Nam cũ, nhất là bản Việt Nam Việt Nam của Phạm Duy. Có nhóm hát cả bản Cờ Bay, bản nhạc ca ngợi việc chiếm lại Cổ thành Quảng Trị năm 1972. Chỉ một bản nhạc của cộng sản được hát trong ngày đó là bản "Kết đoàn, chúng ta là sức mạnh..." Về sau trại cấm luôn chúng tôi, không cho hát bài này nữa dù là nhạc cộng sản.

Chiều hôm đó, Phân trại C vội vã đổi hết tù hình sự sang Phân trại B, có lẽ vì sợ ảnh hưởng dây chuyền.

Sáng ngày 10-1, chúng đem cảnh vệ đông đảo, cùng với súng ống và xích xiềng, vào ra lệnh toàn thể tập hợp, ai không tuân lệnh sẽ có biện pháp mạnh ngay. Sau khi tập hợp, chúng đọc tên hơn 60 người, trói quặt khuỷu tay từng người rồi dắt đi (sau này chúng tôi biết là chúng dẫn sang Phân trại B nhốt phòng kỷ luật, rồi đến tháng 5-1979 chúng lại đưa trở về Phân trại C nhưng thiếu mất 4 người, có lẽ vẫn còn nằm kỷ luật ở Phân trại B). Sau đó chúng ra lệnh cho tất cả những người còn lại phải ký giấy chịu ăn cơm, chịu đi lao động, nếu không ký sẽ có biện pháp mạnh ngay. Trước những mũi súng của Cộng sản, vẫn có 2 người không chịu ký, chúng bắt trói ngay tại chỗ, dẫn đi. Một

người là anh Việt (Thiếu tá Cảnh sát), còn mấy người nữa tôi không nhớ tên.

Từ đó về sau không khí Phân trại C rất ngọt ngào. Ban Thi Đua do Nguyễn văn Mai (thiếu tá Cảnh sát) cầm đầu cùng với Hóa và Điệp (nhân viên Phủ Đặc ủy Tình Báo) đặt hệ thống mật báo viên báo cáo tất cả mọi hành vi của anh em. Có những tên đội trưởng kìm kẹp anh em dữ dội như tên Nguyễn Nhược (trước là Thiếu tá Cảnh sát), tên Nghiệp (trước là giáo sư ở Định Tường) mà anh em gọi là “giáo gian”. Ban Giám Thị lúc nào cũng sẵn sàng đưa người đi nhốt phòng kỷ luật. Nhiều người lâm vào tình trạng kiệt sức mà không dám bỏ lao động.

Cuộc đấu tranh bắt đầu từ tháng 9-1978 đến tháng 1-1979 tuy không có những kết quả tức thời, và sau đó chúng tôi bị khép vào kỷ luật chặt chẽ hơn;

nhưng cũng làm cho Cộng sản nới tay về mặt khác: khẩu phần lương thực ở Phân trại C khá hơn Phân trại B, được ăn cơm nhiều hơn là sắn, thư từ quà cáp nhận được đều hơn trước, và từ giữa năm 1979 việc cấp giấy phép cho thân nhân chúng tôi từ Miền Nam ra thăm nuôi tương đối dễ dàng.

Đêm Giáng Sinh 1979, tại Phân trại C, chỉ có 2 người ngồi hát Thánh ca, sáng hôm sau cả hai đều bị gọi lên cho vào phòng kỷ luật. Vài nhóm khác ngồi quây quần với nhau, liền bị Cảnh vệ chia súng vào cửa sổ bắt phải giải tán.

(1) Khu A là chính trị phạm, khu B là hình sự

8

Thư từ, tiếp tế, thăm nuôi

Theo nội quy của các trại cải tạo thì chúng tôi được phép viết thư về nhà mỗi tháng một lần, được nhận quà gia đình gửi đến theo đường bưu điện ba tháng một lần (gửi quà tối đa 5 kí), và được thăm nuôi ba tháng một lần.

Nhưng đó chỉ là nguyên tắc. Thực tế là trong thời gian ở tù 4 năm, 7 tháng (kể

cả thời gian ở trại Long Thành) tôi chỉ được thăm nuôi tổng cộng bốn lần, tức là nếu tính đều ra thì hơn một năm mới được một lần thăm nuôi (so với chế độ Cải Huấn của ta trước kia, một tuần lễ được thăm nuôi hai lần). Ở Long Thành một năm trời, được thăm nuôi một lần trước khi ra Bắc. Ra Bắc từ cuối năm '76, mãi đến giữa năm '79 (hai năm rưỡi) chúng tôi mới bắt đầu được thăm nuôi.

Khi mới ra Bắc, ba tháng đầu chúng không cho chúng tôi viết thư. Trường hợp chúng tôi thế là còn khá. Có nhiều trại đến sau, bảy tháng chúng mới cho viết thư. Trong suốt năm 1977, dù vài tháng có cho viết thư một lần, chúng cấm chúng tôi không được viết câu gì tỏ ra mình đang ở miền Bắc. Nếu có câu gì tỏ ra có ý nghĩa như thế, thư sẽ bị vứt bỏ.

Rất nhiều thư chúng không gửi đi. Ở nhà, vợ tôi tháng nào cũng có gửi thư cho tôi, nhưng có khi cả năm tôi không nhận được cái nào. Trung bình thì mỗi năm nhận được chừng ba, bốn lần. Thư nhà đến tay mình nhanh nhất là một tháng. Trung bình thì ba, bốn tháng mới nhận được. Có lúc nhận được nhưng là thư viết từ bảy, tám tháng trước.

Nội dung thư bao giờ cũng được hướng dẫn trước: phải nói là khỏe mạnh, vui vẻ, học tập lao động tốt. Nhưng phần lớn chúng tôi, những năm về sau, chẳng chú ý gì đến những lời hướng dẫn này, chúng tôi chỉ viết toàn chuyện gia đình.

Từ đầu năm 1978, chúng cho chúng tôi tiết lộ địa chỉ trại Cải Tạo Quảng Ninh. Kể từ năm '79, chúng mới thi hành đúng nội quy là mỗi tháng được viết thư một lần, giới hạn hai trang giấy.

Về tiếp tế, việc thực hiện cũng tùy giai đoạn.

Năm 1977, chúng cho chúng tôi nhận quà tiếp tế hai lần: một lần vào dịp Tết, một lần vào dịp 2-9 (ngày Quốc Khánh của chúng). Hai lần ấy chúng vào tận Sài Gòn nhận quà chở ra. Tuy có phổ biến là mỗi người chỉ được nhận 10 ký quà, nhưng chúng tôi nhận được trung bình 30, 40 ký; có vài người nhận được đến 60, 70 ký.

Sang năm 1978, không giữ bí mật địa chỉ trại nữa, chúng cho chúng tôi nhận bưu phẩm tối đa 5 ký ba tháng một lần. Nhưng suốt năm '78, chúng tôi chỉ nhận được ba lần quà, thay vì bốn lần, tức là tổng cộng năm đó chúng tôi mỗi người chỉ có 15 ký quà.

Về thăm nuôi, kể từ năm '78, chúng tuyên bố là cho phép được thăm nuôi. Tuy nhiên chẳng mấy ai trong số chúng tôi đượcc thăm. Chỉ có vài người có bà con ruột thịt ngoài Bắc, vài người có bà con ở ngoại quốc về (thuộc thành phần "Việt kiều yêu nước" của chúng) đến thăm cho vài ký quà. Mãi đến giữa năm '79, các cấp chính quyền địa phương trong Nam mới được lệnh cấp giấy phép cho gia đình chúng tôi ra Bắc thăm nuôi...

Lần đầu tiên bà con Miền Nam ra thăm, ai cũng kinh hoàng khi nhìn thấy chúng tôi gầy gò ốm yếu, người nào cũng da bọc xương. Năm 1975, khăn gói ra đi "học tập", ai cũng hồng hào mập mạp, đến giữa năm '79, vợ gặp chồng có khi chẳng nhận ra được chồng mình.

Các bà về Sài Gòn phổ biến cho nhau tình trạng này, cho nên sau đó, bà nào

cũng cố bán đồ đạc nhà cửa kiếm ít tiền đi thăm nuôi.

Ba tháng sau, các bà ra thăm lần thứ hai, ai cũng thấy rõ hiệu quả của các món quà là người nào cũng lên khoảng chục ký. Thực ra thì hẳn còn kém lúc ra đi năm '75 xa lắm, nhưng so với lần thăm nuôi đầu, được thế là quý lắm rồi. Thì ra cũng chỉ có miếng cơm miếng thịt của vợ con ở Miền Nam đem ra mới giúp chúng tôi gượng lại được, nếu chỉ ăn toàn thức ăn của “Bác” và “Đảng” cho thì chắc gục ngã cả rồi.

Thời gian gặp gỡ thân nhân dài ngắn tùy trường hợp. Thường thì khoảng từ nửa giờ đến hai giờ đồng hồ. May gặp tên cán bộ dễ chịu thì được thăm lâu một chút. Gặp bữa tên cán bộ khó chịu hoặc đang câu việc gì thì mới nói được vài câu đã bị cúp. Nói chuyện phải nói

lớn tiếng, không được dùng tiếng lóng. Lúc nào cũng có cán bộ ngồi nghe kiểm soát.

Đối với các Tự Quản đội (đội trưởng, đội phó, thư ký đội), ban Thi Đua, và những người lập công báo cáo anh em (mà chúng tôi gọi là làm antenne), thời gian thăm nuôi được ưu đãi hơn; ít nhất là một buổi, có thể được ngồi ăn cơm với nhau, và trong vài trường hợp đặc biệt, có thể được ngủ lại với nhau một đêm nếu là vợ thăm chồng.

Tôi không dám nói tất cả những người được thăm nuôi suốt đêm với nhau đều là những kẻ làm antenne, vì có thể ở những trại khác việc quy định thời gian thăm nuôi có khác. Nhưng riêng ở phân trại C, trại số 5 Thanh Hóa, tôi đã thấy có một trường hợp được thăm nuôi đêm, đó là trường hợp một đội trưởng

kìm kẹp anh em và báo cáo dữ dội.

Chế độ Miền Bắc tuyên truyền rằng các trại cải tạo là cốt để cải tạo cho con người trở thành con người tốt để sống trong xã hội chủ nghĩa. Vậy mà trong trại cải tạo, chúng dùng cả nhu cầu sinh lý của con người, dùng cả sự ái ân của vợ chồng người ta để làm môi bắt người ta báo cáo cho chúng, phục vụ cho chúng. Khi anh em chúng tôi nghe kể lại tên đội trưởng đó đã ngủ với vợ mấy lần trong đêm, chúng tôi thấy thật là kinh tởm. Những tên cán bộ quản giáo đi phổ biến khắp các đội khuyến khích mọi người hãy "lao động thật tốt, đấu tranh tố giác tích cực" để được hưởng ân huệ của Đảng và Nhà nước cho phép được ngủ với vợ một đêm. Vậy mà cũng có những tên tồi bại trong đám tù đó háo hức lắm khi nghe như thế. Tôi không có ý chê bai,

gạt bỏ vấn đề sinh lý. Tôi cũng cho rằng, thực tế là nếu vợ chồng lâu năm mới gặp nhau được như vậy thì cũng chẳng giữ gìn được và cũng chẳng việc gì phải giữ gìn, trừ phi sợ mang bầu. Nhưng vấn đề là chế độ trại giam đã đem việc đó làm một môi nhử để sai khiến con người.

Tôi cho rằng cần phải giữ tính cách cao quý đẹp đẽ của sự ân ái vợ chồng, hành động mang lại hạnh phúc tuyệt diệu về vật chất và tinh thần trong tình yêu và đạo đức. Nó không thể bị hạ thấp để trở thành giống sự giao cấu của hai con vật. Trong cái gọi là cải tạo, Cộng sản đã dùng đến những phương pháp tiện chỉ có thể hướng con người đến chỗ thấp hèn, đến chỗ phục vụ cho Đảng một cách tồi bại không còn chút tư cách, phải chăng con người mới xã hội chủ nghĩa mà Cộng sản muốn đào tạo chính là con

người tồi bại như thế (và như thế, Đảng lại càng tồi bại hơn). Việc ân ái với vợ như vậy đã bị hạ thấp xuống thành việc giải quyết sinh lý trong hoàn cảnh nhục nhã, và chúng tôi thấy thật tội nghiệp cho những bà vợ đi thăm nuôi chồng tự nhiên bị hạ thấp giá trị của mình xuống thành miếng mồi vật chất để cho Đảng sai khiến chồng mình. Đó là thực chất của cái gọi là đạo đức cách mạng xã hội chủ nghĩa. Và con người mới xã hội chủ nghĩa mà miền Bắc cố gắng cải tạo để đạt tới, chỉ là thứ con người thấp hèn chịu bỏ mất tư cách của mình để làm tên nô lệ vô liêm sỉ cho Đảng.

Từ tháng 10-1979, chúng lại giới hạn mỗi lần thăm nuôi chỉ được cho tối đa 30 ký quà. Mà Cộng sản chẳng bao giờ thêm phổ biến trước. Dùng một cái, ra quy định rồi áp dụng luôn. Nhiều bà

lo mang quà ra nhiều lại phải mang trở về. Mà đường đi ngoài Bắc đâu có phải dễ dàng như trong Nam. Trại giam nào cũng ở gần núi, cách xa quốc lộ số 1 từ 40, 50 cây số trở lên cả. Có đoạn phải đi đò, có đoạn đi xe bò, xe trâu, có đoạn đi bộ, gánh không nổi quà thì phải thuê người ta gánh. Xã hội Miền Bắc cướp giật tùm lum, nhiều bà đi bị mất tiền bạc, mất quà, mất giấy tờ.

Anh em chúng tôi sống được là nhờ có gia đình. Mỗi khi được quà thăm nuôi, người nhận quà có thông lệ mời anh em quen biết ăn mừng ngày thăm nuôi. Trong bữa ăn, chúng tôi thường nói với nhau, câu nói tuy là đùa nhưng tâm ý là thật: “Vợ ta sinh ra con ta, nuôi nấng con ta, dạy dỗ con ta, nuôi luôn cả ta nữa. Vậy ta phải biết ơn người.”

Tất nhiên, cũng có một số trường hợp vợ bỏ chồng lấy người khác. Cũng có một số anh chồng trước kia vợ lớn vợ bé, bây giờ ở tù, bà này né cho bà kia thăm nuôi. Nhưng cũng có anh được 3 bà vợ luân phiên ra thăm nuôi.

Và cũng có những mối tình rất đẹp. Anh Phan Văn Nho sinh viên Cao Học Hành Chánh, vì tham gia Phong Trào Quốc Gia Cấp Tiến nên bị ở tù, gần 5 năm rồi mà người yêu chưa hỏi chưa cưới vẫn một lòng chung thủy. Cuối năm '79, anh Nho được người yêu đi với mẹ anh ra thăm nuôi. Hôm ấy Nho mặt mày rạng rỡ, tràn ngập hạnh phúc, quên hẳn là mình đang ở tù.

Ông Phạm Trọng Nhân, tóc đã bạc, còn được bà mẹ già gần 80 tuổi đến thăm (bà cụ ở ngoài Bắc). Sau buổi thăm nuôi, ông Nhân mang gói quà về trại mà

không sao cầm được nước mắt. Không có gì cảm động cho bằng lúc nhìn thấy ông Nhân tuổi đã 60, tóc đã bạc mà còn khóc như trẻ thơ khi cầm gói quà của bà cụ già.

Tháng 7-79 tôi được vợ thăm nuôi. Ra gặp vợ theo phản ứng tự nhiên, tôi ôm hôn vợ. Tên cán bộ đi theo canh chừng mắng tôi ngay là “không văn hóa”. Vợ tôi cự lại: “Thế các ông lãnh tụ Đảng khi gặp nhau cũng ôm hôn thăm thiết thì sao?” Sau buổi thăm nuôi ngắn ngủi, tên cán bộ này chửi mắng tôi suốt đoạn đường gần hai cây số từ phòng thăm nuôi về trại.

Quà thăm nuôi tiếp tế không phải là thứ gì cũng nhận được. Phải theo sự quy định của trại. Mà sự quy định thì mỗi lúc một khác và chẳng cần thông báo trước. Cứ mỗi kỳ soát xét quà lại thấy một quy

định mới. Sự cấm đoán chỉ có tăng lên chứ không giảm..

Hồi mới đầu, ở Quảng Ninh, không thấy phổ biến cấm đoán thứ gì khó khăn. Cấm chất nổ, cấm vật bén nhọn, cấm rượu, cấm đồ quốc cấm. Những thứ này cấm là dĩ nhiên rồi, chúng tôi không có gì thắc mắc. Nhờ vậy mà năm 1977, chúng tôi nhận được một sổ sách học sinh ngữ, sách châm cứu. Phải nói rằng món quà tinh thần cũng cần thiết không kém gì món quà vật chất. Kỳ nhận quà 2-9- 77, tôi nhận được hai cuốn sách học Anh văn; một cuốn tự điển Ladder và một cuốn Văn phạm. Gia đình không dám gửi sách có những bài học văn chương, vì sợ chúng đọc không hiểu cứ nghi ngờ là có nội dung ca tụng đế quốc. Chỉ có sách tự điển thì có dốt trông vào cũng phải biết đó là cuốn tự điển.

Năm 1977, chúng tôi nhận quà kỳ Tết Nguyên Đán, cứ tưởng đến 1-5 lễ Lao Động thế nào cũng có một kỳ quà. Nhưng trước ngày 1-5-77, chúng bảo chúng tôi gửi thư xin quà, rồi lờ luôn. Vì thế từ tháng 5 đến tháng 9 chúng tôi chỉ ăn toàn khẩu phần của trại. Đến khi nhận quà, người chúng tôi đã gầy gò, đói khổ lắm rồi. Thế mà trong sổ quà, tôi mừng nhất và quý nhất là hai cuốn sách Anh văn. Nhu cầu tinh thần vẫn cao dù khi vật chất đang quá thiếu.

Cuốn tự điển Anh văn là Tự điển Ladder 5.000 chữ. Vốn Anh văn có sẵn của tôi được già nửa số chữ trong tự điển rồi. Tôi định bụng, trong vài năm, cố nhớ cho hết 5,000 chữ này.

Hồi nhỏ tôi nghe nói cụ Huỳnh Thúc Kháng bị Pháp bắt ở tù chỉ đem theo được cuốn tự điển Larousse, và sau thời gian ở

tù, cụ đã thuộc hết tự điển đó. Tôi định noi gương cụ Huỳnh, nhưng quả thật, lỗi học Anh văn bằng tự điển không phải là phương pháp hay, dầu rằng cuốn Ladder đã soạn trong tinh thần giản dị, mỗi chữ đều có câu ví dụ chỉ dẫn cách dùng. Tôi đã cố gắng đọc hết cuốn tự điển nhiều lần nhưng không sao thuộc nổi. Tuy nhiên nó đã giúp ích tôi rất nhiều. Nhờ nó, tôi hiểu chính xác những chữ mà trước kia tôi đã hiểu sai, dùng sai. Và tất nhiên, tôi cũng có nhớ được một số chữ mới.

Học sinh ngữ trong trại giam của cộng sản không được thoải mái như Cụ Huỳnh học tự điển Larousse trong trại giam của thực dân. Lúc nào chúng tôi cũng hồi hộp sợ bị tịch thu sách. Nhiều người đã bị tịch thu.

Ai cũng biết rằng trại không muốn cho chúng tôi học như vậy. Chúng chỉ

muốn chúng tôi làm lao động khổ sai thật nhiều, và ca tụng Karl-Marx, Lenine mà thôi. Sách vở của chúng tôi về nền văn hóa chung, không phải Mác xít là chúng ghét lắm.

Anh Phạm văn Nho rất mê sách Anh văn. Hồi ở phân trại B, trại số 5 Thanh Hoá, anh nhin ba bữa ăn để đổi lấy cuốn British Civilization, sách học Anh văn do nhóm Réunion de Professeurs bên Pháp soạn. Anh nâng niu nó như vàng. Khi sang phân trại A, anh đang học cuốn đó, bất ngờ bị tên cán bộ bắt gặp, tên này lấy xem thấy sách ngoại ngữ thì đòi tịch thu. Anh Nho vốn bị bệnh thần kinh, nổi cơn cầm lấy cục đá đập vào đầu mình, mấy anh em ngăn lại kịp. Cũng may nhờ thế mà tên cán bộ trả cuốn sách lại.

Tại trại số 5 Thanh Hóa, chúng không cho chúng tôi sách học nữa. Anh

Nguyễn Đức Dũng, trước là Đại tá Tham Mưu trưởng Thiết Giáp, có lúc làm Tỉnh trưởng Pleiku, bị tịch thu cuốn tự điển gửi theo quà thăm nuôi, tiếc ngẩn ngơ, làm đơn xin không được.

Rồi trại liên tiếp quy định, cấm nhận muối, cấm ớt, cấm tỏi, cấm bột ngọt, cấm đường hóa học (Saccharine). Những thứ này, thực ra chỉ là cán bộ kiểm soát tịch thu để chúng dùng mà thôi. Chúng đang cần bột ngọt thì tịch thu bột ngọt. Thấy đường Saccharine chỉ bỏ vài viên nhỏ mà ngọt cả ly nước trà, chúng khoái quá và lấy làm lạ lắm. Thế thì kiểm soát tịch thu, bảo là “các anh dùng thứ này hại sức khỏe”.

Thỉnh thoảng có vài người nhận được quà và thư từ ngoại quốc gửi thẳng về. Quà ngoại quốc gửi về thì thường chỉ vài ký nhưng phẩm chất cao, anh em rất

quý. Một lon beurre Bretel, một hộp fromage, một hộp buillon...quả là những thứ tuyệt hảo trong tại tù Cộng sản, những thứ rất hạn hữu. Nhưng hồi cuối năm '79, tại phân trại C, chúng tôi có thì thăm với nhau về một lá thư từ Mỹ gửi về. Đó là thư của vợ anh Minh, sĩ quan phi công, mà chúng tôi gọi đùa là “Minh giặc lái”. Theo anh em nói thì lá thư này bị Ban Giám Thị phân trại C kiểm duyệt, toan giữ lại không phát, nhưng sau được lệnh của Bộ Chỉ huy Trại là phải phát thư ấy, vì Bộ Nội Vụ đã kiểm duyệt rồi. Trong thư, vợ anh Minh viết rằng “dù có phải trả cho chúng 5.000 dollars hay nhiều hơn để chuộc anh ra, em cũng trả.”

Tôi không quen anh Minh vì ở khác đội, không thể phối kiểm được chuyện nàyy có đúng hay không. Và tất nhiên chuyện này chỉ được loan truyền trong số

những anh em tin cậy nhau mà thôi. Chỉ một câu ngăn ngui như thế, trong một lá thư, và không biết có đúng sự thực không, nhưng đó vẫn là tia hy vọng cho chúng tôi, những kẻ bị tù đầy, bưng bít, cố tìm lấy một tia sáng đâu đó về một ngày mai thoát khỏi ngục tù. Không phải là chúng tôi muốn được chuộc như thế. Chúng tôi chẳng muốn Cộng sản được nhận tiền. Nhưng trong hoàn cảnh tù đầy mù mịt, một tin tức như thế chứng tỏ rằng bên ngoài vẫn chưa quên chúng tôi, vẫn còn sắp xếp một giải pháp gì đó cho chúng tôi, hay hơn nữa, cho tình hình Đông Dương. Có lẽ chúng tôi đã tưởng tượng quá nhiều. Nhưng ở trong tù, nếu không thờ ơ, không chán đời, cũng không xum xoe nịnh bợ cán bộ Cộng sản với cái ảo tưởng là nhờ thế chúng cứu xét cho về, thì chỉ có cách trông chờ cho tình hình biến chuyển, và với cách này, chúng tôi

cũng thường sống trong tưởng tượng rất nhiều.

Điểm quan trọng mấu chốt trong sự tưởng tượng này là nghĩ rằng mọi người bên ngoài chưa quên chúng tôi. Cho nên những người đang sống tự do xin đừng quên những người bà con, đồng chí, hay bạn bè mình đang sống tù đầy. Xin đừng quên những người đang sống trong địa ngục. Xin hãy tìm cách tỏ cho họ biết là chúng ta không quên.

9

**xã hội miền bắc
qua cái nhìn hạn chế
của một người tù**

Không ai ở Miền Nam muốn ra sống tại Miền Bắc. Nhưng khi đặt chân lên bến Sáu Kho, Hải Phòng năm 1976, chúng tôi nói với nhau là dù sao thì cũng đã bị bắt buộc phải ở Miền

Bắc rồi, thử cố nhìn xem đời sống và con người thực chất như thế nào tại phần đất Việt Nam mà cộng sản nói rằng “về cơ bản, đã hoàn thành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa”.

Ngày từ bến Sáu Kho về trại Quảng Ninh, chúng đã dùng vải che cửa xe ô-tô để chúng tôi không nhìn được ra ngoài. Rồi chúng tôi chỉ ở trong trại giam, tiếp xúc với cán bộ trại giam, một ít tù hình sự, và nhìn thấy cách làm việc của một vài hợp tác xã gần đấy. Rồi một chuyến đi từ Quảng Ninh đến Thanh Hoá. Lần này thì xe không bị che vải, có thể nhìn ra ngoài rõ ràng hơn. Và ở trại số 5, gốc là trại Lý Bá Sơ, tôi ở cả ba phân trại: phân trại B, phân trại A, rồi phân trại C. Thế thôi, cái nhìn thật là hạn chế. Tôi rất tiếc là không được xem tường tận một nhà máy, một nông trường nào ở Miền

Bắc để có thể có những nhận xét thật rõ ràng, cụ thể, chi tiết.

Nhưng sau hơn ba năm ở Miền Bắc, qua cái nhìn hạn chế của một người tù, cũng có thể thấy được bản chất, trình độ của xã hội Miền Bắc, từ đó có thể đối chiếu thực tế với những gì Cộng sản tuyên truyền.

A. TỪ QUẢNG NINH VÀO THANH HÓA

Tháng 8 năm 1978, chúng tôi được chuyển trại từ Quảng Ninh về Thanh Hoá. Trại không hề cho biết trước ngày nào, đến lúc ngồi trên xe, xe chạy rồi cũng chưa biết là đi đến đâu. Tất nhiên trại cũng không nói lý do chuyển trại, tuy nhiên chúng tôi đều biết là vì sự căng

thắng với Trung quốc, mà tỉnh Quảng Ninh là tỉnh biên giới.

Tuy trại giữ kín nhưng chúng tôi cũng được biết trước khoảng một tuần. Phối kiểm các tin tức, các sự kiện thu thập được, chúng tôi biết là thế nào cũng có di chuyển. Anh em hình sự cho biết sắp di chuyển, việc chuẩn bị thay đổi toán nhà bếp, đội làm mộc đóng thùng gỗ để đi tiểu tiện dọc đường v.v..., các yếu tố đó kết hợp lại cùng với tình hình biên giới căng thẳng, làm chúng tôi tính trước được. Nhưng đi về đâu thì đoán không ra. Thấy đóng thùng gỗ đi tiểu, chúng tôi tưởng là đi tàu thủy, và như thế, có thể là trở về Nam. Nhưng khi lên xe, thấy mỗi xe để một thùng gỗ mới biết là chỉ đi xe hơi thôi. Thế thì chỉ quanh quẩn ở Miền Bắc.

Sáng ngày 3-8, trại bắt thần khám

xét đồ đạc. Tất cả phải bày ra, rồi cán bộ kiểm chuyện tịch thu. Chúng tôi biết là đã đến lúc sắp đi. Chiều hôm ấy, trại cho nghỉ lao động.

Đến tối trại mới phổ biến lệnh dọn dẹp đồ đạc, ở trong tư thế sẵn sàng để di chuyển. 11 giờ đêm bắt đầu lên xe. Khoảng 1 giờ đêm ngày 4-8, xe bắt đầu di chuyển. Xe sang sông Bạch Đằng trời hãy còn tối. Đến Hải Phòng thì trời sáng. Những đoàn xe không vào Hải Phòng chỉ chạy phía ngoài thành phố, để sang Kiên An. Xe đi ngã Thái Bình, đến Nam Định mới ra quốc lộ số 1 để vào Ninh Bình rồi Thanh Hoá. Đến trại số 5 lúc 9 giờ đêm.

Chúng tôi được suốt ngày 4-8-78 quan sát quang cảnh Miền Bắc.

Ấn tượng rõ ràng nhất của chúng tôi

là vẻ nghèo nàn tiêu tụy của thành phố cũng như nông thôn. Anh Nguyễn Toại, thẩm phán, nghị sĩ Thượng viện, người Miền Bắc, đã từng đi lại vùng Thái Bình, Nam Định, có nhận xét rằng nhà cửa ở thôn quê xem ra lại tệ hơn là hồi năm 1945. Hồi Pháp thuộc, 1945 trở về trước, hai bên đường còn có những căn nhà lớn của các địa chủ khá giả, nay thì những căn nhà lớn đó không còn, mà nhà cửa của lớp nghèo thì vẫn tiêu tụy như xưa hoặc tệ hơn xưa.

Có điểm mâu thuẫn là dọc đường đi chỗ nào cũng thấy có trụ điện giăng đường dây cao thế, nhưng nhìn vào nhà của mọi người thì không có dấu hiệu gì chứng tỏ có dùng điện. Đây cũng là một điểm chứng tỏ tính cách nô lệ của giới lãnh đạo Miền Bắc. Lénine có nói “xã hội chủ nghĩa là chính quyền Xô Viết +

điện khí hóa toàn quốc”. Giới lãnh đạo cộng sản miền Bắc rập theo công thức đó nên giăng đường dây điện tứ tung. Nhưng trình độ kinh tế hãy còn quá lạc hậu, các tiện nghi của đời sống không có gì, bóng đèn còn sản xuất không ra thì lấy đâu cho dân chúng xài điện. Và các nhà máy điện cũng khi chạy khi hư cho nên đường dây cao thế đưa về nông thôn có lẽ chỉ để chụp ảnh quay phim mà thôi.

Dọc đường thỉnh thoảng mới có một chiếc xe hơi, còn thì toàn là đi bộ, gánh gồng, đi xe thổ, và xe đạp. Ở Thái Bình, chúng tôi thấy những chiếc xe xích lô, có lẽ là từ năm 1956 còn lại, không có nệm xe, không sơn phết, vá víu bẩn thỉu trông như chiếc giẻ rách, hay như hàm răng sắp rụng, thế mà vẫn còn sử dụng. Không thấy một ai đi giày, chỉ toàn đi dép cao su hoặc đi chân đất.

Đường quốc lộ chật hẹp và đầy những ổ gà. Đường sá năm 1956 Pháp để lại thế nào thì nay cũng thế ấy và thiếu bảo trì nên hư hỏng nhiều.

Chúng tôi qua sông Hoàng Hà ở bến phà Tân Đệ.

Bến đò Tân Đệ mà các tác phẩm văn chương trước kia hay nhắc đến, nay là một bến phà tồi tàn, không có trái nổi (ponton), chỉ có con đường dốc xây xi-măng thẳng xuống nước, xe lên xuống phà thật là nguy hiểm, và xe rất dễ hư hỏng.

Thành phố Nam Định thì ngay dãy phố chính, nhà cửa cũ vẫn còn nhưng không được quét vôi đã nhiều năm và có nhiều nhà gạch mà mái nhà lại lợp tranh, chắc là vì chủ nhà nghèo quá, khi mái ngói hư không đủ sức lợp ngói trở

lại. Tại Nam Định, tôi không thấy dấu tích các vụ ném bom của Mỹ (trong khi ở Hải Phòng vẫn còn thấy) vì các dãy phố toàn là những nhà đã quá cũ, những nhà xây từ thời Pháp thuộc không bị đổ nát, chỉ có tồi tàn đi mà thôi. Dọc theo đường phố, không thấy có tiệm ăn nào ra hồn, chỉ có các hàng quán bán nước chè, thuốc lá, thuốc Lào, vài nải chuối, mấy gói bánh. Có một vài nhà mới xây cất thì hoặc là công sở, hoặc là cơ quan quốc doanh. Thành phố Nam Định chỉ gồm những gì từ đời Pháp để lại mà cũ kỹ, tiêu tụy đi rất nhiều.

Khi đến Ninh Bình, nhìn dãy núi Đá Voi, và nhất là khi qua đèo Tam Điệp để vào Thanh Hóa, tôi bồi hồi nhớ những bài học Sử Địa hồi con nhỏ. Đèo Tam Điệp thật là hiểm trở, núi cao chót vót, hùng vĩ, đường đèo quanh co, phong

cảnh thật đẹp. Địa thế như vậy cho nên ngày xưa chỉ một cánh quân trấn giữ là đại quân của kẻ thù không sao vượt qua được. Quân Mông Cổ muốn vào đánh Nghệ An, phải tính đường thủy. Quân nhà Thanh bị tướng Ngô văn Sở trấn đóng ở đèo Tam Điệp cũng không tiến thêm được về phía nam.

Qua khỏi đèo Tam Điệp là vào địa phận tỉnh Thanh Hóa. Cầu Hàm Rồng bắc ngang sông Mã Đà được xây cất lại. Đến tỉnh lỵ Thanh Hóa thì trời đã chiều. Xe lại rời khỏi quốc lộ số 1, rẽ tay phải, qua phà sông Chu để lên miền núi.

Trong đoàn xe, có nhiều xe chạy lạc, nhưng là chạy lạc cố ý, chạy lạc để bán xăng. Xe là đoàn xe quốc doanh tỉnh Quảng Ninh, mỗi xe chỉ có một tài xế, lái một mạch từ 1 giờ sáng đến 9 giờ tối không nghỉ. Họ cũng đói khát như chúng

tôi (chỉ ăn một chút bữa trưa). Họ chẳng thiết tha giữ gìn chiếc xe và khi nào có cơ hội thì bán bớt ít xăng để sống. Xe nào cũng có công an và cảnh vệ ngồi cạnh nên họ chẳng dám nói gì với chúng tôi. Nhưng tia nhìn của họ đối với chúng tôi có vẻ có cảm tình, và có anh đưa thuốc lá mời chúng tôi hút.

Đến phân trại B trại số 5 lúc 9 giờ đêm, làm thủ tục nhập trại mất hai tiếng đồng hồ. Vào đến trại là mệt nhừ, đói khát. Nghe cán bộ nói rằng trại đã chuẩn bị cơm tối cho chúng tôi rồi, nhưng chờ mãi không thấy. Mệt quá chúng tôi ngủ thiếp đi.

Sáng hôm sau, toán hình sự làm bếp đem cơm lên, cho biết đáng lẽ cho ăn đêm qua nhưng rồi ban Giám Thị lại đổi ý, đổi lại thành bữa ăn sáng. Nghe vậy chúng tôi tưởng là bữa trưa sẽ có ăn,

nhưng không, ngày hôm ấy, (5-8) cũng chỉ ăn bữa sáng và bữa tối thôi. Thế là thiệt mất một bữa cơm. Miền Bắc Cộng sản vẫn luôn tìm cơ hội để bớt cơm gạo của mọi người .

B. CON NGƯỜI MIỀN BẮC CỘNG SẢN

1. Điểm mà tôi cho là đáng để ý nhất ở con người Miền Bắc Cộng sản, là họ chẳng biết tự do là gì.

Hồi ở trại Quảng Ninh, có một cán bộ khoảng ngoài hai mươi tuổi hỏi tôi về đời sống trong Nam trước kia về thủ tục đăng ký để có hộ khẩu. Tôi nói không có vấn đề đăng ký để có hộ khẩu, ai muốn ở đâu thì ở. Tên cán bộ này hỏi ngay rằng thế thì gạo đâu mà ăn. Tôi cho biết rằng

gạo trong Nam thì mua rất dễ, ra tiệm tạp hóa ới một tiếng là người ta cho xe ba gác chở cả bao gạo lại tận nhà cho mình. Tên này nhất định không tin, cho là tôi nói láo. Không thể có chế độ nào lại như thế được. Nhất định là phải có hộ khẩu mới có gạo, và làm sao Miền Nam mà dân muốn ở đâu thì ở. Tôi nói thêm là dù trong chiến tranh, dân Miền Nam đi lại từ tỉnh này qua tỉnh khác chỉ bằng giấy căn cước có sẵn mà thôi, không phải xin phép gì cả. Thì tên cán bộ nổi nóng, xẵng giọng nói với tôi rằng “anh đừng có tuyên truyền tôi về chế độ Miền Nam”.

Chao ới, một sự thật rõ ràng như thế mà tên cán bộ Cộng sản Miền Bắc không hiểu được. Sự tự do cư trú, tự do đi lại, đối với chúng ta chỉ là những cái gì rất bình thường, nhưng tên cán bộ trẻ tuổi mà đời sống từ nhỏ đến lớn ở trong chế

độ Cộng sản Bắc Việt thì không thể nào quan niệm nổi có một xã hội như thế.

2. Tinh thần đã vậy, đời sống vật chất lại thật tội nghiệp. Khi kiểm soát quà của chúng tôi từ Miền Nam gửi ra, các cán bộ đều tỏ ra ngớ ngẩn què mùa chẳng biết gì về các thức ăn. Lần nhận quà đầu tiên, khi kiểm soát, cầm gói lạp xưởng, họ không biết là thứ gì, vì từ khi lớn lên họ có nhìn thấy bao giờ đâu. Cầm cuộn giấy vệ sinh, họ nắn bóp, đưa lên mũi ngửi rồi hỏi chúng tôi thứ ấy để làm gì. Khi nghe trả lời rằng đó là giấy vệ sinh, xử dụng khi đi tiêu, họ trợn mắt nhìn chúng tôi, kêu lên: Họ không thể quan niệm được rằng có nhu cầu về giấy vệ sinh, xử dụng lúc đi tiêu. Đối với họ, dùng lá chuối, dùng nước, hay giấy cũ, gấp gì dùng đó, chứ sao lại có thể làm một cuộn giấy đẹp

đẽ như thế, gửi từ trong Nam ra, chỉ để dùng vào việc... chùi đít!

Có một anh bạn trong đám chúng tôi có cái túi xách Air Việt Nam, mấy tên cán bộ nhìn thấy cho là đẹp quá, hỏi mượn khi đi phép. Anh bạn chúng tôi, trước làm đại diện Air Việt Nam tại Pleiku, biểu luôn cái túi xách và nói rằng thứ này là của hãng Hàng Không Việt Nam trước kia thỉnh thoảng tặng hành khách để quảng cáo. Nghe thế, họ cũng nghi ngờ vì nghĩ rằng cái thứ túi xách trông đẹp và sang thế kia, sao lại có thể đem biểu không. Phải, trong một xã hội mà cái lon guigoz cũ bán rất được tiền, thì việc biểu không chiếc túi xách như thế quả là khó hiểu.

3. Tinh thần, vật chất như vậy nhưng lại hay nói, hay khoe. Cái gì cũng muốn

tỏ ra mình biết, hơn nữa, mình là nhất. Rất tự cao tự đại, nhưng cũng đầy tự ti mặc cảm.

Phần lớn các tên cán bộ lúc nào cũng nghênh ngang, tự cho mình là thầy, nhân danh “Cách mạng” giáo dục mọi người. Vấn đề đáng nói trong vài phút thì nói thành hàng giờ. Quanh đi quẩn lại, lúc nào cũng ”ba dòng thác Cách Mạng”, ”ba cuộc Cách Mạng”, ”tiến nhanh tiến mạnh tiến vững chắc lên xã hội chủ nghĩa”...

Đối với chúng ta, nếu chúng ta kể một câu chuyện gì, trình bày một vấn đề gì, mà biết rằng trong số người ngồi nghe có một người biết vấn đề ấy rồi, ta đã thấy ngượng nói, hoặc mất hứng thú. Nhưng cán bộ Cộng sản có cái đặc biệt là nói dài dòng, nói hăng hái về một vấn đề mà chúng đã nói quá nhiều lần, chắc chắn là cử tọa ai cũng biết rồi, mà vẫn

không ngưng miệng chút nào.

Luôn miệng khoe khoang “xã hội chủ nghĩa bách chiến bách thắng”, nhưng đầy tự ti mặc cảm về tình trạng nghèo đói, lạc hậu của Miền Bắc. Một hôm tại trại Quảng Ninh, đến bữa ăn, Hoàng Xuân Hoa bưng chén canh rau muống nói rằng “báo Nhân Dân có nói rau muống bổ lắm đấy”, thì một tên cán bộ đứng gần đấy giật mình, nhìn trừng vào anh Hoa nói giọng gay gắt: “Các anh đừng có nói xỏ nói xiêng. Miền Bắc cái gì cũng có, cái gì cũng tốt.”

Trong đợt viết khai báo năm 1978 ở Quảng Ninh, chúng tôi được phổ biến là không được dùng ngoại ngữ, nếu bắt buộc phải dùng thì phải phiên âm ra tiếng Việt và giải nghĩa cho rõ ràng. Sau đó, giữa một cuộc tập hợp ngoài sân, một cán bộ gọi một anh trong chúng tôi

đứng lên và xỉ vả nặng lời vì viết ngoại ngữ mà không giải nghĩa. Anh này trả lời rằng chữ ngoại ngữ đó là tiếng Pháp, chữ Toulouse, anh đã phiên âm thành Tu-lu rồi, và đó chỉ là chỗ cư trú của vợ anh nên anh nghĩ là không cần giải nghĩa. Chúng tôi nhìn nhau phì cười. Quả thật thân phận thằng tù, thân phận kẻ thua trận, ai muốn xỉ vả mắng chửi thế nào cũng được.

Tại phân trại A trại số 5 Thanh Hoá thì có câu chuyện “Hé ne ne”. Một cán bộ gốc người Thái Bình, thường đọc chữ l ra n, một hôm vào phát thư, hỏi anh nào có vợ tên là “Hé ne ne”. Cả phòng giam ngơ ngẩn không biết. Sau anh ta đưa lá thư cho một người xem. Thì ra đó là thư của Hélène.

Nhưng cán bộ Miền Bắc vẫn muốn tỏ ra ta đây hiểu nhiều biết rộng. Cho

nhên có tên bảo đội văn nghệ khi hát phải có người ”bát pơ luya” (battre mesures nhưng nói thành pelure). Và giảng về lịch sử nước Pháp rằng Napoleon đánh đâu thắng đó nhưng qua đến Việt Nam thì thua, chết trận trên dãy Trường Sơn của ta.

Tất nhiên không phải tất cả những người Miền Bắc đều có trình độ như vậy. Điều tôi muốn nói là những cán bộ có trình độ như thế, nói năng như thế đã được Đảng giao phó nhiệm vụ gọi là giáo dục cải tạo đám trí thức chúng tôi, theo như tuyên truyền của Cộng sản nói rằng chúng tôi không phải là đi ở tù mà đi học tập. Và trong khi những cán bộ nói năng như thế, họ vẫn tưởng là họ đang dạy chúng tôi. Quả là sự bạo dạn lạ lùng của kẻ ngu dốt ở trong một chế độ áp dụng chính sách ngu dân.

Cả chế độ nói láo trong mấy mươi năm cho nên cán bộ cộng sản nói láo rất quen, không hề ngượng miệng. Hồi chúng tôi mới ra Bắc, sau thời gian 3 tháng, có cán bộ Bộ Nội Vụ về phổ biến việc viết thư. Họ cấm chúng tôi viết bất cứ câu gì để lộ ra rằng đang ở ngoài Bắc. Họ giải thích lý do như sau:

– Chúng tôi không bắt các anh phải dấu diếm gì. Chúng tôi không cho các anh báo cho gia đình biết mình đang ngoài Bắc chỉ vì ngại rằng vợ con các anh sẽ kéo nhau ra đây thăm mà chúng tôi chưa tổ chức kịp phòng tiếp khách ở trại này cho chu đáo.

Tôi không hiểu tại sao họ lại nói láo một cách ấu trĩ như thế. Mà nói rất tự nhiên, không ngượng. Ai cũng biết rằng vợ con chúng tôi còn khuya mới có thể xin được giấy phép ra Bắc trong khi nhà

nước chưa có chủ trương cho đi thăm.

Tôi đã nhiều lần chứng kiến cảnh cán bộ trại giam, hoặc cảnh vệ đánh đập tàn nhẫn những người tù hình sự trong khi những tên cán bộ khác ngồi chung quanh coi đó là việc bình thường, tiếp tục những câu chuyện vớ vẩn hay là cười đùa như thể trước mắt đang có chuyện vui.

Tại phân trại C trại số 5 Thanh Hoá, hồi năm 1979, tôi thấy một người tù hình sự bị đánh đập tàn nhẫn vì tội ăn cắp sản trong khi đi làm lao động, sau đó bị buộc phải ăn cho hết chỗ sản đã nhổ lên, ăn sống và ăn cả vỏ. Người tù hình sự (thường họ nhổ trộm sản ăn vì quá đói) vừa khóc vừa ăn vừa bị đánh đập rồi bị ngộ độc vì vỏ sản. Ba tên cảnh vệ ngồi nói chuyện tự nhiên như thường trước cảnh tượng ấy. Ngày hôm sau, chúng tôi

chúng kiến mấy tên cảnh vệ, trong số có tên vừa đánh đập người tù hình sự hôm qua, đi nhử trộm sản (là “tài sản xã hội chủ nghĩa” mà chúng “có bốn phận bảo vệ”) nấu ăn riêng, gặp lúc tên thủ trưởng đi ngang ngoài đường, vội vàng vụt dấu chỗ sản ăn cắp. .

Bên các đội tù hình sự có một anh mắc chứng kinh phong, thỉnh thoảng lên cơn ngã vật ra trên đường, giật tay chân, trợn trừng mắt, sùi bọt mép. Thế mà mấy tên cảnh vệ coi việc ấy như không, cứ để anh ta nằm giữa đường, không nghĩ gì đến việc săn sóc và cũng không cho ai săn sóc. Đành rằng việc động kinh của anh này đã xảy ra nhiều lần, nhưng với những con người bình thường trong chúng ta, ít nhất theo phản ứng tự nhiên, chúng ta cũng khiêng anh đi kiếm chỗ

nằm, bôi tí dầu chứ chẳng thể đứng tự nhiên mà nhìn được.

Trại giam nào cũng có đàn trâu bò để kéo cày và khi phế canh thì đem làm thịt. Chúng tôi để ý thấy hầu hết trâu bò đều bị đứt mũi. Đối với nông dân Việt Nam, con trâu là con vật được cưng nhất, nó là chỗ sống của cả gia đình. Thế mà trâu trong trại giam Miền Bắc, vì là thú của chung không ai lo, thường bị bỏ đói mà cứ bắt đi cày, kéo cày chậm, thì bị đánh đập và giật dây mũi cho đến đứt mũi. Ở Quảng Ninh, chúng tôi đã thấy trường hợp một con trâu cái bụng chứa gần đẻ mà phải đi kéo cày, đang kéo cày bị đánh đập thì sổ ra con trâu nghé. Con trâu nghé mới sinh bị lọt xuống một vũng lầy. Đội chúng tôi đi ngang trông thấy vội vàng chạy đến bế nó lên và trách các anh tù hình sự sao lại để nó đẻ như thế.

Các anh tù hình sự cười và bảo chúng tôi rằng “các chú chỉ vớ vẩn, chúng cháu còn mong cho nó chết đi để ăn thịt”.

Thành thực mà nói, có lúc trời rét và trong cơn đói, chúng tôi cũng có lần thầm mong có con trâu chết rét (chuồng trâu rất trống trải và đầy phân và nước tiểu; có chỗ không có mái che) để được ăn miếng thịt trâu chết. Nhưng chúng tôi không sao đành tâm thấy con người hành hạ súc vật như thế. Thà rằng giết thịt thì giết ngay cho nó chết nhanh chóng. Kiếp sống trâu cày vốn đã khổ, trâu cày Miền Bắc lại càng khổ, con trâu cày ở trại cải tạo Miền Bắc thì luôn luôn bị hành hạ tàn nhẫn. Mà những người tù hình sự và những cán bộ trại giam dường như không hề ý thức rằng họ đang hành hạ súc vật. Bầy trâu sứt mũi đối với họ là một cái gì không đáng để ý. Tính tàn

nhẫn đối với họ, đã trở thành một cái gì bình thường, tự nhiên.

Lúc nào cán bộ cộng sản cũng có vẻ rất bén nhạy khi ai nói xa nói gần động đến “Bác” và “Đảng” của chúng. Nhưng chúng lại có vẻ rất coi thường khi có những việc tàn nhẫn xảy ra trước mắt.

5. Trước đây tôi vẫn nghĩ rằng tập thể Cộng sản là một tập thể rất kỷ luật, nhờ thế mà họ chịu đựng được chiến tranh trong mấy mươi năm. Sau mấy năm ở Miền Bắc, tôi nhận thấy rằng, họ chỉ có kỷ luật về chính trị thôi, còn các phương diện khác, họ rất vô kỷ luật.

– Về chính trị, chắc chắn là không ai dám nói động đến “Bác” và “Đảng”, hoặc động đến “Bác” và “Đảng” là phải “hoan hô”, “muốn năm” không thể là đi cải tạo ngay lập tức. Nhưng trong sự phối hợp

làm việc thì rất vô kỷ luật. Nghe trên báo chí tuyên truyền việc trong rừng âm ỹ như thế, nhưng hồi ở Quảng Ninh, trại có một xưởng mộc. Anh em làm mộc được nghe nói về tình hình lâm sản Miền Bắc mới biết là nạn dân chúng phá rừng bừa bãi đã khiến cho Miền Bắc nay không còn gỗ tốt nữa.

– Trong chuyến đi từ Quảng Ninh đến Thanh Hóa, chúng tôi thấy các tài xế chạy xe rất vô kỷ luật. Cùng một đoàn xe với nhau mà không chịu nhường nhau, chạy song song trên những đoạn đường vừa hẹp vừa xấu. Mạnh ai nấy kiếm có chạy riêng để rút xăng trong xe ra bán xài riêng.

– Trại số 5 Thanh Hóa có cái đập nước để phân phối nước tưới ruộng và các vườn rau của trại, thì cán bộ của các đội cứ phá nhau, ai cũng chỉ biết lấy nước

về thuận tiện cho đám đất của đội mình, tranh giành dòng nước và tháo nước, phá đập, phá cống, phá mương của nhau mà chẳng ai nghĩ đến việc điều hòa dòng nước.

Đó không phải là hiện tượng riêng lẻ ở một vài nơi. Chúng tôi đọc thấy ngay trên báo Nhân Dân, và khi về Sài Gòn, nghe mọi người nói đến lề lối làm việc của các cơ quan nhà nước Cộng sản, thì thấy ở đâu cũng thế cả. Họ cứ làm việc kém cỏi, vô kỷ luật như thế, mà chế độ xã hội chủ nghĩa lại ôm hết công việc xã hội vào tay nhà nước, cho nên kinh tế lụn bại là phải. Nhưng chính quyền vẫn cứ thế mà cai trị, vì đó là thứ chính quyền xô-viết, rất có kinh nghiệm trong việc cướp và nắm chính quyền.

Tên Thiếu tá Thủ trưởng trại Quảng Ninh lần nào đến nói chuyện với chúng

tôi trong các khoa khai báo năm 1978 cũng nhắc đến lời Hồ Chí Minh trong thời chiến: “Nay Johnson, quân đội Mỹ hãy rút về đi thì có hòa bình ngay lập tức”. Tên này nhắc mãi câu ấy, mà không để ý rằng câu ấy đến năm ’78 đã sai bét rồi vì sau khi Mỹ rút đi thì Cộng sản chiếm Miền Nam rồi chiến tranh với Campuchia chứ đâu có hòa bình. Nhưng hễ là lời của Hồ Chí Minh thì cứ nhắc, vì nhất định đó là “chân lý sáng ngời” rồi.

Có người vào đến Miền Nam, khi trở về Miền Bắc lại nói láo về Miền Nam.

Gặp tên cán bộ muốn chứng tỏ Miền Bắc hơn Miền Nam thì tìm cách chê bai Miền Nam đồi trụy, gái Miền Nam toàn là đĩ điếm. Có tên nói với chúng tôi rằng “có chức tước như các anh thì vợ các anh toàn phải ngủ với cố vấn Mỹ cả rồi mới

được lên chức như vậy, nay vợ các anh đều bỏ các anh cả rồi”.

Nhưng cũng có tên vào Miền Nam, thấy khoái quá, trở ra Bắc thổi phồng tình trạng trong Nam lên. Một anh trong chúng tôi vì đau mắt – mắt sắp mù, chúng cho ra nằm bệnh viện Quảng Ninh. Khi về, anh thuật chuyện một tên bộ đội cộng sản phục viên (giải ngũ) vì bị thương trong chiến tranh biên giới với Campuchia, đã từng nằm bệnh viện Chợ Rẫy Sài Gòn, rồi về nằm bệnh viện Hòn Gay, kể chuyện Miền Nam. Tên này, sau khi hết lời ca tụng bệnh viện Chợ Rẫy và mạt sát các bệnh viện Miền Bắc, đã nói rằng, xa lộ từ Quảng Trị vào đến Saigon có bề rộng lẽ 60m, nhân dân Miền Nam nhà nghèo cũng có vài chục lượng vàng, còn nhà giàu thì có cả tấn vàng. Khắp nông thôn đâu cũng có điện, nhà máy

điện Uông Bí ngoài Bắc nếu đem vào Nam chỉ đáng cho vào sọt rác... Chúng ta biết đời sống Miền Nam hơn Miền Bắc rất nhiều nhưng không phải ai cũng có vàng, và quốc lộ số 1 làm gì có rộng đến 60m...

Khi nghe những lời khen chê về Miền Nam, Miền Bắc, tôi thấy thật đau xót cho dân tộc Việt Nam. Mấy chục năm qua Cộng sản không để cho ai kiến thiết xây dựng, mãi mê theo đuổi đường lối chiến tranh, tạo ra cả lớp người chỉ biết nói lếu láo bậy bạ, làm sai lạc cả mọi việc, chỉ sở trường về phá hoại, xuyên tạc. Và tôi nghĩ vấn đề truyền thông quả là quan trọng.

6. Tôi nghĩ là người Miền Bắc thật sự đã chán chế độ lắm rồi. Không thể có một cuộc điều tra kiểu Gallup ở Miền Bắc nên chẳng ai có thể đưa ra được những

con số bao nhiêu phần trăm nghĩ gì về chế độ hiện tại. Nhưng những người tù hình sự Miền Bắc mà chúng tôi được gặp, những người bà con của anh em chúng tôi sống ở Miền Bắc, và ngay cả những cán bộ cộng sản khi có dịp nói chuyện riêng tư, cũng thường để lộ ra sự chán nản.

Hồi ở trại Quảng Ninh, có một cán bộ trẻ tâm sự với chúng tôi:

– Các anh dù sao cũng còn có thời hạn ở trong trại này, chứ tôi thì ở đây chẳng biết đến bao giờ.

Hồi Trung quốc đánh Bắc Việt, các cán bộ mất tinh thần rõ rệt. Mãi mười năm chiến tranh, họ đã được nghe truyền nhiều về “Trung quốc vĩ đại” và thực tế là trong chiến tranh, họ đã ăn gạo Trung quốc, xe cộ di chuyển toàn là của

Trung quốc, súng ống đạn dược, máy truyền tin, chiến thuật du kích... toàn là của Trung quốc. Nay bỗng chốc nghe Trung quốc đánh sang, họ lo sợ cũng là chuyện thường tình. Trong giai đoạn cuối năm '78, cán bộ trại giam phải bớt người để đưa đi phục vụ ở các tỉnh biên giới, tên nào bị đổi đi trong đợt ấy cũng mặt mày xanh xám.

Vì chán ngấy những thú văn nghệ tuyên truyền mà giọng điệu chẳng có gì thay đổi, người Miền Bắc rất thích nhạc Miền Nam và cải lương Miền Nam. Hồi ở Quảng Ninh, có lần chúng tôi bắt gặp một nhóm cán bộ kiểm đầu được cái cassette, mở nghe nhạc Phạm Duy, nhưng thấy chúng tôi đến, thì họ vội vàng tắt máy. Các cô tù hình sự mỗi khi đi ngang chỗ chúng tôi, cứ cao giọng hát bản

Chiều Mưa Biên Giới. Và họ rất chịu khó tập hát sáu câu vọng cổ.

Tại trại Quảng Ninh cũng như trại số 5 Thanh Hoá nhiều lần chúng tôi nghe những người tù Miền Bắc trách móc chúng tôi:

– Các chú trong Nam cái gì cũng giỏi, nhạc thật hay, đời sống sung sướng, mà các chú chỉ lo ăn chơi làm Miền Nam sụp đổ; nay các chú thì ở tù mà chúng cháu chẳng còn hy vọng Miền Nam giải phóng Miền Bắc được nữa.

Tôi không nghĩ những người nói như vậy thuộc về thiểu số. Đã có nhiều người ở Miền Bắc vào Nam gặp bà con tâm sự về nỗi thất vọng của họ khi Mỹ ngưng ném bom Miền Bắc. Trước đó, họ đã nghĩ rằng Miền Nam thế nào cũng đánh ra Bắc, màn ném bom chỉ là màn

đầu. Nhưng tấn tuồng đã kết thúc bằng việc những người Miền Bắc vào Miền Nam trong tư thế kẻ chiến thắng mang tâm tư buồn bã vì thấy chế độ Cộng sản vẫn còn tiếp tục.

Chế độ đã làm cho người ta quá chán, chán đến nỗi chấp nhận cả việc Mỹ ném bom trên đầu mình để mong có sự thay đổi. Nhưng mọi người đã thất vọng, và đã chán ngấy, vẫn phải hoan hô Bác và Đảng nếu không muốn bị đi cải tạo muộn năm.

C. XÃ HỘI MIỀN BẮC CỘNG SẢN

Trong mục này, tôi không có ý phê bình tổng quát về xã hội Miền Bắc. Tôi chỉ muốn nêu lên vài điểm mà tôi nhận thấy được trong mấy năm ở tù. Muốn

phê bình chung về xã hội Miền Bắc, cần phải thu thập nhiều dữ kiện mà hiện tôi không có.

1. Điểm nhìn thấy ngay trước mắt, thật rõ ràng cụ thể là nhà tù quá nhiều.

Tại Thanh Hóa, các cán bộ trại giam nói chuyện với chúng tôi có cho biết là trong tỉnh có bốn trại cải tạo. Trại chúng tôi ở có tên là trại số 5. Tôi không biết là cán bộ trại giam có rút bớt đi một trại hay không, nhưng ta cứ tạm chấp nhận là có bốn trại cải tạo trong tỉnh Thanh Hóa. Riêng một trại số 5 đã có ba phân trại, mỗi phân trại cách nhau chừng năm cây số. Vùng đất dành cho mỗi phân trại canh tác rất rộng. Hình ảnh, vị trí các trại giam đúng như kiểu “quần đảo Goulag”. Buổi sáng ra đi làm lao động thấy nhan nhản những tù là tù. Đội này đội kia, mặc toàn quần áo xanh có đóng

dấu, thân thể gầy gò, vác cuốc gánh phân dưới sự kìm kẹp của những tên cán bộ đội nón cối, mặc áo vàng đeo súng. Phân trại B và phân trại C, mỗi phân trại chứa lối 1,000 tù nhân. Trong số 2,000 tù nhân ở hai phân trại B và C, có lối 500 người chính trị phạm tức là nhóm chúng tôi, còn lại 1,500 người là tù hình sự. Phân trại A là nơi có Bộ Chỉ huy trại đóng tại đó, được coi là trại chính, chứa lối 3,000 tù nhân cả nam lẫn nữ. Trong số 3,000 này, có khoảng 1,500 là cựu sĩ quan Quân Lực VNCH, anh em Biệt Kích và một ít chính trị phạm Miền Bắc, còn lại 1,500 là tù hình sự, đã số là nữ. Mỗi phân trại đều chia thành hai khu: khu A và khu B. Khu A dành cho chính trị phạm, khu B dành cho hình sự. Cả hai khu đều sống như nhau, dưới một ban Giám Thị chung.

Như vậy riêng một trại số 5 đã có

5,000 tù (2,000 chính trị phạm + 3,000 hình sự). Nếu tính các trại kia cũng cỡ như vậy (tôi nghe nói trại Cẩm Thủy còn lớn hơn nhiều) thì bốn trại ở Thanh Hóa chứa lối 20,000 tù nhân. Một tỉnh thôi, đã có 20,000 tù nhân.

Ta có thể so sánh với chế độ Việt Nam Cộng Hòa trước kia, các Trung Tâm Cải Huấn tính ra chỉ chứa được từ 500 đến 1,000 người. Tỉnh Kiến Hòa chẳng hạn, thuộc loại tỉnh lớn ở Miền Tây, mà Trung Tâm Cải Huấn chỉ có nhân số lý thuyết là 500, khi nào số tù trong Trung Tâm lên đến 700 là Hội đồng Tỉnh đặt vấn đề giải tỏa rồi. Vậy mà một tỉnh Thanh Hóa dưới chế độ Cộng sản đã có lối 20,000 tù

Tôi nghĩ rằng số tù nhân cả Bắc lẫn Nam Việt Nam bấy giờ chắc không thể nào dưới 1 triệu, trong số đó ít ra phải có trên nửa triệu là tù chính trị (tại Miền

Nam thì chinh trị phạm nhiều hơn tù hình sự rất nhiều).

Cộng sản chiếm Miền Nam không thấy xây dựng thêm cái gì ích lợi, nhưng nhà tù thì được xây dựng thêm rất nhiều. Tỉnh nào cũng phải có ba, bốn nhà tù trở lên, mà mỗi nhà tù có sức chứa ba, bốn ngàn tù nhân là thường.

Nhà nước chẳng phải bận tâm vấn đề ngân sách vì tất cả tù nhân đều phải làm lao động sản xuất và thường xuyên ăn đói. Tôi nghĩ rằng các trại cải tạo có thể là những khoản thu của ngân sách chứ không phải là khoản chi. Năng suất của tù thì chắc chắn là thấp, vì chẳng mấy ai hăng hái làm khổ sai dưới mũi súng của những tên nóm cồi. Ngoài ra trại phải nuôi một số cán bộ và cảnh vệ, số này không lao động sản xuất. Tuy nhiên, tôi nghĩ cả trại cải tạo vẫn có thể nộp vào

cho ngân sách vì sự chi tiêu cho tù nhân lại quá ít, tù nhân luôn luôn bị bỏ đói và rách rưới. Người tù nào cũng phải làm quần quật sáu ngày một tuần lễ dù năng suất có thấp đến đâu cũng phải đủ ăn mặc cho một thân mình. Đảng này lao động như thế, mà không phải nuôi gia đình ngược lại gia đình còn phải gửi thêm thức ăn, mà vẫn đói rách, thì tất Đảng và nhà nước đã có thủ lợi, đã có bóc lột sức lao động của tù nhân rồi. Còn nếu nhà nước Cộng sản không có thủ lợi trên các trại cải tạo thì điều đó chứng tỏ rằng hệ thống xã hội chủ nghĩa là quá tồi tệ vì đã bắt mọi người làm việc cực nhọc như thế mà không đem lại kết quả gì về kinh tế tài chánh cả.

Số phụ nữ ở tù cũng là điều đáng chú ý. Trước kia trong Nam, chỉ có trại Nữ Tù Nhân ở Thủ Đức, còn các trại Cải Huấn

tỉnh thì số nữ tù rất ít . Ra đến Miền Bắc, thấy trại Quảng Ninh và trại số 5 Thanh Hóa đều có số nữ tù rất đông. Họ cũng phải đi lao động, làm việc nặng y như tù nhân đàn ông. Đa số nữ tù nhân phạm tội buôn bán chui, trộm cắp, điếm.

Trái với những lối tuyên truyền của Cộng Sản, trái với lý thuyết Marx cho rằng trộm cắp điếm là sản phẩm của chế độ tư bản, một khi xã hội đã bước sang chế độ xã hội chủ nghĩa thì các tệ nạn xã hội sẽ được xóa bỏ vì tính cách ưu việt của chế độ mới. Thực tế Miền Bắc cho thấy rằng, sau mấy mươi năm thực hiện xã hội chủ nghĩa và đã “hoàn thành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về cơ bản”, các tệ trạng xã hội lại càng trầm trọng hơn. Cho nên số tù nhân hình sự cả nam lẫn nữ đã gia tăng quá nhiều so với trước kia, và chẳng có dấu

hiệu gì chứng tỏ có thể giảm bớt.

Trong số nam tù nhân, có một số phạm tội đào ngũ. Nạn đào ngũ hiện đã lan tràn trong bộ đội cộng sản Việt Nam. Chúng tôi đã gặp những người tù hình sự cho biết họ đã đào ngũ trong Nam, hồi chiến tranh biên giới với Campuchia trong năm 77, 78 và bị bắt giải về Miền Bắc. Họ nói trước kia tưởng năm 1975 thế là xong, không ngờ nay lại tiếp tục chiến tranh không biết đến bao giờ. Họ nói thà đào ngũ để ở tù mà còn mạng sống, còn hơn là phải chết trong chiến tranh liên miên như thế.

Mỗi năm, nhân dịp, lễ 2-9, chúng cho “ân xá” một số tù hình sự. Cuối năm 1979, tại phân trại C trại số 5 Thanh Hóa, chúng tổ chức lễ ân xá cho khu hình sự có vẽ “đình đám”, để thả chùng trên 10 người. Hồi kỹ lại thì thấy những người

được thả, toàn là đã quá hạn tù cả rồi. Danh từ ngoài Bắc dùng lạ lùng thế đấy. Án tù 5 năm, người ta đã ở tù 6 năm mới được thả mà gọi là ân xá.

2. Lối làm việc tập thể ở Miền Bắc là lối làm việc thật là cầu thả, thật là phí phạm.

Gần phân trại C, trại số 5 Thanh Hoá, có một khu đất rất rộng, có lẽ đến hàng chục mẫu của một Hợp tác xã ở gần đấy. Khu đất được dùng để trồng mè, nhưng không ai săn sóc nên cỏ và các cây dại khác chiếm đến 2/3, còn các cây mè bị lu lấp không lớn nổi, trái rất ít mà hạt mè thì lép cả. Đứng nhìn khu đất rộng mênh mông đầy những cây hoang, tôi không thể tưởng tượng được người ta có thể phí phạm đến thế trong khi còn quá thiếu thốn. Hỏi thăm thì được biết rằng đã số xã viên Hợp Tác xã thấy làm cho Hợp Tác

xã để lãnh tiền theo công điểm thì chẳng được bao nhiêu, mà đi buôn chui thì lời hơn nhiều, nên họ chỉ làm cho Hợp Tác xã một tháng mấy ngày công gọi là để giữ chân xã viên cho hợp lệ về hộ khẩu thôi, còn phần lớn thời giờ được dùng đi buôn bán riêng kiếm ăn. Cho nên Hợp Tác xã không đủ nhân công khai thác đất đai đã được phân phối. Thế mà đọc báo Nhân Dân thì thấy nói tỉnh Thanh Hóa là nơi tình trạng các Hợp Tác xã Nông Nghiệp rất là tốt đẹp.

Hồi ở Quảng Ninh, có lần chúng tôi chứng kiến cảnh một Hợp Tác xã ra đồng gặt lúa. Đa số thợ gặt là đàn bà, có người phải đeo con dại trên lưng. Có một thanh niên thôi, thì người này có lẽ là người duy nhất, có học trong đám, nên được đứng trên bờ cầm sổ sách ghi công điểm, không phải lội xuống ruộng.

Một lũ trẻ con khoảng từ 10 đến 13 tuổi đứng đầy bờ ruộng, chuẩn bị đi mót lúa sau khi gặt. Toán thợ gặt được dàn hàng ngang, có cầm cờ, có giảng biểu ngữ, sau khi nghe chàng thanh niên nói một hơi rồi cho lệnh xuống ruộng, thì tất cả bước xuống ruộng, theo hàng ngang vừa gặt vừa tiến lên. Họ gặt rất nhanh. Toán gặt vừa đi đến nửa đám ruộng thì đám trẻ con đã bắt đầu ào xuống mót lúa phía sau. Khi đem lúa lên thì thấy số lúa gặt đem về cho Hợp Tác xã lại ít hơn số lúa mà đám trẻ con đã mót được. Theo nội quy trại giam thì chúng tôi không được tiếp xúc với dân chúng bên ngoài, nhưng có vài anh bạo dạn tìm cách giả vờ đến xin nước uống để lân la hỏi vài câu. Nhờ đó chúng tôi được biết rằng đám trẻ con kia toàn là con cháu những người thợ gặt, nên họ đã cố ý chừa lại cho đám trẻ con mót được nhiều lúa. Họ nói rằng gặt

đem về Hợp Tác xã cho nhiều, thì nhà nước bắt nộp nghĩa vụ nhiều, đóng thuế cao chứ mình có được hưởng đâu. Để cho con cháu mót lúa đem về thì được hưởng ngay toàn vẹn số lúa mót được, mà Hợp Tác xã lại đỡ phải nộp nghĩa vụ. Họ nói rằng phần lớn các Hợp Tác xã đều làm ăn kiểu đó chứ nếu cứ thật thà thì chết với nhà nước .

Đi ra lao động tập thể, lúc nào cũng cờ quạt, biểu ngữ, đánh trống, hô khẩu hiệu, làm như ra quân đánh trận ghê gớm lắm, nhưng thực chất là làm việc như thế đó.

Cộng sản rất thích dùng chữ “chống”. Quanh năm lúc nào cũng hô hào “chống”. Khẩu hiệu chính trị, thì chống Pháp, chống Mỹ, chống Trung Hoa, chống phản động. Khẩu hiệu hành chánh thì chống tham ô lãng phí, chống cửa quyền, chống

chây lười... Đến trời đất, thiên nhiên họ cũng chống. Mùa hè hô hào chống hạn hán; mùa thu họ chống lụt, chống ung, chống bão; mùa đông họ chống rét. Lúc nào họ cũng nói, giọng gầy gù. Trước kia ta chỉ nói phòng bão lụt, đề phòng hạn hán. Nếu đã xảy ra bão lụt rồi thì ta nói cứu trợ nạn nhân bão lụt; nếu đang hạn hán, thì ta dùng máy bơm nước hoặc khai kinh đưa nước vào. Thế thôi. Với Cộng sản thì cái gì cũng chống.

Tuy vậy, trong lãnh vực kinh tế, miệng họ chống dữ dội như thế, nhưng làm thì chẳng ra gì đâu. Nói chống hạn hán nghĩa là dân chúng vẫn gấu sòng gấu giai mà tát nước đầy thôi, các trạm bơm nay hư mai hỏng chẳng mấy khi dân chúng được nhờ, và thực ra cũng chẳng có được mấy trạm bơm. Chống bão có nghĩa là lấy tre nẹp chặt các mái nhà lại, thế thôi.

Chống rét thì dường như chẳng có công tác gì thực tế, chỉ là bắt dân chúng dù thiếu áo ấm cũng cứ phải đi làm trong trời rét. Còn lũ lụt thì có lẽ có vấn đề hộ đê sông Hồng Hà mà ông bà ta đã làm cả ngàn năm về trước chứ chẳng có gì mới lạ. Nói chống bão lụt, những năm 1978 vẫn phải kêu cứu xin quốc tế viện trợ, và lại có cơ đồ thừa tại bão lụt nên không thực hiện được kế hoạch ngũ niên.

3. Đời sống tinh thần rất là buồn tẻ. Chính sách ngu dân, bưng bít đã làm cho mọi người tự cao tự đại, tưởng mình là trung tâm thế giới trong khi khả năng thực sự chẳng có gì. Báo Nhân Dân, Quân Đội Nhân Dân, nếu đem phát hành trong một xã hội tự do thì chắc chắn chẳng ai mua vì quá khô khan và chỉ ca tụng chính quyền.

Có lần tôi đọc trên báo một bài thơ của Xuân Diệu ca tụng khoai lang Ban Mê Thuật, và một bài tùy bút cũng của Xuân Diệu. Bài thơ viết thật ngộ nghe rõ ràng là không có chút rung cảm nào. Còn bài tùy bút thì toàn là những câu khẩu hiệu và những câu trong các tài liệu học tập chấp lại, đọc lên nghe như bài văn của một kẻ mất trí viết lung tung không đầu không đuôi.

Miền Bắc chống nhạc Miền Nam, chống nhạc jazz, nhưng bây giờ các loại nhạc này được phổ biến khắp nơi và được thanh niên rất ưa chuộng. Trong lý luận văn nghệ Miền Bắc cho rằng phẩm chất, nội dung văn nghệ là do xã hội mà ra. Nhưng trong khi chủ trương văn nghệ phải phục vụ cách mạng, phục vụ giai cấp, thì đối với nhạc Tây phương, họ lại chỉ chơi nhạc cổ điển là loại nhạc

của giới quý tộc Âu-châu trong các thế kỷ trước, và chối bỏ nhạc jazz là thể nhạc rất phóng túng của những người da đen. Thành thử miệng nói cấp tiến mà thật ra là rất bảo thủ. Và họ chơi nhạc cổ điển Tây phương có lẽ chỉ vì Lénine rất thích nhạc của Tchaikovsky.

Tôi không có ý chê nhạc cổ điển và khen nhạc jazz, ngược lại, tôi thích nhạc cổ điển hơn nhạc jazz. Điều tôi muốn nói là Cộng sản không chịu cho tự do văn nghệ mà luôn luôn chỉ huy văn nghệ, và đưa ra lý luận văn nghệ để chỉ huy nhưng họ lại tự mâu thuẫn với chính họ trong lý luận văn nghệ khi chối bỏ nhạc jazz và đề cao nhạc cổ điển.

Nhưng quần chúng Miền Bắc hiện nay cũng không để cho cộng sản hoàn toàn nắm được. Cho nên nhạc jazz và nhạc Miền Nam được phổ biến trái với

ý muốn của chính quyền cộng sản mà chúng vẫn không ngăn cản nổi.

Phản ứng của dân Miền Nam khi đọc các tác phẩm văn nghệ cộng sản thường không đúng như ý mong muốn của cộng sản.

Khi đọc quyển “Tháp Đã Tồi Thế Đây”, quyển sách kể chuyện một thanh niên Nga vào thời kỳ 1917 hăng hái hoạt động cho đảng Cộng sản Nga đến nỗi sau bị bệnh nặng liệt cả người, chúng tôi đã phê bình rằng người nào theo cộng sản thì rốt cuộc rồi cũng thế: khi còn sức lực thì phục vụ cho Đảng, khi ngã bệnh thì làm khổ gia đình, hậu vận thật xấu.

Hồi mới ra Quảng Ninh, chúng tôi có xem một vở kịch do Ban Văn nghệ của trại trình diễn. Đề tài của vở kịch là chống gian thương. Trong vở kịch, nhân

vật chính là một người đàn bà đem một con gà ra chợ bán, bị rượt bắt đem về cơ quan rồi bị phê bình kịch liệt. Cuối cùng người đàn bà nhận tội và ăn năn hối lỗi. Anh em chúng tôi xem, người nào cũng để ý đến việc xã hội Miền Bắc không có quyền đem con gà ra chợ bán.

Cộng sản chiếm được Miền Nam, đem chiến lợi phẩm về Miền Bắc rất nhiều, trong đó có cả những sách kiếm hiệp của Kim Dung, những tác phẩm văn nghệ Miền Nam, những băng cassette nhạc Miền Nam, mà chính quyền Cộng sản ra lệnh đốt bỏ nhưng vẫn được lén lút đem về Miền Bắc. Và rất nhiều máy thu thanh, mà cộng sản gọi là “cái nghe đài”. Các chiến lợi phẩm nay dần dần trở thành con ngựa thành Troie, nhờ đó tinh thần quần chúng Miền Bắc, và cả tinh thần cán bộ nữa, đã chuyển

biến khác xưa, và tiếng nói của những đài BBC, VOA... đã đến được tai những người Miền Bắc mà chính quyền Cộng sản này dù muốn cấm đoán cũng không cấm nổi.

4. Nạn cướp giết, trộm cắp, tham nhũng ở Miền Bắc trầm trọng hơn Miền Nam trước kia.

Gia đình chúng tôi từ Miền Nam ra thăm, chuyến nào cũng có người bị cướp giết hoặc nhìn thấy các vụ cướp giết. Trên các chuyến xe lửa và tại các ga xe lửa, các vụ cướp giết xảy ra thường xuyên. Các bà trong Nam ra thường phải rủ nhau ba, bốn bà đi chung để cùng nhau giữ đồ đạc chống bọn cướp giết. Tại tỉnh lỵ Thanh Hóa không có khách sạn, phòng ngủ tư nhân, mà chỉ có một nhà trọ do nhà nước tổ chức, tất nhiên là có Công an theo dõi những người đến trọ. Thế

mà ngủ tại nhà trọ này vẫn bị trộm, bị mất đồ đạc.

Hồi ở trại Quảng Ninh, sản chúng tôi trồng đến khi thu hoạch, mất khoảng 50%. Cán bộ thường nói là tù hình sự đã trộm, mà tù hình sự ban đêm ở trong phòng giam, nhưng thường sáng sớm đi ra lao động, chúng tôi thấy dấu tích các vụ đào bới trong ban đêm. Ở Thanh Hoá, đội chúng tôi phụ trách trồng rau, có được đám cải bắp trồng được thì sáng nào ra cũng thấy mất hàng chục bắp cải.

Trông số các bà đi thăm nuôi, có bà cho biết đã bắt được đường dây tham nhũng trong hệ thống cứu xét hồ sơ để thả những người đang bị giam giữ. Có bà cho biết rõ là đã gặp đến một ông cấp Thủ trưởng tại Hà Nội, ông này đòi 12 lượng vàng để lo vụ thả chồng bà.

Chúng tôi đọc những vụ báo Nhân Dân đăng lên cũng đủ rõ là nạn tham nhũng đi đến mức độ có hệ thống từ trên xuống dưới, vì thấy có những vụ làm ăn rất lớn, trong thời gian hàng năm mới phát giác, chứng tỏ là có nhiều người nhiều cấp phối hợp tham nhũng mới có thể thực hiện được như vậy.

5. Đời sống kinh tế Miền Bắc hiện nay là một bằng chứng rõ ràng về sự sai lầm của đường lối kinh tế Mác-xít.

Miền Bắc tự cho là đã xây dựng xong về cơ bản nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Nhưng thực tế cho thấy rằng những gì nhà nước cung ứng theo giá chính thức (một thứ giá cả hoàn toàn giả mạo) bằng hệ thống quốc doanh hay hợp tác xã, vẫn chỉ chiếm một tỉ lệ quá nhỏ trong đời sống dân chúng, mặc dầu nhà nước đã nắm hầu hết các tài nguyên sản xuất.

Trong khi đó, khu vực kinh tế bất hợp pháp vẫn hoạt động một cách thật hỗn độn, thật tệ hại, mà chính quyền Cộng sản dù chuyên chính cũng không cấm đoán được vì nếu diệt khu vực kinh tế này thì xã hội lại không sống nổi.

Sự sai biệt giữa giá chính thức với giá chợ đen thường là 1-10, 1-20 hoặc có khi 1-30. Giá chính thức một ký thịt lợn hơi (tức là giá heo đứng) chỉ có mấy hào trong khi giá chợ đen (mà họ gọi là giá tự do) ở Quảng Ninh là 6\$, rồi 7\$ năm 1977, lên đến 10\$ năm 1978 rồi khi vào Thanh Hóa thì trên 10\$ cũng không mua được nữa. Gia đình chúng tôi từ Miền Nam ra thăm nuôi mua vé xe toàn phải mua giá chợ đen. Giá vé xe lửa Sài Gòn-Thanh Hoá chính thức là 45\$ (chỉ có ghế ngồi, không có giường nằm) nhưng có bà cho biết đã phải mua với giá 300\$

(tương đương với 120,000\$ tiền cũ). Đối với xe đồ, sự sai biệt giữa giá chợ đen và giá chính thức còn cao hơn nữa.

Trên những đoạn đường đặc biệt không có xe đồ, có thể bắt chẹt được, thì các bà đi thăm nuôi chịu giá đặc biệt. Một chuyến xe trâu từ đường cái vào đến phân trại C chúng tôi chỉ độ hai cây số phải trả 200\$ (tương đương 80,000\$ tiền cũ), trong khi lương một bác sĩ mỗi tháng chỉ độ 60\$/ tháng.

Tính cách phi lý của giá cả làm người ta thấy rõ hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa hoàn toàn trái với tự nhiên. Nó chỉ là sự gò ép bó buộc của một chính quyền độc tài bắt người ta phải làm theo ý mình trong khi mọi người đều tìm cách phản ứng lại. Và chính quyền càng siết chặt thì mức sản xuất càng thấp, đời sống kinh tế càng bi thảm. Nếu chính quyền hơi

nới lỏng (vì phải đối phó với các vấn đề chính trị, quân sự) thì hệ thống chợ đen lập tức phát triển hỗn loạn ngay.

Trong lãnh vực sản xuất, mỗi khi thấy mức sản xuất quá sút kém mà những khẩu hiệu thi đua, những lăng hoa của Tôn Đức Thắng hay danh hiệu anh hùng lao động không đủ hấp dẫn để thúc đẩy sản xuất, họ cũng có nới lỏng đôi chút, cho một chuc tư lợi, tư hữu để khuyến khích sản xuất. Nhưng hơi nới lỏng thì họ lại vội vàng tìm cách ngăn chặn “khuynh hướng tư bản tái phát”. Nghĩa là chặn không cho mọi người làm giàu, sợ như vậy lại trở thành tư bản chủ nghĩa. Và trong trình độ kinh tế của Miền Bắc hiện nay, khi chặn mọi người làm giàu, chính quyền Cộng sản đã bản cùng hóa nhân dân, thực tế đã phơi bày rõ ràng như vậy. Đó là kết quả của chủ trương của Hồ Chí

Minh “từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên xã hội chủ nghĩa không kinh qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa”.

Đường lối kinh tế Mác-xít tự nó vốn đã sai lầm (điều này các sách vở đã nói qua nhiều và thực tế cũng đã chứng minh rồi, thiết tưởng không cần phải dài dòng ở đây) dù cho có kinh qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa. Nhưng trường hợp Bắc Việt chủ trương bước nhảy vọt từ kinh tế lạc hậu sang thẳng xã hội chủ nghĩa thì sự sai lầm lại càng tệ hại hơn.

Tại Thanh Hóa, khi đi làm lao động khổ sai, tôi đã gặp những bà già gầy còm mặt mũi hốc hác trông không còn ra người mà phải đi mòt sắn để kiếm ăn. Đám sắn của lũ tù đội chúng tôi, sau khi thu hoạch, chúng tôi đã mòt đi mòt lại năm lần bảy lượt, có còn gì đâu trong

miếng đất. Tôi nghĩ có lẽ các bà già ấy đã đói quá nên mới phải đi làm một công việc mà kết quả ít như vậy. Cả ngày đào xới mới kiếm được vài củ sắn. Với tuổi già sức yếu như thế đáng lẽ các bà phải được nghỉ ngơi. Tôi nhìn kỹ những bà già ấy, thậm nghĩ những con người này suốt đời biết gì là sung sướng. Sinh ra đói khổ, lớn lên đói khổ, về già đói khổ. Thế mà suốt mấy mươi năm cứ phải luôn miệng “ơn Bác ơn Đảng”. Ai phải chịu trách nhiệm về những cuộc đời cơ cực như vậy? .

Tôi đã thấy những em bé mới trông tưởng 8-9 tuổi hỏi ra thì đã 13-14 tuổi, lớn không nổi vì thiếu ăn, cả ngày dầm mình dưới nước bùn lầy để bắt cá trong mùa đông rét buốt. Hỏi các em sao không đi học, các em trả lời là “học trường vừa học vừa làm”. Nhưng chúng tôi thấy đa số

các ngày trong tuần, các em phải đi bắt cá, mò cua, mót sắn, mót khoai, không biết trường học của các em ở đâu và học trong những ngày nào?

Từ khu đất lao động, nhìn xa xa, chúng tôi thấy các khu nhà Hợp Tác xã, Nông Trường. Trong các khu nhà, thấy chẳng hơn gì các nhà tù mà chúng tôi đang sống. Đời sống ở nông trường cũng sống theo tiếng kèng. Kèng báo thức, kèng đi làm, kèng ăn cơm, kèng ngủ. Hợp Tác xã, Nông Trường cũng chỉ là những trại tập trung, rộng rãi hơn trại giam một chút mà thôi.

Tôi đã thấy những ống kem đánh răng mà kem khô đặc bốp mãi không ra, còn nhôm làm ống kem thì quá dòn và cứng, bốp mạnh thì vỡ. Tôi đã thấy những gói kẹo có ghi rõ nhà máy quốc doanh sản xuất kẹo mà kẹo thì chảy nước, còn

bao nylon thì rách và xấu xí không thể tả. Những sản phẩm tồi tệ như vậy, nếu là trong một xã hội tự do thì chắc chắn ai cũng chê, nhưng trong xã hội Miền Bắc thì người ta tìm mua không có.

Tiêu chuẩn phân phối rất là phân biệt. Trong chế độ phong kiến trước kia, tuy vua quan có được nhiều ưu quyền nhưng đâu có đến nỗi sâu nặng phải dành riêng cho vua quan. Thế mà trong chế độ tự xưng là cách mạng, cao hồ cốt chỉ được dành cho cấp tỉnh ủy trở lên, thuốc lá thì phân biệt thứ dành cho ủy viên Trung Ương, thứ dành cho tỉnh ủy, thứ dành cho huyện ủy, thứ dành cho quận chúng, không có lẫn lộn. Rượu cũng thế. Loại rượu mật ong chúa chẳng hạn, chỉ nhân viên cao cấp mới được phân phối. Cho nên Hà-nội có bài vè dài mà tôi không nhớ hết, bắt đầu bằng

câu: “Tôn Đản là chợ vua quan...” (Tại đường Tôn Đản Hà Nội, có cửa hàng phân phối các thứ dành cho cấp ủy viên Trung Ương Đảng).

Lúc chúng tôi ở Quảng Ninh, có anh bạn ra bệnh viện Hòn Gay mổ mắt, về kể lại rằng, khi đang mổ thì nghe bên ngoài có tiếng gọi phân phối cá. Thế là cả bác sĩ lẫn y tá đều bỏ chạy ra ngoài để lo việc mua cá. Ông bác sĩ, sau khi nhờ người đứng chờ lãnh giùm phần mua của ông, trở vào tiếp tục ca mổ, chắc lấy làm ngượng, cho nên giải thích rằng ở bệnh viện Hòn Gay, mấy tháng rồi mới được phân phối cá. Cá phân phối đến nơi thường là ươn hoặc gần ươn cả, nhưng dù sao giá cũng rẻ hơn mua ngoài. Lỗi phân phối như thế mà tự xưng là tiến bộ đấy.

Tôi đã nghe những anh bộ đội đào

ngũ bị bắt giam bên khu hình sự kể lại đơn vị của anh ban đầu được chỉ định làm kinh tế, phụ trách một nông trường trong Nam. Làm được mấy tháng thì được điều động ra chiến trường Campuchia, bỏ phí tất cả nông cụ tiền bạc đã chi tiêu sử dụng. Chủ trương đưa quân đội làm kinh tế đã hoàn toàn thất bại.

Kế hoạch ngũ niên 1976 – 1980 chỉ là một sự khôi hài. Kế hoạch dự trù đến năm 1980 mức sản xuất lương thực phải lên đến 21 triệu tấn, nhưng đến cuối năm 1979, các chuyên viên trong Ủy ban Kế hoạch nhà nước chỉ dám mong ước số lượng 15 triệu tấn cho năm 1980, nghĩa là còn dưới số sản xuất của năm ’76.

Hiện tại đã đói mà theo những con số do chính báo Nhân Dân nêu lên thì mức gia tăng sản xuất không theo kịp đà gia tăng dân số. Đó là thực chất của lộ

trình “tiến nhanh tiến mạnh tiến vững chắc lên xã hội chủ nghĩa”. Kết quả chắc chắn là càng ngày càng đói rách hơn.

6. Về phương diện hành chánh, chính quyền Hà-nội chủ trương Huyện là đơn vị kinh tế. Huyện phải là đơn vị mạnh nhất trong việc phát triển kinh tế địa phương. Toàn quốc hiện nay có khoảng 500 huyện (với dân số khoảng 50 triệu). Trong khi cấp tỉnh được ghép lại để cơ sở tỉnh ít hơn, thì cấp huyện vẫn giữ ghép lại, vẫn giữ khuôn khổ cũ. Tôi không biết với vai trò tích cực như thế, huyện có ngân sách riêng hay không. Nếu có ngân sách thì có lẽ nền hành chánh trở nên quá nặng nề; còn nếu không có ngân sách thì huyện lại không thể thi hành vai trò của mình được.

Dưới thời Đế Nhất Cộng Hoà, khi đưa ra quốc sách Ấp Chiến Lược, ông

Ngô Đình Nhu cũng giao cho cấp Quận giữ vai trò chủ yếu trong việc lập ấp chiến lược. Nhưng đơn vị thật ra là đơn vị Ấp, mà cấp Quận chỉ giữ vai trò đơn độc tích cực.

Còn bây giờ, ở Việt Nam, Huyện được quan niệm là đơn vị kinh tế, với vai trò tương đối tự trị.

Tôi không có đủ dữ kiện để phê bình chủ trương này, nhưng về phương diện hành chánh và kinh tế, tôi nghĩ chọn cấp Huyện làm đơn vị là không thích hợp.

7. Phụ nữ Miền Bắc bị bóc lột tàn nhẫn

Chính Tố Hữu đã nói “chúng ta sống trên lưng những phụ nữ trung niên”. Đàn ông và thanh nữ bị huy động phục vụ chiến tranh và phục vụ trong guồng máy

nhà nước công kênh, trở thành những kẻ ăn bám, để gánh nặng sản xuất đè lên vai giới phụ nữ trung niên.

Tôi đã nhìn thấy cảnh những Hợp Tác xã ra đồng làm việc, đại đa số là phụ nữ trung niên. Khẩu hiệu dành cho phụ nữ là “giỏi việc nước, đảm việc nhà”. Với câu khẩu hiệu mỹ miều ấy, họ đã bắt phụ nữ Miền Bắc, vừa phải lo việc sản xuất, vừa phải lo việc gia đình. Ông chồng thì Đảng và Nhà Nước thường bắt đi công tác xa, thỉnh thoảng mới về vài ngày tặng cho vợ cái bầu để cho vợ mang nặng đẻ đau nuôi con khôn lớn cho Đảng và Nhà Nước bắt đi lính phục vụ cho mưu đồ bành trướng của Nga Sô.

Hồi ở trại Quảng Ninh, tôi đã gặp một phụ nữ trung niên bị ở tù vì đã từ chối không chịu ký giấy thuận cho con trai mình ở tuổi vị thành niên đi bộ đội.

Bà uất ức nói với chúng tôi:

– Con mình đứt ruột đẻ ra, vất vả trăm chiều nuôi nấng nó; thế mà chưa kịp lớn thì Đảng đã bắt nó đi lính. Tôi không chịu ký giấy, kết quả là con tôi vẫn phải đi lính, thêm vào đó, tôi phải đi ở tù.

Cung cách đối xử lịch sự dành ưu tiên cho phụ nữ bị coi là lễ thói tư bản chủ nghĩa, là tác phong tiểu tư sản. Nam nữ bình quyền, đối với Miền Bắc, có nghĩa là phụ nữ phải làm việc nhiều hơn xưa, nặng nhọc hơn xưa, mà không được quý trọng bằng ngày xưa, mặc dầu vẫn phải mang nặng đẻ đau, vẫn phải gánh chịu công việc sinh con để bảo tồn nòi giống, công việc mà Tạo Hóa đã giao riêng cho người phụ nữ.

10

Trên đường về Nam

Chiều ngày 11-1-1980, đội chúng tôi đang trên đường về trại sau giờ lao động khổ sai, thì có một cán bộ đi xe đạp từ phân trại A qua, đến gần chúng tôi và hỏi anh Đội trưởng:

– Trong đội này có ai tên Trần Huỳnh Châu không?

Đội trưởng Nguyễn Thành Danh trả

lời có, và chỉ tôi. Tên cán bộ không nói gì, bảo để về trại sẽ hay. Tôi nghĩ chắc lại có gì rắc rối cho mình đây.

Đến cổng trại, trong khi các anh em khác vào trại, tôi được gọi riêng vào gặp cán bộ trực. Tên cán bộ trực hỏi tỉ mỉ về lý lịch của tôi, xong rồi bảo tôi về trại dọn gấp tất cả đồ đạc cá nhân để di chuyển ngay. Tôi bảo chưa ăn cơm chiều, tên cán bộ bảo lãnh phần cơm mang theo để tối ăn.

Tôi vào trại gấp rút dọn đồ đạc, chẳng hiểu vì sao phải di chuyển gấp như thế. Anh em tíu tít phụ giúp dọn đồ đạc cho nhanh, chào hỏi vắn tắt, chúc nhau may mắn.

Anh Tạo, trước là sinh viên Luật Khoa, Phong trào Quốc gia Cấp Tiến, đến nói nhỏ với tôi :

– Có thể chúng thả anh đấy, nhưng vì anh thuộc thành phần bị coi là không tiến bộ trong trại nên chúng không công bố.

Trước đó đã có vài đợt về, mỗi đợt chừng bốn, năm người và chúng có tuyên bố là cho về. Nhưng chuyện tôi thì chúng chẳng nói năng gì cả.

Tôi hấp tấp mang đồ đạc ra cổng, chúng tháo tung tất cả đồ đạc ra kiểm soát rất kỹ. Rồi bảo tôi mang đồ đạc đi bộ sang phân trại A, có một cán bộ đi xe đạp, mang súng hướng dẫn.

Sang đến phân trại A thì đã tối, chúng mở cửa một phòng giam tổng tôi vào đó. Vừa vào đến phòng giam tôi nghe có tiếng reo của nhiều người “A, Trần Huỳnh Châu”. Trong ánh đèn dầu lơ lơ, tôi nhận ra các anh Nguyễn Hữu Thới,

Nguyễn Đình Xướng, Bùi Minh Châu, Bửu Nghi, Nguyễn Bá Quát v.v... Các anh vội lấy nước cho tôi rửa mặt mũi, rồi tôi lấy phần cơm mang từ phân trại C qua, các anh mỗi người đem cho một ít thức ăn, tôi vừa ăn vừa nói chuyện với các anh về tình hình phân trại C.

Tối hôm ấy tôi không ngủ được, suốt đêm bần khoản không biết chúng nó đưa tôi sang đây để làm gì.

Sáng hôm sau, chúng gọi tôi lên Bộ Chỉ Huy. Một tên thiếu úy bắt tôi phải bỏ kính cận thị ra rồi mới bắt đầu nói chuyện. Tên này nói cả tiếng đồng hồ rồi mới tuyên bố trả tự do cho tôi. Tôi được trở về phòng giam lấy đồ đạc. Lúc ấy các anh trong phòng đã đi lao động cả, chỉ còn một anh trực ở nhà. Tôi nhờ giới lời chào tất cả anh em, cho biết là tôi đã

được thả, rồi mang đồ đạc lên văn phòng Bộ Chỉ Huy.

Chuyến ấy chúng tôi về có ba người: một anh bên Z6 (khu sĩ quan) là Thiếu tá Không quân Chử Quán Anh, một anh bên khu tù địa phương Miền Bắc (anh này năm 1954 đưa vợ con vào Nam rồi trở ra Bắc hoạt động đến năm 1964 bị bắt về tội gián điệp), và tôi. Các đợt trước chúng có cho ăn một bữa thịt trước khi về, nhưng đợt của ba chúng tôi thì chỉ có bữa ăn sáng gồm cơm trắng với canh rau thôi. Mỗi người chúng tôi chỉ ăn được chén cơm nhỏ vì trong lòng quá bồn chồn.

Chúng cho xe chở chúng tôi về Thanh Hóa, có Công An đi theo ra đến ga xe lửa giữ chỗ lấy vé cho chúng tôi xong mới chia tay.

Trại có cấp cho mỗi người 50\$ nhưng phải tự túc mua vé. Giá vé xe lửa Thanh Hóa về đến Sài Gòn là 45\$, chỉ có chỗ ngồi, không có giường nằm. Tiền lưu ký của chúng tôi được trả lại đủ, nhờ vậy tôi có 250\$ trong túi, không ngại gì về chi phí ăn uống dọc đường.

Lấy vé xe lửa xong thì mới khoảng 11 giờ sáng mà đến 7 giờ tối xe lửa từ Hà Nội mới vào đến Thanh Hóa. Chúng tôi, vào một tiệm phở gần nhà ga xe lửa để thưởng thức lại món phở mà gần 5 năm qua chẳng bao giờ được nhìn thấy.

Tiệm phở là một tiệm quốc doanh. Phải mua vé trước rồi mới vào lấy phở. Muỗng, đũa, nước mắm, mình phải tự đi tìm lấy. Có ớt nhưng không có chanh. Ăn xong đi tìm tăm nhưng không có. Mỗi tô phở giá 2\$ (800\$ tiền cũ). Tô phở chẳng ra gì, nhưng sau mấy năm mới được ăn

phở, bụng đang đói lại mừng được về, tôi làm một hơi hết ba tô. Hỏi tiệm có rượu không, họ lắc đầu. Tôi ra ngoài đường, đến một sạp bán nước chè, kêu rượu. Tôi làm luôn hai ly rượu đế, kéo một hơi thuốc Lào và thấy rằng dù sao thì được thả cũng khoái hơn là ở tù, tuy biết rằng mình vẫn còn như cá nằm trên thớt.

Chúng tôi trở lại nhà ga, nhờ anh bạn đồng hành giữ đồ đạc, còn tôi với Chữ Quán Anh thì đi một vòng xem thị xã Thanh Hóa. Thành phố gồm toàn những nhà cửa cũ kỹ, tiêu tụy. Không có một tiệm ăn, tiệm buôn nào ra hồn. Dọc lề đường, chỉ có những quán bán nước chè. Đường sá trong thành phố không được tu bổ, hư hỏng nhiều. Có một rạp hát mới xây cất trông sang trọng nổi bật hẳn trong đám nhà cửa cũ kỹ. Chắc là rạp hát này cũng là nơi tổ chức các cuộc

hội hợp lớn trong tỉnh. Cộng sản thường chê các xã hội tư bản là có sự cách biệt giữa thành thị và thôn quê. Nay các nước Tây phương đã đem tiện nghi đến cho thôn quê. Ngược lại trong xã hội Cộng sản Bắc Việt thì có sự cách biệt ngay giữa thành thị.

Rạp hát mới xây ở Thanh Hóa đứng cô đơn, trơ trẽn trong một thị trấn nghèo nàn, cũng giống như đường dây điện cao thế giăng ở thôn quê đói rách.

Năm 1975, Miền Bắc chiếm Miền Nam luôn miệng chê Miền Nam là “phồn vinh giả tạo”. Nay tôi nhìn tận mắt thấy cái nghèo đói thực sự của Miền Bắc bên cạnh một vài công tác xây dựng có tính cách tuyên truyền nhưng chỉ có tác dụng làm nổi bật thêm sự nghèo đói thực sự của toàn dân. Nó còn tệ hại hơn là phồn vinh giả tạo. Nó còn lỗ bịch hơn

là “trưởng giả học làm sang”. Nó là một thứ chính quyền học làm sang trọng một xã hội đói rách. Đáng lẽ phải đặt ưu tiên làm sao cho dân chúng có nhà cửa khang trang trước, thì chế độ tự mệnh danh là “nhân dân” ấy để mặc cho dân chúng sống trong những ngôi nhà tiêu tụy, để dồn tiền xây cất một vài công trình chỉ có tính cách chưng bảnh với người ta.

Trở lại nha ga xe lửa, chúng tôi thấy những người chờ xe nằm ngổ ngổng ngang trong ga và đẩy cả sân ga. Chúng tôi hỏi thì mọi người cho biết rằng hầu như ngày nào cũng có người chờ xe như thế. Quang cảnh nhà ga trông lồi thoi như cảnh chạy loạn trong chiến tranh. Thế mà tình trạng lồi thoi như thế mọi người vẫn thấy là bình thường. Người dân ở Miền Bắc đã quá quen với cảnh chờ đợi, cảnh vác chiếu ra sân ga, ra bến

xe nằm chờ chực nên chẳng ai thắc mắc nữa.

Khoảng bảy giờ rưỡi tối, xe lửa đến. Đây là chuyến tàu Thống Nhất. Chúng tôi lên xe tối 12-1, theo chương trình thì sẽ đến Sài Gòn sáng 15-1. Toa xe lửa của một nước Đông Âu đóng, trông cũng được. Chúng tôi lấy chỗ ngồi. Khi xe huýt còi chạy, chúng tôi nhìn nhau, cảm động bảo nhau “chúng ta thực sự bắt đầu đi về Sài Gòn rồi đây”.

Sáng hôm sau xe đến Đồng Hới. Chúng tôi thấy xe ngừng lâu, xuống kiểm cháo ăn sáng rồi hỏi những người bán hàng mới biết là ga Đồng Hới. Không còn nhà ga. Chỉ là một bãi đất trống. Những người bán thức ăn đều ngồi dưới đất.

Gần trưa thì xe qua cầu sông Bến Hải. Khoảng ba giờ chiều, xe đến Huế. Khi xe sắp qua cầu Bạch Hổ, chúng tôi đứng sẵn ở cửa toa xe, chuẩn bị nhìn lại thành phố Huế. Xe qua cầu, chúng tôi nhìn thấy chiếc cầu xây sau Tết Mậu Thân bắc qua sông Hương ngang chỗ Phu Văn Lâu, xa nữa là cầu Trường Tiền. Dòng sông Hương vẫn êm đềm chảy, thành phố vẫn là thành phố Huế, nhưng trên cột cờ Phu Văn Lâu lại có lá cờ đỏ sao vàng, trông thật đáng giận.

Xe đến ga Huế, chúng tôi nhảy xuống định tìm một tô bún bò giò heo gần 5 năm mong nhớ mà không thấy gánh bún nào trông được cả.

Buổi trưa chúng tôi đã ăn một đĩa cơm ở toa hàng ăn. Cách phục vụ của toa hàng ăn thật là buồn cười. Trông bề ngoài, thấy toa hàng ăn cũng được lắm.

Nhưng mới đến chín giờ sáng, toa hàng ăn hầy còn khóa cửa, không ai vào được. Trong đêm, tôi cứ mong trời sáng để lên toa hàng ăn ngồi uống một cốc cà-phê. Hồi trước tôi hay đi xe lửa Sài Gòn – Nha Trang- Đà Nẵng trong những năm xe lửa còn chạy được. Điều thích thú nhất của tôi khi đi xe lửa là sáng sớm lên toa hàng ăn ngồi uống cà-phê nhìn ra phong cảnh bên ngoài. Tôi vẫn tưởng toa hàng ăn cũng kiểu như ngày xưa, không ngờ buổi sáng lên xuống mấy lần cửa toa vẫn khóa kín. Hỏi ra mới biết rằng toa hàng ăn chỉ bán buổi trưa và chiều, đến tối thì nhân viên toa hàng ăn khóa cửa để ở riêng với nhau trong toa. ngủ cho đến sáng, mới tà tà thức dậy nấu cơm rồi đến trưa mới bán. Khoảng 10 giờ, nhân viên toa hàng ăn mới đi các toa, bán vé ăn cơm trưa. Muốn ăn phải mua vé trước. Mỗi vé là một đĩa cơm. Tuy mua vé rồi, nếu đến

chậm vẫn có thể hết cơm. Có vé trong tay rồi mới lên toa hàng ăn xếp hàng để đợi lãnh đĩa cơm của mình. Lãnh xong lại ra tự đi kiếm muống dưa và nước mắm. Ăn hết đĩa cơm mới thấy rằng phải ăn ba đĩa mới no. Nhưng toa hàng ăn đã hết cơm. Chẳng phải là vì khách ăn đông đâu. Những người thường đi xe lửa họ chỉ chờ đến các ga xuống mua thức ăn chứ chẳng mấy ai ăn ở toa hàng ăn. Nhưng cơm đã hết vì nhân viên toa hàng ăn chỉ nấu rất ít. Họ làm cho nhà nước mà. Toa hàng ăn là một thứ của hàng quốc doanh. Khi xếp hàng lãnh đĩa cơm, tôi thoáng nghe có người nói “xã hội chủ nghĩa xếp hàng cả ngày”.

Xe rời ga Huế, đến Phú Bài, tôi thấy phi trường Phú Bài trống trải, vắng lặng. Vào đến Đà Nẵng thì trời đã tối. Chúng tôi xuống ga Đà Nẵng kiếm cơm ăn. Cửa

hàng quốc doanh tại ga Đà Nẵng lại còn phải xếp hàng, chen lấn vất vả hơn trên toa hàng ăn nữa. Tôi đứng ở sân ga Đà Nẵng, không nhìn thấy một người nào quen, dù Quảng Nam Đà Nẵng là quê hương tôi.

Sáng hôm sau, xe đến Diêu Trì. Chúng tôi nhảy xuống, ngồi dưới đất ăn cháo của mấy bà bán hàng rong, đỡ phải xếp hàng.

Khi xe đến Đèo Cả, sắp vào hầm, tôi nhìn thấy Hòn Vọng Phu trên núi. Tôi sực nhớ đến bức thư của vợ tôi viết sau khi thăm tôi ở Thanh Hóa về, hồi tháng bảy năm 1979:

“Em đi trên xe lửa, nhìn thấy Hòn Vọng Phu gục đầu hướng về phương Bắc trông chồng, lòng nao nao muốn khóc. Nhưng em không cúi đầu như người

vọng phu hóa đá. Em vẫn ngẩng cao đầu...”

Tôi nghĩ đến những vất vả nhọc nhằn cả vật chất lẫn tinh thần mà vợ tôi phải chịu đựng trong gần 5 năm, suốt thời gian tôi ở tù. Sau công ơn của Đảng Sinh Thành, là công ơn của vợ. Tôi còn sống được mà về như thế này là nhờ vợ. Không có thức ăn và thuốc men của vợ gửi ra thì tôi đã bỏ xác ở Quảng Ninh hoặc Thanh Hoá rồi. Vợ tôi vẫn ngẩng cao đầu dù tôi đang ở tù. Ngẩng cao đầu vì chẳng có gì phải xấu hổ dù tuyên truyền Cộng sản có gọi chúng tôi là “ngụy”. Ngẩng cao đầu vì dân chúng vẫn thương mến gia đình những người chế độ cũ. Ngẩng cao đầu để đủ sức chạy ngược chạy xuôi nuôi con, nuôi chồng và giúp đỡ cả bà con họ hàng hai bên. Ngẩng cao đầu để chống đỡ áp lực bắt đi vùng kinh tế

mới. Tuy ngẩng cao đầu như vậy, vợ tôi đã phải khóc nhiều lần, đứa em tôi đã cho tôi biết như thế, vì nhiều lúc quá cơ cực đắng cay. Nay tôi trở về, chẳng có cái vinh quang của người chinh phu về, chỉ có sự vui mừng lúc đoàn tụ, nhưng là sự vui mừng rất hạn chế trong khi thân mình, dân tộc mình còn sống dưới ách cộng sản.

Xe lửa đến Nha Trang vào khoảng hai giờ chiều.

Tôi đã sống ở Nha Trang từ năm 1953 đến 1956, khi còn là một học sinh trường Trung Học Võ Tánh, Nha Trang, thành phố xinh đẹp với những kỷ niệm buổi thiếu thời.. Tôi bước xuống sân ga, và cũng như ở Đà Nẵng, không nhìn thấy một người nào quen cả. Những người bạn cũ của tôi đâu cả rồi... Quả là chế độ cộng sản đã thay đổi hẳn lớp người.

Tôi nhìn lên nhà thờ Nha Trang. Ngôi nhà thờ vẫn đó, kỷ niệm đêm Noël 1955 vẫn còn bồi hồi trong lòng tôi, nhưng những người chung quanh tôi ở sân ga Nha Trang nay toàn là người lạ.

Xe rời ga Nha Trang, tôi mở cửa sổ nhìn ra ngoài và suýt nữa bị một viên đá ném vào người. Đây là một hiện tượng kỳ lạ: xe lửa bị ném đá. Không phải chỉ ở Nha Trang. Xe đã bị ném đá nhiều lần ở các tỉnh Miền Bắc lẫn Miền Nam, và nhân viên Cục Đường Sắt đã quen thuộc với việc này nên thường xuyên nhắc nhở hành khách phải đóng cửa sổ lại, và đóng bằng cửa gỗ chứ không phải cửa kính, để đá khỏi bị ném vào toa xe hoặc làm vỡ cửa kính. Trẻ con đứng dọc theo đường xe lửa vừa reo hò vừa ném đá, sự việc diễn ra nhiều lần trong thời gian lâu rồi

mà không thấy chính quyền giải quyết gì cả.

Tại các nước tự do, người ta có tự do chê bai Tổng thống, chê bai chế độ, nhưng người ta giữ rất kỹ kỷ luật đi đường, kỷ luật làm việc. Còn trong chế độ Cộng sản Việt Nam, người ta chỉ giữ rất kỹ việc hoan hô Bác và Đảng, còn trẻ con ném đá lên xe lửa dường như là việc không đáng chú ý. Khi về đến Sài Gòn, tôi nghe có người nói rằng việc ném đá này bắt nguồn từ khi khánh thành việc tái lập đường sắt Bắc Nam nhân dịp Đại Hội Đảng Kỳ IV. Các đoàn xe lửa đã cắm cờ đỏ sao vàng, trên xe toàn là cán bộ đội nón cối nên các trẻ em không ưa, rủ nhau ném đá, thành thói quen ném đá mãi đến bây giờ, và lại phát triển ra cả các tỉnh Miền Bắc nữa.

Khoảng ba, bốn giờ khuya thì xe đến Rừng Lá, khi xe đi lên một đoạn đường dốc, tôi thấy một đám người rất đông đang làm củi trong rừng. Lợi dụng xe lên dốc chạy chậm, họ nhảy lên xe giật đồ đạc của hành khách, vừa giật vừa cười đùa với nhau. Trong khi đó, một nhóm người quăng củi lên các toa khác để chở về Sài Gòn, chắc là chở lậu về. Thế mà nhân viên Cục Đường Sắt vẫn ngồi nói chuyện với nhau như thường. Về sau tôi mới biết chuyện xảy ra rất thường, chuyển xe nào cũng vậy, chẳng có gì lạ cả. Chuyển tàu Thống Nhất thế này còn là khá. Các chuyển tàu chợ, chạy đoạn đường ngắn, bọn cướp giật còn lên các toa xe soát xét, sờ rầm từng người, kể cả đàn bà con gái. Nhân viên công an cộng sản thật đông nhưng chúng chỉ để ý đến việc đàn áp chính trị, còn các tệ nạn xã hội thì chúng giải quyết rất kém.

Từ Long Khánh trở đi, đầu máy xe lửa bị hư, xe chạy rất chậm, mỗi khi lên dốc chạy không nổi. Vì vậy đáng lẽ xe đến ga Bình Triệu lúc sáng sớm thì mãi trưa mới đến. Lúc xe chạy ngang vùng Suối Lồ Ổ tôi nhìn thấy Nghĩa trang Quân Đội, và ngậm ngùi cho những chiến sĩ Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa hy sinh vì Tổ Quốc. Ga Bình Triệu không có xây cất gì, quang cảnh lồi thối, dơ bẩn, trông rất là tạm bợ.

Khi về đến nhà, tôi định dành cho vợ tôi sự ngạc nhiên khi nhìn thấy tôi, nhưng không được. Tôi vừa bước xuống xe, cả xóm đã reo ầm lên. Mọi người đổ xô đến hỏi thăm tíu tít, kêu cửa nhà tôi rầm lên. Hàng xóm láng giềng vẫn là của tôi, nhân dân vẫn là của ta. Cảm tình nồng nhiệt của đồng bào, vẫn dành cho những người chế độ cũ, dù rằng chế độ

cũ trước đây có rất nhiều khuyết điểm.

Sài Gòn bây giờ đầy những trụ sở Công An. Mỗi phường có một trụ sở công an. Số phường nay nhiều hơn trước, vì cộng sản chia một phường cũ thành nhiều phường để việc kiểm soát được chặt chẽ. Tất cả các cây xăng đều đóng cửa nhưng xăng lậu bán từng chai, góc đường nào cũng có. Sự lưu thông trong thành phố còn có được là nhờ xăng lậu, xăng ăn cắp. Mỗi buổi chiều, khi hoàng hôn xuống, làm một vòng các đường phố, thấy dân đi vùng kinh tế mới bỏ trốn về Sài Gòn, không có nhà ở (vì nhà cũ đã bị tịch thu) nằm la liệt trên các lề đường. Tôi ước tính có khoảng 100,000 người sống trên lề đường kiểu này.

Đề tài hàng ngày của mọi người là đánh số đề và vượt biên. Dân chúng Sài Gòn chửi cộng sản mạnh bạo hơn

là sự tưởng tượng của chúng tôi trong tù. Người ta kể chuyện ở những vùng mật khu của cộng sản ngày trước, vùng “thành đồng đất thép” của chúng, những “bà mẹ chiến sĩ” ngày nay tâm sự với nhau: “trước kia chúng nó núp dưới hầm bí mật, mình giả vờ làm bụng có chứa để đem thức ăn, đem tài liệu về cho chúng. Bây giờ có chính quyền rồi chúng bóc lột dân như thế, kìm kẹp dân như thế, mong sao cho Việt Nam Cộng Hòa trở lại, chúng mà núp dưới hầm bí mật thì mình nấu nước sôi mà đổ vào hầm.”

Lòng dân như thế nhưng không thấy có người nào, có tổ chức nào lãnh đạo chống cộng. Đành phải tính chuyện vượt biên, dù biết rằng vượt biên rất nguy hiểm, và có may mắn đến được bến bờ Tự Do thì cũng sẽ còn nhiều vấn đề, còn nhiều ưu tư.

Sau gần 5 năm ở tù, về ở Sài Gòn được 3 tháng, tôi lại lên đường.

11

Một vài cảm nghĩ

Cơn ác mộng của tôi đã qua. Nhưng tôi đã phải rời bỏ quê hương, và dân tộc Việt Nam hãy còn sống trong nô lệ, những bạn bè thân thiết của tôi vẫn còn ở trong những trại khổ sai đều cáng ở Miền Bắc và Miền Nam.

Thế mà vừa đến được trại tị nạn, tôi có ngay cái cảm tưởng là đa số chúng ta

đã quá bội bạc với những người còn ở lại. Mọi người chỉ trông thư, trông tiền, trông ngày đi định cư, nôn nao bàn tán hàng ngày về những tin tức định cư mà tâm tư dành cho những người còn ở tù tại Việt Nam thì dường như chỉ chiếm một chỗ rất nhỏ trong lòng. Anh em còn ở trong tù từng phút từng giây mong đợi ở những người bên ngoài. Chiến dịch nhân quyền mà hồi ở tù chúng tôi biết được qua những bài báo chống đối Cộng sản, và qua những tin tức rất hạn chế nghe được, đã an ủi chúng tôi rất nhiều. “Thế giới chưa quên chúng ta” – chúng tôi đã nói với nhau như vậy khi nói đến chiến dịch nhân quyền. Nhưng chỉ chiến dịch nhân quyền chưa đủ. Kẻ lì lợm như Cộng sản, nhất là Cộng sản Việt Nam, phải chịu những đòn nặng nề hơn, cụ thể hơn, mới mong có sự thay đổi.

Chúng ta, những người chống cộng, dù đã thua trận phải bỏ nước ra đi, vẫn còn chia rẽ, nghi kỵ nhau, đổ trách nhiệm cho nhau.

Tôi nghĩ bây giờ không phải là lúc ngồi chửi nhau. Trong hoàn cảnh mất nước, mỗi người chúng ta đều phải tự nhận trách nhiệm của mình. Người lãnh đạo phải nhận trách nhiệm đã lãnh đạo tồi tệ và đã không thành tín với dân chúng. Người đối lập phải nhận trách nhiệm đã phá rối trật tự, làm hại tinh thần chiến đấu chống cộng. Tưởng ta phải nhận trách nhiệm đã chỉ huy kém, đã tham nhũng. Công chức, cán bộ phải nhận trách nhiệm đã ươn hèn, tham nhũng. Ký giả xách bị gậy đi biểu tình phải nhận trách nhiệm đã gây dư luận rã rời trong lúc nước sắp mất...

Tất cả chúng ta đều có trách nhiệm đối với những trẻ em đã rơi xuống biển trong cuộc di tản 1975, những thương binh Việt Nam Cộng Hòa bị đuổi khỏi các bệnh viện trong ngày sụp đổ, những người con gái bị hải tặc hiếp dâm trong khi đi tị nạn, những người hiện còn ở trong các trại tù.

Tôi nghĩ đến những người Biệt Kích đã ra đi công tác tại Miền Bắc từ thời bác sĩ Tuyền, họ nghe Tổng Thống Diệm bị lật đổ, họ nghe đảo chính, chính lý liên tiếp ở Miền Nam, cho đến lúc nghe tin Dương văn Minh đầu hàng Cộng sản, và nay họ vẫn còn tiếp tục ở tù. Những người đã ra lệnh cho họ đi công tác, và những cố vấn Mỹ của chương trình này, nay ở đâu?

Trong một chế độ bất ổn, mọi người chống đối nhau, thanh toán nhau, rồi

kéo nhau chạy ra ngoại quốc, kẻ ở Pháp, người ở Mỹ, hoặc tiếp tục chửi nhau, hoặc im lặng sống trong những ngôi nhà tiện nghi, để lại các viên chức xã ấp cho cộng sản về thanh toán, để lại các phế binh cụt cả hai chân bò đi ăn xin ngoài đường, để lại những người khí tiết bắn vào đầu tự tử, để lại những người anh em ở trong các trại khổ sai không biết bao giờ thoát được ra.

Tôi nghĩ đến những người Đồng Minh đã cùng chúng ta chiến đấu bảo vệ Tự do, và khi chúng ta mất nước thì họ vẫn là siêu cường; và liệu chúng ta vẫn nên cảm ơn rằng dù sao thì họ cũng đã đổ máu và đổ tiền để giúp chúng ta bảo vệ Việt Nam Cộng Hòa, hay là trách họ rằng đã bỏ rơi một tiền đồn Thế giới Tự Do, trong chiến lược toàn cầu của họ?

Tôi nghĩ đến những em bé Miền Bắc mà tôi đã gặp đi bắt cá mò tôm trong những ngày đông tháng giá, áo quần không có. Tôi nghĩ đến những bà già Miền Bắc suốt đời đói khổ làm lưng vất vả phải luôn miệng nhớ ơn Bác ơn Đảng trong khi thân thể chẳng còn ra được dáng người.

Tôi nghĩ đến những người bị đuổi đi vùng kinh tế mới, sống không nổi, trở về thành phố cũ, vợ con nheo nhóc nằm trên lề đường giữa mùa mưa gió.

Chế độ cộng sản thực ra chẳng có gì mạnh. Lý thuyết cộng sản đã tỏ rõ là không tưởng trong lý thuyết và sai lầm trong thực tế. Cộng sản chỉ nắm chính quyền bằng những kỹ thuật chính quyền của Lénine, chứ không phải nhờ lý thuyết của Marx. Kinh tế Việt Nam bây giờ ngày càng xuống dốc nhưng những kẻ cầm

quyền giáo điều. Hết đổ lỗi cho đế quốc thực dân đến đổ lỗi cho thiên tai, chứ họ chẳng bao giờ chịu nhận là chính họ đã sai lầm về đường lối căn bản.

Thực tế là hơn ba mươi năm nay, Hồ Chí Minh và đảng Cộng sản Việt Nam đã bắt dân tộc Việt Nam phải chiến đấu cho công cuộc bành trướng của Nga Sô để khoảng mười triệu người đã phải bỏ mình, và áp dụng một đường lối sai lầm làm cho mọi người ngày càng nghèo khổ đói rách. Cộng sản Việt Nam tự cho rằng trong mấy mươi năm nay họ đã làm được hai cuộc cách mạng: cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, và cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Kết quả của cái gọi là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc chỉ là để dâng cảng Cam Ranh cho Nga và tàu chiến Nga có thể vào vịnh Thái Lan. Kết quả của cái gọi là cuộc cách mạng xã hội

chủ nghĩa chỉ là mọi người đều phải đi làm thuê cho nhà nước trong tình trạng đói rách, bần cùng.

Trước khi vượt biên, tôi nghe có người nói chuyện rằng trong một phiên họp, Võ văn Kiệt, Bí thư Thành bộ Sài Gòn, có nói “cần phải chấm dứt tình trạng phi lý là trong khi một bác sĩ chuyên khoa tại bệnh viện mổ dạ dày con người để vá lại thì chỉ được trả có mấy hào (tính theo số lương mà bệnh viện phát cho), còn một anh sửa xe đạp ngoài lề đường vá một cái ruột xe đạp thì ăn đến mấy đồng.” Tôi không biết câu chuyện có thật không, nhưng nếu quả Võ văn Kiệt có nói như thế thì các bác sĩ chẳng có gì đáng mừng, nhưng những người sửa xe đạp thì rất đáng lo, bởi vì cộng sản xưa nay vẫn chỉ một cách giải quyết đối với các trường hợp bất bình đẳng là dành cho tất cả mọi

người đều nghèo xuống chứ không phải là nâng người nghèo lên đâu.

Tình trạng dân chúng chống đối ngày càng công khai, sự chia rẽ trong nội bộ đang vì vấn đề Trung quốc, nạn tham nhũng lan tràn, quân sự sa lầy, kinh tế lụn bại... mỗi yếu tố đều khiến cho ta thấy sự sụp đổ của chế độ cộng sản đã được báo trước. Nhưng không phải cứ thế rồi tự nó sụp đổ. Phải có người hoạt động lật đổ nó.

Tôi nghĩ rằng việc lật đổ chế độ cộng sản Việt Nam không phải là việc khó. Nếu chúng ta làm không được thì đó là tại chúng ta quá kém chứ không phải là tại việc khó. Tất nhiên chúng ta không thể lật đổ chúng bằng tay không, trong khi chúng được Nga sô viện trợ mỗi ngày ba triệu dollars. Nhưng chúng ta cũng chẳng thể ngồi chờ cho các cường

quốc dọn dẹp ngôi đình Đông Dương, dọn mâm cỗ sẵn để cho chúng ta giành nhau đóng vai Tiên Chỉ.

Tôi cho rằng cái khó đối với chúng ta là làm sao xây dựng lại nước Việt Nam sau khi Cộng sản sụp đổ. Hàng ngũ chúng ta dường như lúc nào cũng bê bối. Quân chúng Miền Nam hiện giờ rất tốt, họ đã biết cái tự do bê bối ngày trước và biết tính cách nô lệ của chế độ Cộng sản hiện nay. Nhưng nếu tình hình này kéo dài năm, mười năm nữa thì không biết lớp thanh niên sau này sẽ như thế nào.

Còn quân chúng Miền Bắc, sau mấy mươi năm sống dưới chế độ Cộng sản, họ đã quen với lối làm việc mà hiệu năng kinh tế rất kém, tôi e rằng sau này dù có đường hướng tự do họ cũng chậm chạp trong công cuộc phát triển kinh tế vì thiếu sáng kiến, thiếu khả năng kỹ thuật,

và có thể ngã về con đường tự do vô kỷ luật.

Trong hoàn cảnh như vậy, những người lãnh đạo, những cấp chỉ huy và cả bộ máy chính quyền phải có chính sách đúng, chấp hành đúng, kỹ thuật cao, mới có thể đem lại trật tự xã hội và thúc đẩy, phát triển kinh tế. Không chuẩn bị sẵn đường lối chính sách và hàng ngũ cán bộ thì dù thời cơ có đến, chúng ta cũng chỉ là những kẻ ăn hại nữa mà thôi.

Trên chuyến xe lửa từ Thanh Hóa về Saigon, tháng chạp năm Kỷ Mùi, khi xe qua cầu Bạch Hổ, tôi nhìn thành phố Huế, nhìn cột cờ Phú Văn Lâu bên ngoài Thành Nội và nghĩ đến những biến chuyển của đất nước kể từ năm 1945. Cột cờ Phú Văn Lâu với lá cờ Long Tĩnh thời Pháp thuộc, lá cờ Quẻ Ly thời Nhật, lá cờ đỏ sao vàng khi vua Bảo Đại thoái vị, rồi

lá cờ vàng ba sọc đỏ của Quốc Gia Việt Nam, của Việt Nam Cộng Hòa... Phu Văn Lâu cũng là nơi mà năm 1964, Mac Namara Bộ trưởng Quốc phòng Hoa Kỳ đã hô lớn “Việt Nam muôn năm”.

Tôi chợt nhớ câu thơ của Vũ Hoàng Chương:

Ta còn để lại gì không

Kìa non đá lở này sông cát bồi...

Và lại nhớ đến câu hát trong bài Tâm Ca của Phạm Duy: ·

“... để lại cho em hèn kém của anh”.

Nhưng trên dòng sông Hương u buồn như đoạn đầu ở thể nhạc mineur của bản Tâm Ca, từ đáy lòng, tôi vẫn nghe dội lên tiếng sóng dàu dàu, rộn rã như điệp khúc đã chuyển qua majeur của bản nhạc:

“Xin nhận lời tranh đấu...

Cho niềm kiêu hãnh vươn lên.”

Khởi sự tại trại Tỵ-nạn

Songkla, Thái-lan.

Viết xong tại trại

Tỵ nạn Galang, Indonesia.

ngày 9-11-1980

Trần Huỳnh Châu

